# VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

NGUYỄN TRỌNG KHÔI

SỐ 63 THÁNG NĂM 1991

# VĂN HỌC

## TRONG SỐ NÀY:

• **Trần văn Tích:** *mảnh quần hồng hoen ố rượu rơi* biên khảo trang 1 • **Nguyễn Tất Nhiên:** *em yêu dấu* thơ trang 15 • **Trúc Chi:** *tiếc* thơ trang 16 • **Võ Đình:** *"thằng môđi" và người nữ việt nam* phê bình trang 18 • **Cao Đồng Khánh:** *cánh cửa phù dung* thơ trang 36 • **Khánh Trường:** *những bàn tay đẹp* truyện ngắn trang 38 • **Phó Ngọc Văn:** *nhuận* thơ trang 51 • **Lưu Nguyễn:** *trăm năm một thoáng tà dương bay vèo* thơ trang 52 • **Triều Hoa Đại:** *phố núi* thơ trang 53 • **Hồ Đình Nghiêm:** *ma đè* truyện ngắn trang 54 • **La Toàn Vinh:** *dấu chân trên tuyết* thơ trang 63 • **Vạn Giả:** *hệ lụy* thơ trang 64 • **Dino Buzzati - Nguyễn Khanh dịch:** *bạn vàng* truyện ngắn trang 65 • **Trần thị Diệu Tâm:** *tìm trong quá khứ* truyện ngắn trang 74 • **Dương Như Nguyện:** *em đã yêu bóng tối từ thuở tay anh kề cận* thơ trang 81 • **Phạm thị Ngọc:** *mảnh vỡ* truyện ngắn trang 85 • **Nguyễn Mạnh Trinh:** *đọc ánh sáng và bóng tối, hồi ký hoàng liên* điểm sách trang 90 • **Quỳnh Giao:** *đọc thi phẩm tĩnh tọa của hoàng liên* điểm sách trang 96 • **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động* chuyện dài trang 101 • Tranh bìa **Nguyễn Trọng Khôi.**

BAN CHỦ BIÊN:

Nguyễn Mộng Giác ✡ Nguyễn Xuân Hoàng ✡ Cao Xuân Huy ✡ Hoàng Khởi Phong ✡ Nguyễn văn Sâm ✡ Trịnh Y Thư ✡ Khánh Trường ✡ Trương Vũ

**Chủ bút:** Trịnh Y Thư

**Tổng thư ký:** Cao Xuân Huy

**Trị sự:** Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRẦN VĂN TÍCH

# mảnh quần hồng hoen ố rượu rơi

R.H. van Gulik và J. Needham, một người trong một tác phẩm độc đáo (1), một người trong hai công trình đồ sộ (2), đã mô tả cuộc sống phòng the Á đông ngày trước với những chi tiết rất hấp dẫn và ngoạn mục, mà nếu đem so với *Hồng Lâu Mộng*, (3) với *Tây Sương Ký* (4) chẳng hạn thì vượt rất là xa. Chẳng những chỉ trình bày về trang phục nữ giới qua các triều đại, về quan niệm thẩm mỹ cơ thể theo bước thời gian, sách của họ còn có những bức dâm họa rất rùng rợn mê ly. Nếu thời Đường Tống hoàng tử trong mộng của các thiếu nữ là một dấng trượng phu nam tử đứng tuổi, mạnh khỏe, hùng tráng, cơ thể nảy nở, râu ria xồm xoàm thì qua đời Minh, đó lại là một trang thanh niên trẻ trung, mày râu nhẵn nhụi, ưa thích vũ thuật, quyền cước, kiếm pháp, cưỡi ngựa và săn bắn. Chân dung người đẹp lý tưởng cũng thay đổi qua thời gian: đời Tùy Đường Minh, mỹ nhân phải là người tròn trặn, có da có thịt, ngực đầy và chắc, eo to, háng nở, đùi mập. Qua đời Thanh, tiêu chuẩn mỹ học lại là dáng buồn như liễu, điệu gầy như mai; hình hài người đẹp phải tha thướt, mảnh khảnh, uyển chuyển. Điều đáng nói là các tài liệu về tính dục, về kỹ thuật giao hoan không phải là hiếm hoi trong kho tàng thư tịch chữ Hán. J. Needham chẳng hạn đã kể *Tố Nữ Kinh, Huyền Nữ Kinh, Ngọc Phòng Bí Quyết, Đồng Huyền Tử, Thiên Địa Âm Dương Đại Lạc Phú v.v...* Ngay các tài liệu y học cũng dành những chương rất chi tiết nhằm phác họa khía cạnh sinh bệnh lý tính dục, chẳng hạn bộ *Thiên Kim Dực Phương* của Tôn Tư Mạc (581 - 682) đời Đường. Y thư thuở đó cho biết rằng bệnh lậu đã phủ bóng đen ảm đạm lên cuộc vui đầy tháng trận cười thâu đêm, và có lẽ trước đời Đường, nòi Hán cũng từng là nạn nhân của hung thần *Neisseria gonorrhoe* (5) rồi. Tuy nhiên

bệnh giang mai thì chỉ lan tràn vào đất Trung hoa sau thế kỷ XIII, với những tên gọi *đố tinh sang* (6) ở nam giới, *âm thực sang* (7) ở nữ giới. Phái đẹp còn bị chứng *đậu mai*, là một loài mụn loét mọc lan tràn vòng quanh cổ (8), theo sách *Nhân Tế Trực Chỉ* của Dương Sĩ Doanh, xuất bản năm 1264.

Những tư liệu tính dục học và bệnh lý học vừa kể lưu truyền rất rộng rãi và chắc chắn đã được tiền nhân Việt nam tìm đọc. Lãn Ông chẳng hạn trong *Y Trung Quan Kiện*, từng nhắc đến năm chứng lậu, với đi tiểu luôn mà gắt, muốn đi mà không được, cứ nhỏ giọt không dứt, nặng quá thì sinh chứng *lung bế* (coi như bí tiểu). Trong *Vệ Sinh Yếu Quyết*, Lê Hữu Trác cũng đan cử dài dòng về bài ca vệ sinh, về phương pháp dưỡng sinh của chân nhân Tôn Tư Mạc, về phép phong bế để khỏi bị di mộng tinh. Còn Nguyễn Đình Chiểu, chỉ riêng trong *Ngư Tiều Vấn Đáp Y Thuật*, đã hơn một lần nhắc đến *Thiên Kim Dực Phương:*

*Thiên kim tác diển hình*

[Sách Thiên kim (dực phương) nên lấy làm khuôn mẫu]

Còn câu *Mật to, lòng nhỏ, trí tròn, nết vuông* trong cùng tác phẩm thì chỉ là một câu dịch lời Tôn Tư Mạc: *Tâm dục tiểu, đảm dục đại, trí dục viên, hạnh dục phương.*

Vậy cho nên nhất định những Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Ngô Thì Sĩ v.v... mà trước tác còn truyền lại cho thấy là rất chăm đọc sách, hẳn đã từng xem những loài tư liệu "ác ôn" đó rồi. Thế nhưng các cụ tuyệt nhiên không hề đá động đến chúng khi cầm cây bút. Mà có phải đời sống phòng the của các cụ hiền lành như... chúng ta ngày nay đâu! Nguyễn Du có bà vợ cả là con gái thứ sáu của Hoàng giáp Đoàn Nguyễn Thục, em gái Đoàn Nguyễn Tuấn; bà vợ kế của thi hào họ Võ; bà vợ thiếp không rõ họ gì; các bà sinh cho tác giả *Truyện Kiều* mười hai trai và sáu gái. Thân phụ nhà thơ còn tài ba hơn: Nguyễn Nghiễm có tám bà vợ và hai mươi mốt người con, trong đó có mười hai con trai. Nguyễn Trãi có tối thiểu bốn vị phu nhân. Ngô Thì Sĩ ít nhất hai lần làm thơ ai điếu vợ; ngoài ra ông còn khóc một người hầu gái tên là Lý Hà chết lúc hai mươi mốt tuổi với những ý tình rất

đáng nghi như *Bồi hồi tưởng vãng lệ triêm cân* (Bồi hồi nhớ lại mà nước mắt thấm đẫm khăn); người thị nữ này một mình theo hầu ông từ năm Dần đến năm Thìn (1770 - 1772) ở châu Hoan! Còn các vị hoàng đế thì tam cung lục viện đầy nhóc, tưởng khỏi cần ghi thêm chi tiết.

*Có điều chi nữa mà ngờ*: khả năng truyền giống của các đấng tiên liệt rất sung sức, rất phong phú, rất dẻo dai, rất bền bỉ. Nhưng vì các cụ chẳng chịu nói rõ nên chúng ta ngày nay đành phải mò mẫm tìm hiểu vậy. Thực ra thì Tú Xương, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê... từng hô hào hành lạc, từng xác nhận công khai là mình *rượu chè trai gái đủ tam khoanh* (9) v.v... nhưng dẫu sao thì tổ tiên cũng chỉ nói chung chung, không hề kể lể cụ thể.

*

Nhưng sử liệu thì lại có ghi chép khá cụ thể. Và cụ thể nhất là về đời nhà Trần. Trước nay triều đại này lừng danh vì kháng chiến chống Mông cổ, vì các thành tựu văn học, Phật học v.v... Nhưng ít ai trong chúng ta để ý thấy rằng triều đại đó đã bắt đầu bằng hai vụ thông dâm, tiếp tục với một vụ hiếp dâm và kéo dài với một loạt các vụ loạn dâm, cưỡng dâm, tư thông, cướp vợ, tiền dâm hậu thú.

Chúng ta đều biết nhà Trần chiếm được ngôi nhà Lý là do công lao của chú bé tám tuổi Trần Cảnh tức Trần Thái Tông đã chim chuột được cô vua bé con Chiêu Hoàng, qua tài đạo diễn chính trị của Trần Thủ Độ, được một tay trong tán trợ hết mình là Thái hậu Trần thị, mẹ đẻ của Lý Chiêu Hoàng, chị họ của Trần Thủ Độ, người đã tư thông từ trước với Trần Thủ Độ và sau này chính thức về làm vợ Trần Thủ Độ. Chỉ mười năm sau khi Trần Thái Tông đăng quang, năm Ất Mùi (1235) - năm dê - "*mùa hạ, Hiển hoàng là Liễu (...) thấy người phi cũ của triều Lý* (bèn) *hiếp dâm ở cung Lệ thiên* (*Toàn Thư*). Vị Hiển hoàng Liễu nói ở đây là thân phụ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn. Bản thân Đức Thánh Trần cũng không hề chịu thua đấng sinh thành ra mình. Cũng vẫn *Toàn Thư* cho biết: "*Quốc Tuấn muốn lấy Công chúa Thiên Thành mà không làm thế nào được, mới nhân ban*

*đêm lẻn vào chỗ ở của Công chúa để thông dâm*". Hành động này làm náo động cả cung đình bởi lẽ không những đã xảy ra chuyện thông dâm mà vụ thông dâm còn gắn liền với một vụ cướp vợ, vì Công chúa Thiên Thành đã được hứa gả cho Trung Thành vương! Kết quả, nhà vua phải xài mưng cũ đã từng áp dụng cho An Sinh vương Trần Liễu trước đó là "*lấy hai ngàn khoảnh ruộng ở Ứng thiên để trả cho Trung Thành vương*" (Khi vua Thái Tông bị Thủ Độ bắt ép phải cưới vợ của anh ruột là Trần Liễu, nhà vua đã "bồi thường thiệt hại" cho người anh tội nghiệp bằng cách "*lấy đất các xã Yên phụ, Yên dương, Yên sinh, Yên hưng, Yên bang cho Liễu làm ấp thang mộc*"). Viên đại tướng lừng danh vì trận đánh cướp lương thực của giặc Nguyên ở Vân đồn là Trần Khánh Dư từng phải đi bán than để mưu sinh vì bị cách hết quan chức, tịch thu trọn sản nghiệp. Trọng tội đã khiến Trần Khánh Dư bị trừng phạt nặng nề như thế là do thông dâm với Công chúa Thiên Thụy, vợ Hưng Vũ vương Trần Nghiễn, con trai Hưng Đạo Đại vương. Khi nội vụ đổ bể, nhà vua "*sợ phật ý Quốc Tuấn mới sai đánh chết Khánh Dư ở Hồ Tây, nhưng lại dặn chớ đánh đau quá để không đến nỗi chết* (*Toàn Thư*). Một ông vua nhà Trần khác là Dụ Tông từng loạn dâm với chị ruột là Công chúa Thiên Ninh. Còn Công chúa Huy Ninh đang để tang chồng mới được sáu tháng thì vua anh là Trần Nghệ Tông đem gả cho Hồ Quý Ly, khiến sử thần Lê văn Hưu phê phán là "*phá hoại nhân luân từ vua khởi ra trước, mà kẻ lấy làm vợ* (chỉ Hồ Quý Ly,) *kẻ chịu làm vợ* (chỉ Công chúa Huy Ninh) *đều là không có nhân tâm*". Tiền bối của Huy Ninh, Công chúa Thiên Thụy, chị ruột vua thứ ba triều Trần là Trần Nhân Tông, "*đa thất phụ đạo*" (làm nhiều điều trái đạo đàn bà) (Hồ Nguyên Trừng. *Nam Ông Mộng Lục, Trúc Lâm Thị Tịch*). Thấy Quận chúa Ả Kim góa chồng lúc 23 tuổi, vua Trần Dụ Tông "*ra sức gạ gẫm nhưng không được*"; còn bản thân Quận chúa thì lại tư thông với người hầu cường tráng là Hà Ô Lôi (Vũ Quỳnh và Kiều Phú. *Lĩnh Nam Chích Quái, Hà Ô Lôi Truyện*). Nhưng quần thần nhà Trần phạm thuần phong mỹ tục không phải chỉ có một mình kẻ khai sáng nhà Hồ. Viên ngự y Trâu Canh, lợi dụng được hoàng đế sủng hạnh, thông dâm loạn xà ngầu với các cung nữ; và rồi con trai y cũng

nối gót cha, đến nỗi bị xử tử hình, theo Vũ Phương Đề trong *Công Dư Tiệp Ký*. Một nho sĩ triều Trần, đại thần triều Hồ, Nguyễn Phi Khanh, thân phụ vị thạc nho Nguyễn Trãi, thì ở vào tình huống tiền dâm hậu thú. Nguyên Nguyễn Phi Khanh thuở trẻ nhà nghèo, phải ngồi dạy học ở nhà quan Tư đồ Trần Nguyên Đán. Ông được quan Tư đồ ủy thác nhiệm vụ dạy dỗ cô con gái lớn Trần thị Thái, còn cô em Trần thị Thai thì có Nguyễn Hán Anh là gia sư. Cả hai thiếu nữ lá ngọc cành vàng đều vừa thụ giáo vừa thụ thứ khác, và riêng cô chị thì thụ thai. Sử bút Ngô Sĩ Liên ngày thường vốn hà tiện lời, nhưng trong trường hợp này thì lại tỏ ra tương đối khá hào phóng: "*Ứng Long* (tức Nguyễn Phi Khanh) *nhân đùa bỡn lả lơi, làm thơ ca bằng quốc âm để trêu ghẹo Thái, rồi thông dâm. Hán Anh cũng làm thơ quốc âm bắt chước Ứng Long. Khi Thái có mang, Ứng Long bỏ trốn. Đến ngày Thái đẻ, Nguyên Đán hỏi rằng: 'Ứng Long đâu rồi?' Người nhà trả lời là Ứng Long sợ tội bỏ đi rồi. Nguyên Đán nói: 'Vận nước sắp hết rồi, biết đâu không phải là trời xui ra thế, vị tất không phải là phúc của nhà mình'. Bèn gọi hai nho sinh về bảo rằng: 'Người đời xưa đã có việc này, không thấy chuyện Văn Quân với Tương Như sao? Nếu được như Tương Như* (10) *để tiếng đời sau thì ta cũng bằng lòng.' Hai nho sinh rất cám ơn, cố sức học, đều thi đỗ cả*". Trần Khắc Chung được cử đi đón Huyền Trân Công chúa từ mùa đông đã "*tư thông với Công chúa, loanh quanh mãi ở ngoài biển*" (*Toàn Thư*) đến mùa thu năm sau mới về đến Thăng long. Hậu bối Ninh Tốn của nhị vị đã tưởng tượng cảnh tán tỉnh rủ rê, tấn công tình ái của họ Trần qua những dòng thơ ướt át:

*Tình đa nan cấm can trường lộ,*
*Hồng lượng kỳ duy hải nạp đồng.*

(Tình dạt dào khó ngăn can trường bộc bạch,
Chỉ mong lượng cả rộng như biển thu nạp cho). (11)

Mối loạn Dương Nhật Lễ khiến chiếc ngôi nhà Trần lung lay tưởng đổ đến nơi là hậu quả một vụ cướp vợ đương mang thai của người khác: Hồ Nguyên Trừng trong *Nam Ông Mộng Lục (Nghệ Vương Thủy Mạt)* kể rằng Cung Túc vương Trần Nguyên Dục vì ham sắc đẹp nên đã giật vợ người phường chèo Dương Khương và sau đó

sinh ra Dương Nhật Lễ, mà Cung Túc vương vẫn nhận làm con. Ngay giới tu hành đời Trần cũng có người *tuy vui đạo Phật chưa nguôi lòng trần*. Vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm, Đại sư Huyền Quang Lý Đạo Tái, nhân khi cao hứng đã làm thơ về một cô em đôi tám với những lời thơ trữ tình, lãng mạn đến nỗi Lý Tử Tấn, nhà phê bình đời Lê, khi đọc tới đã hạ bút phê: "*Thi tuy giai, phi tăng gia ngữ*" (Thơ tuy hay, nhưng không phải lời bậc tu hành)!! Đại sư còn danh truyền hậu thế qua câu chuyện liên hệ đến người đẹp Điểm Bích, mà người đương thời và người đời sau kẻ thì trách cứ (như Mạc Đĩnh Chi, Đàm Dĩ Mông), kẻ thì bênh vực (như Lê Quý Đôn, Ninh Tốn); khiến người đời nay đọc đến chuyện ngài cứ như đang xem phim *Địa Ngục Môn*, tuy rằng thuở đó đã có câu hát lan truyền:

*Dù cho tát cạn Bình than,*
*Rửa làm sao được tiếng oan cho Thầy.*

Còn *An Nam Chí Lược* của Lê Trắc thì kể chuyện cuộc đời rất đa dạng của nho gia Hoàn Nguyên, từ địa vị một thầy đồ bước vào cửa Phật, rồi chẳng bao lâu lại "*quy tục*" để theo đuổi người đẹp Thụy Tư, và cuối cùng rẽ cương sang làm đạo sĩ!

★

Những sự việc vừa được đan cử đã đo các trí thức Tống Nho tường thuật, và thường là với tư cách sử thần hoặc sử gia. Những Ngô Sĩ Liên, Lê văn Hưu, Lý Tử Tấn... đã nhìn cung cách xử sự của chư vị tiên liệt các thế kỷ XIII, XIV qua cặp lăng kính đậm sắc tam cương ngũ thường. Nhưng buổi đầu triều Trần thì khác. Khoa cử thuở đó chưa đi vào điển lệ, chưa được tổ chức theo thói định kỳ. Văn chương tự sự mang nặng dấu ấn phong thượng chiến trận; văn học trữ tình có nhiều bài phảng phất hơi hướm *hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời*. Thành phần lãnh đạo và tầng lớp quý tộc chưa bó mình trong hệ ý thức phong kiến, còn quần chúng thì đang bảo lưu được khá nhiều tập tục cổ sơ. Bởi vậy, nhìn chung, bầu khí quyển đạo đức mà con người hít thở thời đó khác với triều Lê. Ở thời Lý, tàn dư thờ sinh thực khí còn khá phổ biến; ở thời Trần, vua Trần Nhân Tông đã từng phải ra lệnh triệt phá

các nơi thờ Dâm thần. Sinh hoạt dân gian gần gụi với tự nhiên, gắn bó với bản năng đến nỗi năm Mậu Thìn 1448, vua Lê Nhân Tông còn được quần chúng đón tiếp bằng một điệu múa mà tài quan (12) Đồng Hanh Phát đã nghiêm khắc lên án là thói dâm tục xấu, nên đại thần Lê Khả ngay sau đó đã cấm đoán hẳn tục hát múa liên hệ (13) (*Toàn Thư*). Trên trống đồng (trống đồng vẫn còn đắc dụng dưới đời Trần) hình tượng các cặp trai gái giao nhau là một trong những hình thức trang trí quen thuộc.

Dẫu thế, qua các tầng lớp phù sa tư tưởng mà nhiều thế kỷ, nhiều thế hệ đã bồi đắp và làm biến cải không nhiều thì ít diện mạo những hiện tượng giao lưu nam nữ đời Trần, chúng ta vẫn phải thừa nhận sự kiện cốt lõi là quan hệ trai gái thuở đó quả có vi phạm những nguyên tắc đạo lý mà người Việt nam đời sau và đời nay đã và đang chấp nhận. Phải chăng vì thế mà truyện nôm *Trinh Thử* đã lấy bối cảnh đời Trần để nêu lên hình ảnh người phụ nữ góa bụa giữ lòng chung thủy đối với người chồng quá cố, để đả kích bọn dâm dật dở trò ong bướm đối với các quả phụ? Hẳn nhiên lập luận như vậy chẳng hề có nghĩa là rồi ra, hậu thế sẽ không còn có dịp nào chứng kiến những cảnh mê ly, những tình huống sỗ sàng trong cuộc sống nòi Việt.

Ngược lại, lịch sử đã tái diễn với cặp trai tài gái sắc Nguyễn Dưỡng Hạo - Phạm thị Lam Anh. Dưới thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong, viên Cai bộ Quảng nam Phạm Hữu Kính có người con gái là Phạm thị Lam Anh, gốc gác huyện Diên phước, tỉnh Quảg nam, rất thông tuệ, có tài thơ phú. Phạm Hữu Kính nuôi một sĩ nhân là Nguyễn Dưỡng Hạo để dạy dỗ ái nữ và cũng định kén làm khách đông sàng. Dưỡng Hạo người huyện Duy xuyên, tỉnh Quảng nam, cũng thơ hay có tiếng. Hai bên nam nữ thơ từ tặng đáp rồi tư tình với nhau. Hữu Kính biết được, giận lắm, muốn giết con gái; bạn bè khuyên can mãi mới nguôi và cuối cùng, quan Cai bộ tác thành cho đôi lứa. Lam Anh về nhà chồng, cùng chồng xướng họa, còn để lại tập *Chiến Cổ Đường Thi*.

Người chị đối tượng bài văn tế nổi tiếng của Nguyễn Hữu Chỉnh là vợ Phạm Nguyễn Du, Hoàng giáp khóa Mậu Tuất 1778, lúc đã 40 tuổi. Ông nổi danh hay chữ từ trẻ và sống cũng rất phóng khoáng. Khi

theo học ở Quốc tử giám, một hôm ông đang cùng bạn bè vui chơi trước cổng trường thì có người con gái một vị Tham tụng đi qua. Do bạn bè khích phát, ông chạy nhào ngay ra túm lấy cô ta nên bị lính hầu bắt dẫn về phủ. Để chuộc tội trước vị đường quan, ông phải làm một bài thơ do quan ra với đầu bài là *Bóp Vú*, lấy vần *ao*. Phạm ứng khẩu đọc:

*Chạy lại ta xem thử chút nào,*
*Bõ công rày ước với mai ao.*
*Nghiêng con mắt phượng trông vành nguyệt,*
*Uốn cánh tay lên nắn nhị đào.*

Hai trái đào mơn mởn, một vành nguyệt cong cong: vị thượng quan nghe xong cũng phải phục là ứng đối mẫn tiệp nên ngỏ ý muốn nuôi ông ăn học và gả con gái cho. Nhưng ông không nhận. Vì thử ông chịu lời, chắc Quận Bằng sẽ không có dịp để khóc người thân: "*Thương thay chị, mới hai mươi chín tuổi, cũng là kiếp hóa sinh. Gửi mình vào tài tử mười ba năm* (14), *đã giốc một lời nguyền; song cay đắng có nhau, mà vinh hiển bao giờ chưa được thấy*" (...).

Đình nguyên Thám hoa Nguyễn Thọ Xuân đời Lê Trịnh làm quan rất được nhà Chúa tin dùng nên đã được "thông cảm" trong một trường hợp phạm tội nặng. Luật lệ khoa cử ngày xưa cấm phụ nữ không được lai vãng nơi trường văn trận bút; vậy mà ông, lúc làm Đề điệu (Chánh chủ khảo) trường thi Nghệ an, đã dám cả gan cho hai thị nữ mặc giả làm lính hầu để đem theo vào trường thi. Việc bị phát giác, bị đàn hặc nhưng chúa Trịnh xí xóa. Chung quy chỉ vì ông bị bệnh Tề Tuyên rất trầm trọng, lúc nào cũng phải có hầu non bên cạnh, không có không sao chịu nổi. Tuy xông pha trận mạc nơi khuê phòng dũng mãnh như vậy, ông vẫn thọ đến 96 tuổi và ly kỳ hơn, lúc 90 tuổi còn *lão bạng sinh châu*, khiến mỗi khi ông vào chầu, nhà Chúa gọi đùa ông là *bố đỏ*. (Vũ Phương Đề, *Công Dư Tiệp Ký, Nguyễn Công Thọ Xuân*).

Người anh cả Nguyễn Du, Nguyễn Khản, chơi bời trác táng khét tiếng kinh kỳ. Phạm Đình Hổ, trong *Vũ Trung Tùy Bút*, bài *Họ Nguyễn Tiên Điền*, đã mô tả cuộc sống của vị tiền bối này như sau: "*Ông Nguyễn Khản thích hát xướng, gặp khi con hát tang trở, cũng cứ cho tiền*

*bắt hát, không lúc nào bỏ tiếng tơ tiếng trúc. Khi ông cư tang quan Tư đồ* (tức Nguyễn Nghiễm), *ngày rồi cũng vẫn sai con hát đồ khúc gọi là "ngâm thơ nôm". Bọn con em họ quý thích đều bắt chước chơi bời, hầu như thành thói quen*". Cảnh sống hào hoa, phong lưu, trụy lạc như thế khiến người anh đồng hao của ông, La sơn Phu tử Nguyễn Thiếp, phải sợ thay cho ông, nên đã gởi lời nhắn nhủ trong thi ca:

*Dữ công đồng môn dữ đồng á,*
*Cảm công tương lượng trung đình ninh.*

(Tôi với ông vừa là bạn học vừa là anh em rể,
Cảm thấy ông rộng lượng tha thứ nên xin có lời dặn dò).

Dúng đắn hơn, nhưng vẫn rất tình tứ, phong nhã, Ninh Tốn trên đường công cán từ Mộ trạch (huyện Đường hào, tỉnh Hải dương) về kinh đô Thăng long, tình cờ gặp một thiếu nữ cưỡi ngựa phóng qua, đã mô tả người đẹp bằng những đường nét như một bức họa chân dung:

*Bí trì ngọc lộ, song chi duẩn,*
*An cử kim loan, lưỡng ngẫu liên.*

(Đôi tay cầm cương ngọc lồ lộ như hai dò măng,
Hai chân đạp yên vàng cong cong tựa đôi sen ngó).

và hơn thế nữa:

*Ba tình tống ngã nhất hồi duyên.*

(Sóng mắt tình liếc ta một phút trao duyên).

Qua *Kiến Văn Lục*, Vũ Trinh kể chuyện Trạng nguyên Nguyễn Đăng Đạo khi còn lưu học ở kinh đô đã hành động như một kẻ đạo tặc chỉ vì tình yêu. Chàng thanh niên họ Nguyễn mê một tiểu thư con nhà đại gia đến nỗi dám đêm khuya trèo tường khoét vách chui vào buồng người đẹp và leo lên giường cùng nằm, khiến mỹ nhân khiếp vía tỉnh giấc hô hoán ầm ĩ và tôi tớ trong nhà rầm rộ đổ xô đến. Sinh bị bắt trói, và hôm sau suýt bị đưa ra pháp ty trị tội; may được một vị đồng liêu của nhạc phụ tương lai bênh vực; và cuối cùng, được vị đường quan nuôi cho ở rể để có phương tiện ăn học đến thành tài.

*

Vì không phải là một dòng chủ lưu nên con sông văn học dân tộc

chuyên chở nội dung trác táng, ăn chơi không có nhiều chi lưu và phụ lưu. Riêng phần trực tiếp đề cập đến các cơ quan sinh dục càng hiếm hơn.

Trước hết, tất nhiên có thể kể *Truyện Kiều. Lá gió cành chim, bướm lả ong lơi, sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràng Khanh, đưa người cửa trước, rước người cửa sau*: những yếu tố ngôn ngữ dân gian và những yếu tố văn học chữ Hán đã được Nguyễn Du sử dụng một cách tài tình để mô tả cảnh hành lạc sa đọa:

*Chơi cho liễu chán hoa chê,*
*Cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời.*

Nàng cung nữ của Ôn Như Hầu thì đã từng sống một không khí hưởng thụ thực xứng với cảnh ngàn lẻ một đêm:

*Xiêm nghê nọ tả tơi trước gió,*
*Áo vũ kia lấp ló trong trăng.*
*Sanh ca mấy khúc vang lừng (...).*
*Trong khi đấng quân vương:*
*Mây mưa mấy giọt chung tình,*
*Đình trầm hương khóa một cành mẫu đơn.*

thì nàng:

*Thân này uốn éo vì duyên,*
*Cũng cam một tiếng thuyền quyên với người!*

*Mấy giọt chung tình*: người đọc cứ như bị quyến rũ phải nghĩ đến nghĩa đen của bốn chữ này và nhất là của hai chữ *mấy giọt*, dường như - trong văn mạch của ngữ đoạn liên hệ - muốn mô tả - qua thủ pháp tu từ học ẩn dụ - động tác giao hoan, khi cơ vòng hệ sinh dục của ngài ngự dồn dập co bóp từng đợt! Phản ứng của thiếu nữ được nhà thơ trình bày là một phản ứng đối-giao cảm phản xạ tâm-thể, chịu sự chi phối kích thích của hệ thần kinh-hócmôn, nó làm cho nàng không còn tự chủ được nữa mà cứ phải oằn người, vặn mình trong khoái cảm nhục dục. Tiết điệu câu thơ tám chữ tiếp theo nghe cứ như một tiếng thở ra... thỏa mãn sau cơn mây mưa nghiêng trời lệch đất.

Tả rất hay cung cách trác táng, như lột được lối sống đam mê của khách giang hồ, là hai câu thơ *Tỳ Bà Hành*:

*Vành lược bạc gãy tan nhịp gõ,*
*Mảnh quần hồng hoen ố rượu rơi.*

Chơi dàn, lấy cái lược bạc để đánh nhịp, say sưa cuồng nhiệt đến nỗi nó gãy tan; chuốc rượu, chén tạc chén thù đắm đuối si cuồng đến nỗi quần hồng loang lổ vết rượu!

Trong *Sãi Vãi*, qua phong cách hoạt kê độc đáo, với những lời văn dí dỏm, táo bạo, Nguyễn Cư Trinh từng nhắc đến đôi gò Bồng đảo, nhưng lại nhắc trực tiếp bằng tên gọi nôm na:

*Ghé tai lại mà nghe, xích vú ra kẻo đụng.*

giống như câu ca dao Nghệ an Hà tĩnh:

*Rú Kia núc lại rú Đàng,*
*Thấy em to vụ, anh mừng cho em.*

Phương ngữ Nghệ Tĩnh gọi vú là *vụ*, gần với tiếng Quảng trị gọi vú là *bụ*.

Tam Nguyên Yên Đổ điều khiển chữ nghĩa thâm trầm hơn nhiều. Soạn một đôi câu đối thờ đền Thánh Mẫu, ông đặt cơ quan sinh dục nam và nữ đối nhau chan chát trong một ngữ cảnh có bề mặt trang trọng, thành khẩn:

*Mỹ nhân như ngọc hành vũ hành phong anh linh mạc trắc,*
*Tế thế kỳ âm hộ dân hộ quốc thượng lại vô cùng.*

(Người đẹp như ngọc, làm mưa làm gió, anh linh không lường được,

Âm đức giúp đời, hộ dân cứu nước, ơn lớn đội vô cùng).

Sinh thực khí phụ nữ cũng có chỗ đứng trong một đôi câu đối khác, tương truyền là do công luận phê phán hai viên quan lại tham nhũng:

*Phạm Thị do lai dân hữu khổ,*
*Trần Bình bất tử hộ vô mao.*

(Phạm Thị đến nơi, dân còn có khổ,

Trần Bình không chết, l... hết cả lông).

Còn Nguyễn Thiện Kế thì tức cảnh... văng tục nên đã làm câu đối

chửi một viên Tổng đốc hống hách, mắng mỏ hành hung dân chúng trong khi đôn đốc đắp đê:

*Trên đê cụ lớn văng con c...*
*Dưới nước thằng phu chịu cắng tay.*

Nhưng nói năng bốp chát, táo tợn, sống sượng thì chẳng tác phẩm bác học nào địch nổi ngôn ngữ dân gian. Sau đây là một sưu tập nhỏ các câu ca dao nêu đích danh cơ quan sinh dục nam nữ.

Mối tình Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga chung quy chỉ là một động tác sờ soạng:

*Vân Tiên ngồi dựa bụi môn,*
*Chờ cho trăng lặn sờ l... Nguyệt Nga.*

Học hành thông thái đến mấy mà đã rơi vào mê hồn trận nhục dục thì cũng u ám hôn muội:

*Văn chương chữ nghĩa bề bề,*
*Thần l... ám ảnh cũng mê mẩn người.*

Hai câu thơ Hồ Xuân Hương:

*Đầu sư há phải gì bà cốt,*
*Bá ngọ con ong bé cái lầm. (15)*

có "điển tích" là một câu ca dao:

*Bà cốt đánh trống long tong,*
*Nhảy lên nhảy xuống con ong đốt l...*

Bức tranh cơ thể học mô tả nơi kín đáo nhất của nữ giới có đường nét khắc họa sống động, tai quái:

*Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo,*
*L... không cạp, l... méo làm ba.*

Không phải chỉ nam giới mới đam mê cái đó, chim muông cũng ái mộ vô cùng:

*Ô ng Đô mần roọng trên cồn, (16)*
*Mụ Đô tát nước để l... quạ tha.*
*Quạ tha lên núi lên non,*
*Đem về mần ổ cho con quạ nằm.*

Cái ổ đó chắc phải êm và ấm lắm.

Rồi một đêm rằm gió mát trăng trong, có kẻ lại láng tình người thả bước nhàn du:

*Sáng trăng vằng vặc*
*Vác c... đi chơi*
*Gặp đàn vịt trời*
*Giương cung anh bắn*
*Gặp cô yếm thắm*
*Đội gạo lên chùa*
*Thò tay bóp vú...*

Cảnh thanh bình đẹp đẽ đó quả là hoàn toàn đối lập với cảnh hỗn loạn đến rụng rời vì:

*L... lông bay bổng lên trời, khiến*
*Một bầy c... lọ mang tới đi tìm.*

*

Frederic Wertham, nhà nghiên cứu y học Hoa kỳ, cho rằng trước Siegmund Freud, khoa tâm thần học đã chữa trị người bệnh như là một Adam, một con người chưa bao giờ qua trạng thái một đứa trẻ.

Không cần biết đến *psychoanalyse*, tiền bối Việt nam vẫn thấy rằng nhân thể phải, như vũ trụ, *xuân sinh hạ trưởng thu thâu đông tàn*. Và trong quá trình phát triển đương nhiên có cả quá trình phát dục.

Cơ thể nảy nở đến một giai đoạn nào đó thì có đòi hỏi, và đòi hỏi cần được đáp ứng; có như vậy mới sinh lý chính thường.

Sự đáp ứng, trong lĩnh vực tính dục và đối với một số trường hợp, có thể gây bàn cãi. Nhưng nếu chúng ta nhìn tổ tiên như là những con người chứ không phải như là những Adam thì thế tất nhiên chúng ta cũng phải chấp nhận rằng bên cạnh những gì thực là vĩ đại ở các cụ, phải có cả những gì thực là tầm thường.

Khi thỏa mãn bản năng nhục cảm, liệt vị tiền bối đã có một cuộc sống lứa đôi nhiều lúc rất đáng phục, đáng sợ. Và ở đây, nhìn như thế, thì ngay cả trong lĩnh vực tầm thường nhất, tổ tiên chúng ta vẫn cứ hằng tỏ ra rất vĩ đại như thường ■

**Chú thích:**

(1) R.H. van Gulik: *Eroticprintsoftheminperiodwithanessayonchinesesex lifefromthehantothechingdynasty(-206to+1644).* Tokyo 1951.

(2) Joseph Needham: a) *Scienceandcivilisationinchina* Volume 2. *Historyof scientificthought* Cambridge University Press. 1980; (b) *Clerksandcraftsmenin Chinaandthewest* Cambridge University Press. 1970.

(3) của Tào Tuyết Cần (1716? - 1763?), nhà văn Trung hoa đời Thanh. Phần do họ Tào chấp bút gồm 80 hồi, mô tả cuộc tình tay ba giữa Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc, Triết Bảo Thoa trong khuôn viên Vinh quốc phủ, nơi cư trú của một đại gia sống cuộc sống vàng son nhung lụa. Tình duyên ngoài khuôn phép gia phong, trắc trở, lâm ly, với kết cục người chết, kẻ điên, kẻ chỉ muốn đi tu, v.v... Cách ăn nếp ở của các nhân vật rất xa hoa trụy lạc.

(4) của Vương Thực Phủ, nhà viết kịch cổ điển Trung hoa đời Nguyên, thế kỷ XIII. Tên đầy đủ của tác phẩm là *Thôi Oanh Oanh đãi nguyệt Tây Sương Ký* (Mái tây hoên, Thôi Oanh Oanh chờ ánh trăng). Câu chuyện kể về cuộc tình duyên giữa Thôi Oanh Oanh và Trương Quân Thụy. Cuộc tình không phải do cha mẹ xếp đặt mà do tự do gặp gỡ và tự do luyến ái, bị trắc trở và lâm thử thách mọi bề, nhưng vẫn rất nồng nhiệt, chân thành và chung thủy. (5) Tên khoa học của vi trùng bệnh lậu.

(6) *Đới tinh sang* có nghĩa là một thứ nhọt phong tỏa tinh dịch, có thể do viêm ống tiểu.

(7) *Ẩm thực sang* có nghĩa là một thứ nhọt ăn mòn hội âm.

(8) Trong Tây y, bệnh giang mai cũng có một triệu chứng ngoài da tương tự gọi là cây kiềng Vệ nữ.

(9) Tú Xương. *Tự Cười Mình.*

(10) Tư Mã Tương Như (179 - 117) giỏi đàn, ở gần nhà Trác Văn Quân, một thiếu phụ góa chồng. Người đẹp mê tiếng đàn bỏ đi theo Tương Như, cùng chịu sống túng thiếu nghèo khổ cho đến khi Hán Vũ Đế triệu Tư Mã về cung, cho một chức quan. Trong văn học, Tương Như nổi tiếng vì tài làm phú, với lời văn rất trau chuốt, với chữ dùng rất chọn lọc.

(11) *Nghĩ Trần Khắc Chung dữ Huyền Trân Công chúa thoại tình thi* (Thơ thác lời Trần Khắc Chung tỏ tình với Huyền Trân Công chúa).

(12) Chức quan hạch tội.

(13) Trong điệu múa này, các động tác múa đưa nam nữ vũ công uốn mình về phía trước, bụng thót, ngực ưỡn, mông nhô và có cả màn nam bóp vú đào.

(14) Ý nói là chị lấy Phạm Nguyễn Du là một bậc tài tử được mười ba năm thì mất.

(15) *Sư bị ong châm.*

(16) Mần roọng = làm ruộng (phương ngữ Quảng trị).

NGUYỄN TẤT NHIÊN

## em yêu dấu

*

*em yêu dấu*
*sáng nay đất trời mở cửa*
*nắng tinh khôi và hơi lạnh đêm rồi*

*em yêu dấu*
*sáng nay trời giáp tiết*
*hay lòng anh đất ấm dáng em ngồi*

*em yêu dấu*
*sáng nay tình yêu có thật*
*Chúa ngôi hai và em ở ngôi ba*

*em yêu dấu*
*sáng nay từng mắt lệ*
*buồn vui kia cùng một nghĩa thiết tha*

*dòng sông em chở thuôn lưng áo*
*sáng nay là tóc mượt tình ta...*

TRÚC CHI

## tiếc

*

*Hình như xa lắm một lần*
*Lâu rồi xa lắm một lần tiễn nhau*
*Nghỉ chân quán nước bên cầu*
*Bát chè xanh cũng được mầu nhớ nhung.*

*Thế mà áo đỏ khăn hồng*
*Cho sầu đóa mộng giữa lòng trang thơ*
*Rưng rưng sóng phượng đỏ bờ*
*Có người bỏ tuổi học trò sang sông.*

*Gió đưa hoa phượng xuôi dòng*
*Bến duyên đò nghĩa chợt đong đưa buồn*
*Sông chiều nhạt bóng hoàng hôn*
*Thắm tươi mầu phượng cho hồn ngẩn ngơ.*

*Cổng trường chạnh nhớ dáng xưa*
*Bồng bềnh mái tóc bên bờ nón thơ*
*Tan rồi nhịp guốc hè trưa*
*Chờ nhau thế ấy mà giờ lạc nhau.*

*Hàng cau nhớ hẹn buổi đầu*
*Vàng rơi ánh nguyệt trên mầu áo ai*
*Thương hoài dáng áo thêu mây*
*Giàn sương rụng lá trầu cay tiếc người.*

*Non nào đừng ngóng nước xuôi*
*Tờ thư ôn mãi những lời nước non*
*Đã đành nước lại về non*
*Buồn ơi giây phút nước non chia lìa.*

*Mây ngàn nương gió từ ly*
*Vắng con dã hạc sơn khê chợt buồn*
*Về thôi nhật nắng hoàng hôn*
*Ấm hương mùa cũ ươm vườn tình xưa.*

*Này em cái tuổi dại khờ*
*Tuổi ngây thơ ấy bây giờ tìm đâu*
*Này em giây phút nhiệm mầu*
*Của mùa giao cảm nghìn sau đâu tìm.*

*Cho xin trên ngón thon mềm*
*Dấu tay ngơ ngác nỗi niềm sơ giao*
*Cho xin lại dưới chân cầu*
*Bao nhiêu sóng nước theo nhau lìa nguồn.*

VÕ ĐÌNH

# "thằng mô-đi" và người nữ việt nam

*

Để tránh mọi bỡ ngỡ vô bổ, xin thưa ngay cùng bạn đọc về cái nhan đề kỳ cục của bài viết này. Ba bốn thập niên về trước, tại thủ đô Paris của Pháp-quốc đã có một số đáng kể sinh viên, "nghệ sĩ trẻ" Việt-nam. Tuổi nhỏ, xa quê, chúng tôi vẫn giữ được phép tắc đối với những bậc tiền bối của chữ nghĩa nước nhà. Chúng tôi nhắc nhở đến tài hoa của *cụ* Tiên Điền, chí khí của *cụ* Sào Nam, chúng tôi trầm trồ về công lao sự nghiệp của các *ông* Nhất Linh, *ông* Hoàng Xuân Hãn...

Nhưng khi đàn đúm tán dóc về một số bậc thầy văn nghệ cận và hiện đại Tây phương chúng tôi lại tha hồ lếu láo: chúng tôi Việt hóa tên họ và kèm theo chữ... *thằng*. Ở đây, chữ này không có ý số sàng, vô lễ. Tuy rằng có vẻ khiếm nhã đấy nhưng nó tiềm tàng một sự cảm phục mến yêu, một lòng ngưỡng mộ thân thiết. Được nói đến thường xuyên là "thằng Gô" (họa sĩ Pháp Gauguin); "thằng Gốc" (họa sĩ Hòa-lan Van Gogh); "thằng Mâu" (nhà văn Anh Maugham); "thằng Xạc" (triết gia Pháp Sartre); "thằng Cộp" (diễn viên điện ảnh Mỹ Gary Cooper), v.v... Hiện diện đều đặn nhất, khuôn mặt lãng mạn nhất, thu hút nhất, mãnh liệt và rực rỡ nhất trong các buổi đấu hót của chúng tôi chắc chắn phải là "thằng Mô-đi".

Amedeo Modigliani thường được gọi tắt thân ái là "Modi". Đại danh họa người Ý, gốc Do-thái, sinh ở Ý cuối thế kỷ 19, thành tài và mất ở Paris đầu thế kỷ 20. Vậy chứ "thằng Mô-đi" xa lạ này mắc mớ gì lại có liên quan với người nữ Việt-nam? Xin bạn đọc hãy nhẫn nhẫn cho: câu chuyện khá vòng vo, hạ hồi phân giải.

**Người nữ, đối tượng phái tính**

Cách đây vài ba năm, một nhà văn Việt-nam ở xa đến vùng thủ đô Hoa-thịnh-đốn dự buổi ra mắt bộ tiểu thuyết mới nhất của ông do các thân hữu trong vùng tổ chức. Một thính giả yêu cầu ông phát biểu đôi điều về những vai nữ trong truyện. Bà nói rằng bà đã được đọc một vài tập của bộ truyện trước rồi và nhận thấy tác giả viết về các vai nữ với một ngòi bút đặc biệt ưu ái. Các bà các cô có vẻ như lấn át các vai nam; họ phong phú, ly kỳ hơn, và tuy được mô tả, phân tích chu đáo hơn, họ vẫn khêu gợi sự tò mò thắc mắc của độc giả hơn. Tôi còn nhớ nhà văn thích thú ra mặt. Ông trả lời đại khái rằng bởi vì "tôi yêu người nữ", và rồi ông thiết tha nói rõ hơn về vai trò trụ cột của người nữ trong xã hội và gia đình, về những đức tính xưa nay vẫn được coi như nét đẹp tinh thần và tâm hồn của người nữ Việt: hiền thục, hy sinh, nhẫn nại, chịu đựng, chung thủy, v.v...

Trong lúc nhà văn nói chuyện, dường như cả hội trường cùng ngồi yên chia sẻ với nhau một mối xúc động. Khi nghe nói về người nữ Việt-nam, tức là về mẹ, chị, em, vợ, người tình... của mình với những lời lẽ như vậy, người Việt-nam nào mà không cảm động. Nhưng tôi, tôi biết rằng trong khung cảnh của một buổi ra mắt sách, tác giả chỉ nói được có thế, chỉ nên nói có thế. Tôi nghĩ rằng ngòi bút của nhà văn này - chính tôi cũng là một độc giả trung thành của ông - khi viết về người nữ còn được thúc đẩy bởi một động cơ khác.

Hệ thống giáo dục cổ truyền, những tục lệ lâu đời, đã un đúc cho người nữ (Việt-nam nói riêng, Á-đông và thế giới nói chung) những đức tính nói trên. Đó là một lãnh vực đạo đức, hiểu trong nghĩa giới hạn của những quan niệm, những quy ước trong một môi trường xã hội nhất định. Rắc rối thay, người nữ không phải chỉ là hy sinh, nhẫn nại, v.v... Họ là những con người, với tất cả cái thế giới phức tạp chi li của một con người.

Xin lưu ý các bạn đọc phái nam: Người nữ, thật ra, là thế giới bí mật nhất của chúng ta. Họ vừa *là* chúng ta, vừa *không là* chúng ta. Họ *như* chúng ta, nhưng họ *khác* chúng ta. Và vì thế, họ thu hút chúng ta. Họ là mẹ, là chị, em, là vợ, là người tình, là bạn, đồng nghiệp, là gì đi

nữa, họ vẫn là người nữ. Họ hấp dẫn. Như nam châm. E-và không nhất thiết được tạo nên từ một cái xương sườn của A-đam. E-và là một A-đam khác, toàn diện. Nhưng E-và khác với A-đam, và chàng chạy theo nàng, mút mùa. Dịch lý, khoa học, Đông, Tây gặp nhau: âm dương tương khắc nhưng hòa hợp với nhau, đối nghịch nhưng thu hút lẫn nhau. Một *Nửa* của mỗi bên nhập lại thành *Một*, hiện hữu tròn đầy. Từ xa xưa, người nữ đã là đối tượng săn đón của người nam, và khi đã có văn hóa sơ khai, là đề tài lôi cuốn của nghệ thuật nam phái.

Nếu nhà văn Việt-nam nói trên đã viết về những vai nữ trong tiểu thuyết của ông với một ngòi bút đặc biệt ưu ái, vì những lý do ông nêu ra, thì một trong những nghệ sĩ lớn nhất của thế giới hiện đại đã đem người nữ vào tác phẩm của mình vì những lý do hoàn toàn khác biệt.

Picasso không những chỉ là một đại danh họa, ông là một hiện tượng, một ngọn "cô phong đỉnh" sừng sững trong chốn núi non mỹ thuật, một cơn dông tố sấm sét dường như bất tận trong bầu trời hội họa. Nhưng ông từng nói một câu mà tôi không ưa chút nào cả. Ông nói: "Chỉ có hai thứ đàn bà. Một thứ để trên bệ mà chiêm ngưỡng. Thứ kia làm thảm mà chùi giày." Không ưa là không ưa câu nói chứ tôi vẫn nghĩ rằng phức tạp và thông minh như Picasso, chắc rằng trong thâm tâm ông không suy nghĩ một cách thô thiển và thô bạo như vậy. Để trên bệ hay trải ở ngưỡng cửa, người nữ xuất hiện trong họa phẩm của Picasso thiên hình vạn trạng, biến hóa khôn lường, tuyệt vời phong phú. Đông, Tây, kim, cổ, hiếm có một nghệ sĩ cống hiến cho người nữ một giang sơn lớn lao như thế.

**Người nữ, đề tài mỹ thuật**

Không phải đợi đến thế kỷ 20 - hình ảnh người nữ từng có mặt trong "mỹ-thuật-phẩm" từ thuở bình minh của văn hóa nhân loại. Mỹ-thuật-phẩm được đặt giữa hai dấu kép vì ở thời con người sơ khai còn ăn lông ở lỗ chưa có ý niệm về những gì mà ngày nay chúng ta gọi là nghệ thuật. Trong thời đại đồ đá cổ, hình ảnh tạo nên bởi bàn tay người còn là một thứ bùa chú, phép màu, có tác dụng siêu nhiên và huyền bí. Những hình ảnh nai, bò trên vách động ở Lascaux (Pháp), ở

Altamira (Tây-ban-nha) có liên quan tới việc săn tìm và bắt giết thú vật để ăn thịt, được các nhà khảo cổ kiểm chứng là đã được vẽ bởi những "họa sĩ/phù thủy" tiền sử từ 15 ngàn đến 10 ngàn năm trước công nguyên. Ấy vậy mà ngay từ thuở xa xưa ấy, hàng trăm thế kỷ về trước, quan trọng như cái ăn mà cũng không chiếm hết năng lực của con người. Một nghệ sĩ vô danh nào đó đã tạc nên một bức tượng nhỏ hiện được cất giữ ở bảo tàng viện tại Vienna, Áo-quốc, và gọi là "Vệ nữ ở Willendorf".

Ở con người tiền sử, ý niệm về nghệ thuật chưa có, nhưng người nữ đã được xem như điển hình của ý niệm về sự sinh sôi nẩy nở. Dưới mắt chúng ta ngày nay, "Vệ nữ" không "đẹp", không "cân đối", không "yểu điệu". Hình dáng nàng cực kỳ thô kệch, nặng nề, cục mịch. Mỗi phần thân thể nàng là một khối tròn trịa, mum múp, căng phồng. Toàn thân nàng là tổng hợp những "mầm sống" to tướng, dữ dằn. "Vệ nữ" không đi săn thịt. Nàng *là* thịt. Thịt sống. Cả đống. Người nữ sơ khai đón nhận, lưu trữ, nuôi dưỡng, nảy nở, sinh sôi. Chắc rằng các đấng nam nhi thời cổ thạch khí ưa thích đàn bà của họ như vậy.

Thời gian đếm bằng thiên niên trôi qua, trôi qua. Văn minh nhân loại tiến bộ dần dần. Ba ngàn năm trước công nguyên, những tượng đá Sumer (thuộc văn hóa Mesopotamy cổ, bao gồm Assyria và Babylonia tức là vùng Iraq, Kuwait ngày nay) cũng phô trương những đường nét tương tự, đề cao thiên chức của người nữ: mang thai, sinh nở, với hai đầu vú căng chướng để nuôi con. Nền điêu khắc Ai-cập ở đệ tam và đệ nhị thiên niên trước công nguyên đã đi quá thời kỳ "tượng trưng" đến thời kỳ "tả chân" hơn: Tượng vợ vua Menkure (năm 2575 trước công nguyên), hay hoàng hậu Nefertiti (năm 1360 trước công nguyên) chứng tỏ người nữ đã được chiêm ngưỡng không chỉ như là một cơ thể sinh dục mà còn như một người đẹp, xác định những tiêu chuẩn thẩm mỹ cho bao thế kỷ sau. Từ đệ nhất thiên niên trước công nguyên trở về sau, người nữ trong nghệ thuật tạo hình càng ngày càng đông đảo, càng rực rỡ. Một ngàn năm trước công nguyên, những ngôi mộ cổ (*kofun*) ở Nhật-bản cất giấu những tượng nhỏ các bà các cô đeo dây chuyền cổ và bông tai vĩ đại! Đồng thời với đức Phật Thích Ca, ở

Hy-lạp đã đầy rẫy hình ảnh những người nữ đẹp đẽ, vạm vỡ dưới tên gọi thánh mẫu Gaea, nữ thần Leda, Aphrodite... Xê dịch vài trăm năm thời chúa Giê-su tại thế, ở Ấn-độ các tượng đá *Yakshis* (nữ thần biểu tượng cho sự phì nhiêu, sinh sôi nảy nở) được các điêu khắc gia vô danh cúng dường những hình dáng lấy từ người đẹp vốn được yêu chuộng ngoài đời: mắt lá liễu, môi sưng mọng, cổ, vai và tay tròn lẳn, ngực nở lớn, hông cao đầy, đùi và chân thon dài...

Từ Địa-trung-hải qua Hồng-hải, sang Ấn-độ dương, nữ thần và nữ nhân chung sống trong quan niệm nghệ thuật, tuy hình thức mỗi nơi có khác biệt do những điều kiện văn hóa, địa lý, nhưng cùng đặt căn bản trên sự chiêm ngưỡng năng lực và sự sinh tồn. Không có gì, không có ai biểu hiện căn bản đó một cách sung mãn như người nữ, bất kể nàng còn khoác tấm da thú đầy lông lá hay đã biết bôi môi son và đeo bông tai (những tục người nữ yêu chuộng từ mấy ngàn năm trước công nguyên).

Tuy nhiên, trong lịch sử nhân loại cổ sơ hàng ngàn năm trước công nguyên, chỉ có nền văn hóa vùng lưu vực sông Hoàng-hà là không để lại những hình ảnh người nữ như độc quyền tượng trưng cho sự sống phì nhiêu. Mãi đến đời Đông Hán (thế kỷ I-III sau công nguyên, tức là đại khái đồng thời với những tượng khỏa thân tuyệt vời của Ấn-độ) thì bên Tàu chỉ có những tượng sành nhỏ, hình các phu nhân, mệnh phụ, có tính cách bày biện trang trí, không mang ý thức người nữ như một thực thể bằng xương bằng thịt. Phải chờ đến nhà Nguyên (đời Trần ở Việt-nam), thời kỳ hoàng kim của hội họa vẽ người và vật của Tàu, để có được người nữ đó trong bức họa của Tiền Tuyển vẽ Dương Quí-phi. Ôi, phải ngắm người đàn bà mặt ngọc mày ngài đang được thị nữ dìu lên lưng ngựa mới thấy được phần nào nỗi đam mê của Đường Minh-hoàng! Trong một bức tranh đời nhà Thanh (thế kỷ 18) nàng Thôi Oanh Oanh của *Tây Sương Ký* tiêu biểu cho truyền thống "mai cốt cách tuyết tinh thần", trong lúc ở Nhật-bản những đại danh họa chuyên trị đề tài phụ nữ trong nghệ thuật mộc bản như Toyokuni và Utamaro cũng sản xuất hàng loạt những *bijin* (mỹ nhân) thướt tha e ấp trong những bộ *kimono* tuyệt diễm.

Một vài tác phẩm (chi tiết) của Modigliani - Thập niên thứ hai TK XX

Một vài tác phẩm (chi tiết) của Modigliani - Thập niên thứ hai TK XX

Đồng thời, ở Âu-châu thì ôi thôi, người nữ... trăm hoa đua nở. Chẳng những các bà các cô Tây-phương chưng diện lộng lẫy như Dương Quí-phi, như Thôi Oanh Oanh, mà họ còn khơi khơi thoát y, tiếp tục truyền thống tự nhiên lõa thể bắt nguồn từ hai nền văn hóa Hy-La xa xưa. Mà nói đến người nữ trong hội họa thì không thể không nhớ đến những cây cọ vĩ đại của thế kỷ XVI như Boticelli, Titian, thế kỷ XVII như Rubens, Poussin, thế kỷ XVIII như Watteau, Boucher, thế kỷ XIV như Ingres, Manet, cuối thế kỷ XIV đầu XX như Renoir, Gauguin, và sau đó, những thiên tài hiện đại như Picasso, như Matisse, như... "thằng Mô-đi"! Vâng, như "thằng Mô-đi". Nhưng trước khi đem cái "thằng" này ra hỏi han, thiết tưởng cũng nên quay lui lại một đoạn đường để nhìn tận mặt người nữ trong thế giới mỹ thuật Việt-nam ta cái đã. Chúng ta chưa quên sự liên hệ giữa Modigliani và người nữ Việt-nam.

**Người nữ trong mỹ thuật Việt**

Có lẽ vì ảnh hưởng Trung-hoa, tổ tiên chúng ta không để lại một nền hội họa vẽ người và vật. Trong khi các nghệ sĩ phương Bắc (đặc biệt từ đời Tống, một thời với nhà Lý bên ta) để lại những công trình sáng tạo trong tinh thần Lão Trang (văn nhân họa, sơn thủy) thì ở Việt-nam hội họa chỉ đóng vai trò trang trí với những khuôn mẫu và ước lệ nhất định. Từ những hình người và chim trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, mấy ngàn năm trôi qua... Mãi đến đời Hậu Lê, mới thấy có chân dung các bà hoàng hậu để thờ ở lăng vua Lê Thái Tổ và đền vua Lê Thánh Tông ở Lam-sơn. Nói là chân dung chứ thật ra các tượng và tranh ấy là những hình ảnh tưởng tượng, tượng trưng, có tính cách thờ phượng, không biểu hiện dáng người nét mặt của những nhân vật bằng xương bằng thịt.

Gần với thời chúng ta hơn, nghệ thuật bình dân (1) đóng góp những tranh tứ bình (tranh truyện Kiều, tranh Tố Nữ, truyện Phương Hoa), những tranh tứ phủ (bốn bà thần tượng trưng Trời, Đất, Nước, Người) với trình độ nghệ thuật... khá thấp, theo thiển ý! Người nữ Việt chỉ thật sự hiện diện kể từ ngày những nghệ sĩ vô danh của ngành

mộc bản dân tộc sản xuất hàng loạt các hình ảnh thô thiển nhưng cực kỳ thú vị.

Trong khi mộc bản Hàng Trống như các tranh Tố Nữ, tranh Bà Chúa Thượng-ngàn còn nặng ảnh hưởng trang trí của Bắc phương, thì mộc bản Đông-hồ nổi sắc với những tác phẩm mà chắc rằng bạn đọc đã từng làm quen rồi: *Hứng dừa, Đánh ghen,* v.v... Người nữ Việt trong tranh là người nữ quê mùa, cục mịch, nhưng là những con người thật. Trong *Hứng dừa,* chàng leo lên cây hái trái, nàng đứng dưới đất vén váy nhìn lên. Hứng dừa? Hứng cái gì chứ hứng dừa thế quái nào được. Thế nào người nghệ sĩ bình dân cũng tủm tỉm cười khoái trá khi vẽ và khắc tranh này. Trong *Đánh ghen,* người nữ còn sống động hơn. Người đàn bà đánh ghen mặc yếm nâu xấn tới, một tay chống hông, một tay giang cao, nắm chặt... cái kéo, hai mũi nhọn hoắc! Nàng kia, tóc xổ tung, còn yếm thì rớt mất từ lúc nào, lộ cả ngực và rốn. Anh đàn ông đa tình đưa ra một tay như cản ngăn kẻ tấn công, tay kia còn úp lên vú của người đẹp!

Để qua một bên những khuôn thước đạo đức và tục lệ xã hội đương thời, phải công nhận rằng cái nét trào lộng phóng túng của người nghệ sĩ bình dân tuy có phần thô lậu đó nhưng quả là độc đáo. Tuy nhiên, nhìn từ một góc độ thẩm mỹ hơn, những người nữ này vì phải đóng những vai trò cười diễu có hậu ý vẫn chưa phải là hình ảnh tiêu biểu cho đàn bà con gái Việt-nam. Phải nhờ đến các họa sĩ tiền chiến, thế hệ được đào tạo ở trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-nội, các bà các cô mới xuất hiện đông đảo, hương sắc tưng bừng. Quê có, tỉnh có, chèo đò hái rau có mà nhàn nhã thanh lịch cũng có. Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Gia Trí, Lương Xuân Nhị, Nguyễn Phan Chánh, Lê Phổ, Vũ Cao Đàm, Nguyễn Tường Lân... là thế hệ sinh vào đầu thế kỷ này, là hàng ngũ tiên phong của giới tạo hình Việt-nam hiện đại. Họ cũng là những người đầu tiên phải đụng đầu với những vấn nạn của nền hội họa mới. Họ đi trước mở đường, nhưng họ thiếu trang bị. Hành trang, và vũ khí phòng thân của họ quá ít oi. Sau lưng họ không có "quí nhơn" đi theo phò trợ. Không có những Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Gia Thiều... Trước

mặt họ không có những Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ... Bây giờ, mấy thập niên sau, quay nhìn lại, chúng ta thấy nổi bật những gì ở những người nữ trong tranh của thời ấy? Mơ hồ! Những thiếu phụ, thiếu nữ không có... trọng lượng. Những cái cớ để thao túng đường nét và bố trí màu sắc, hơn là những thực thể sinh động. Những cô nàng hứng dừa và đánh ghen (hay bị đánh ghen) không chen chân được vào nền hội họa mới lúng túng giữa hội họa kể chuyện (*genre painting*) của Tàu và Ấn tượng họa của Pháp.

Cách mạng tháng Tám 45, văn nghệ kháng chiến, những năm khói lửa, rồi hiệp định Genève 54. Trong suốt thời gian này, thời cuộc và lối sống thay đổi đã nhiều, mà người nữ Việt-nam đổi thay cũng lắm. Trong khi nét bút cực kỳ tình tứ của Trần Văn Cẩn từng vẽ phụ bản cho *Thơ Thơ* của Xuân Diệu đã chuyển đi từ *"lá liễu dài như một nét mi"* qua những nữ bộ đội thì ở miền nam vĩ tuyến 17 dường như có một sự cô đọng tạo thành một hình ảnh người nữ Việt chưa hề có từ trước. Có một mẫu số chung giữa các thế hệ sanh đầu thế kỷ như Lê Phổ, Vũ Cao Đàm (đã sang Pháp từ lâu, trước Genève), sanh những năm 20 như Thái Tuấn, đầu thập niên 30 như Duy Thanh, Ngọc Dũng, cuối thập niên 30 đầu thập niên 40 như Nghiêu Đề, Trịnh Cung, Đinh Cường, Nguyễn Trung, Nguyên Khai... Mẫu số đó là người nữ trong họa phẩm của họ. Đến đây có thể bạn đọc đã nhận diện được người nữ này: hình ảnh "người đẹp" Việt-nam rất quen thuộc trong các cuộc triển lãm, trên các bìa sách báo, trong các bức minh họa, phụ bản. "Người đẹp" có dáng dấp mảnh dẻ nhưng sống mạnh, sống dai. Sau 75, nàng vẫn xuất hiện đều đều, không những trong tác phẩm của các họa sĩ đã thành danh trước ngày tị nạn, vượt biên, di cư, mà còn trong nét vẽ của những tay họa sĩ trẻ hôm nay ở nước ngoài như Vũ Thái Hòa, như Cao Bình Minh... Mới đây (1990), tình cờ được thấy hình màu in lại tác phẩm của một Trịnh Công Sơn, nhạc sĩ kiêm họa sĩ, và biết rằng nàng vẫn còn hiện diện tại Sài-gòn sau 15 năm dâu biển.

Dường như hình ảnh người nữ này phát xuất từ một số khuôn mẫu chung: khuôn mặt thon dài, rất dài, có khi đến độ phải nói là dài thoòng; mắt lớn, u huyền, mơ màng, ngơ ngác, lắm khi không có cả

con người; chiếc cổ cao, rất cao, cao quá cỡ; cái miệng nhỏ như một nụ hồng, nhỏ xíu. Xuống nữa là đôi vai gầy, xuôi. Xuống nữa là tấm thân mình hạc vóc mai, mỏng manh như chỉ vừa đủ sức để khoác lên chiếc áo dài sương khói...

Với những hình thức và màu sắc đôi chút khác nhau ở mỗi tay cọ, hình ảnh người nữ này xuất hiện đều đều. Từ những năm tiền chiến đến bây giờ một nửa thế kỷ trôi qua, hình ảnh người nữ nổi bật nhất, quen thuộc nhất, và có lẽ được đại đa số quần chúng lưu tâm đến tranh ảnh ưa thích nhất, vẫn là người nữ này. Nàng trẻ mãi không già trong khi ngoài đời, các *"em là gái trong song cửa"* (2) đã có chắt có chít, các thiếu phụ trẻ sau hiệp định Genève đã thành bà nội bà ngoại, có người chồng chết, chồng ở tù, thân cò lặn lội, dày dạn phong sương, các thiếu nữ lớn lên trong vùng quốc gia đã quen thuộc với áo thun, quần *jean*... Tất cả đổi thay mà người nữ Việt trong hội họa qua 50 năm vẫn giữ được mãi nét yểu điệu cố hữu. Nếu bạn đọc cho phép dùng một vài chữ nghĩa thời thượng thì người đẹp trong tranh, mặc dù qua bao thay đổi, vẫn ngọc ngà e ấp, vẫn sầu mộng hao gầy, vẫn lãng đãng liêu trai!

Từ các tranh thờ, tượng thờ, gọi là "chân dung" của các hoàng hậu nhà Lê, và các cô gái quê trong tranh mộc bản bình dân, bây giờ chúng ta mới có một hình ảnh tiêu biểu, một thứ *prototype,* của người nữ Việt. Chúng ta có thể tự hỏi: Bởi vì đâu sau một nửa thế kỷ máu lửa, những cô gái con đẻ của thế hệ Lê Phổ (sinh năm 1906) vẫn còn đây với chúng ta? Chẳng những họ vẫn còn đây, tuồng như họ còn "e ấp" hơn, "hao gầy" hơn, "liêu trai" hơn.

Hiển nhiên, họ vẫn còn đây vì có những họa sĩ tiếp tục đưa họ lên mặt tranh. Hiển nhiên, bởi vì quần chúng ưa chuộng họ. Bởi vì họ "đẹp như mơ". Họ là những giấc mơ. Mơ về một thế giới khác. Người nam ngắm họ mà quên đi cuộc sống hằng ngày, quên đi cuộc sống dật dờ toan tính, ù lì áo cơm... Người nam ngắm họ mà mộng du vào một cõi u huyền xa vời đó đây lãng đãng những *"Bao Tự mặt sầu bi"* (3), những *"Ly Cơ hình nhịp nhàng"* (3). Trong khi đó, người nữ ngoài đời thấy họ đẹp đẽ như vậy mà không thể đành lòng ganh ghét cho được.

"Hao gầy" như thế, "liêu trai" như thế, họ không phải là những địch thủ đáng ngại. Những nàng con gái da thịt mơn mởn phì nhiêu như của Renoir mới đáng ngại. những cô *vahinés* ở Tahiti ngực trần rốn hở nằm ngồi hở hênh trong nắng trưa nhiệt đới của Gauguin mới đáng ngại. Người nữ ngoài đời hơi sức đâu mà đề phòng những người nữ trong tranh: Xa vắng đến độ tẻ nhạt, thanh cảnh đến độ gầy gò, mộng mơ đến độ *"bước đi sẽ dứt, động hờ sẽ tan"* (3).

Người nữ trong tranh này hiện diện trong hội họa Việt-nam từ trước 1945 cho đến bây giờ, quả là những hình ảnh "đẹp như mơ". Đẹp như mơ, nhưng mơ không đẹp. Mơ như một sự tránh né, lẩn lút, đào tẩu. Mơ để khỏi phải trực diện với thực tại. Mà thực tại thì cớ sao phải tránh né. Nếu bậc thiền giả, dày công tu học, có thể nói "ta bà là niết bàn", thì người nghệ sĩ cũng có thể cố gắng thấy được rằng thực tại tầm thường xấu xí đó nhưng thực tại cũng đẹp đẽ tuyệt vời. Như "thằng Mô-đi" đã thấy. Một số nghệ sĩ hàng đầu của giới tạo hình Việt-nam hiện đại đã không lãnh hội được bài học đó ở "thằng Mô-đi". Mặc dù chính "hắn" là người đã có ảnh hưởng lớn lao và lâu dài nhất trên nghệ thuật vẽ phụ nữ của họ.

**Mô-đi và hình ảnh người nữ Việt**

Tháng tư 1958, Galerie Charpentier, một trong những họa viện có uy tín nhất tại Pháp, mở cửa đón chào quan khách yêu tranh đến thưởng ngoạn 100 họa phẩm Modigliani. Chưa bao giờ người ta từng thấy một cuộc trưng bày tranh "Modi" đồ sộ, đầy đủ như thế. Chẳng những khách yêu tranh tại thủ đô Paris và Pháp quốc mà đông đảo người mê "Modi" ở ngoại quốc cũng lũ lượt kéo về. Một biến cố văn học nghệ thuật quốc tế. Hôm khai mạc triển lãm, vị khách danh dự là một người đàn bà. Không phải phu nhân Tổng thống, hay phu nhân Thủ tướng. Không phải một nữ sĩ tài danh, một minh tinh thượng thặng của màn ảnh hay sân khấu. Cũng không phải người đẹp của một vị tỉ phú hào hoa yêu tranh. Đó là một người đàn bà xa lạ.

Người đàn bà trạc tứ tuần, nhan sắc tầm thường, có vẻ yếu ốm. Đặc biệt chăng là khuôn mặt gầy, thon dài, đôi mắt đen sâu. Nàng là

Jeanne Modigliani, con gái của "Mô-đi" và Jeanne Hébuterne. Khi cha mẹ qua đời, nàng mới lên ba. Trong giờ phút huy hoàng của một đại danh họa quá cố, giới quyền quí và văn học nghệ thuật đến "triều phục" trước những tác phẩm của cha mình, trong buổi khai mạc đầy đủ các khuôn mặt rực rỡ nhất của "le tout Paris", Jeanne hiện diện như một nét buồn hiu.

Jeanne không có khuôn mặt của một người đàn bà đài các. Hay óng ả yêu kiều. Hay ngọc ngà diễm lệ. Nét mặt nàng giống mẹ, và gợi nhớ hình ảnh những người nữ trong tranh của cha.

Amedeo Modigliani (đọc là Mô-đi-gia-ni) sinh năm 1884 (bốn năm sau Picasso, một năm trước ngày kinh đô Huế thất thủ) tại Livourne, Ý-đại-lợi. Tuổi thiếu niên, ốm yếu, hay bệnh, học hành thất thường. Bắt đầu vẽ chơi lai rai trong một thời gian dưỡng bệnh. Theo vài lớp vẽ ở trường Mỹ thuật. Năm 1906, 22 tuổi, giã từ quê hương, phiêu lưu sang Paris, kinh thành ánh sáng thu hút những con thiêu thân đam mê. Ảnh hưởng Gauguin, Lautrec. Lao mình vào cuộc sống nghệ sĩ giang hồ ở Montmartre. Gặp nhà điêu khắc lớn gốc Lỗ-mã-ni, Constantin Brancusi, nghe lời khuyên của đàn anh, theo đuổi điêu khắc, chịu ảnh hưởng điêu khắc Hắc Phi, ảnh hưởng đã cấu tạo nên những khuôn mặt dài thoòng về sau. Năm 30 tuổi, bỏ điêu khắc, quay về với hội họa. Rượu chè ma túy liên miên. Năm 33 tuổi, gặp Jeanne Hébuterne, con gái một gia đình trung lưu, Công giáo. Jeanne bỏ cả, theo "Mô-đi" mặc dù gia đình chống đối dữ dội và từ bỏ. "Mô-đi" bị lao nặng, càng tệ vì rượu và *hachisch*. Mất ở Paris tháng giêng 1920, chưa đầy 36 tuổi, trong một nhà thương miễn phí dành cho dân bần cùng. Người ta kể lại rằng trên xe cấp cứu chở vào bệnh xá, "Mô-đi" luôn miệng rên la" "Italia! Cara Italia!" (Ý-đại-lợi! Ý-đại-lợi thương yêu!) Được tin dữ, Jeanne tức tốc vào nhà xác, ôm hôn thây chồng, rồi về nhà cha mẹ, lên từng năm, nhảy ra cửa sổ. Jeanne, đứa con gái duy nhất ba tuổi, một mình ở lại trên đời!

Ngay sau cái chết của "Mô-đi", họa phẩm của chàng tăng giá vùn vụt. Paris lại bắt được một thiên tài đọa đày mới toanh. Ba mươi tám năm sau, con bé mồ côi ngày nào được mời đến tham dự buổi khai

mạc như một thượng khách. Người ta biết rằng suốt đời nàng không bao giờ có được trong tay một tác phẩm của cha. Tranh "Mô-đi" đã vượt quá khả năng tài chánh của một giáo sư Ý-văn tỉnh lẻ miền bắc nước Pháp. Jeanne không có được một tác phẩm, không có được một bức phác họa của thân phụ trong nhà, nhưng khuôn mặt nàng nói lên quá nhiều về nghệ thuật của ông. Cô đơn, hèn mọn, tái tê. Và thật. Thật như con người. Thật như cuộc nhân sinh.

Năm "Mô-đi" đặt chân đến Paris (1906) là năm Cézanne, ông cha đẻ của nền hội họa hiện đại, qua đời. Picasso đã đi qua Thời kỳ Xanh và Thời kỳ Hồng. Trong khi "Mô-đi" còn đang loay hoay vật lộn với bao nhiêu khó khăn sinh sống cũng như nghệ thuật thì Picasso đã bắt đầu khai thác nghệ thuật điêu khắc Hắc Phi để từ đó tiến về con đường Lập-thể Phân-tích (Cubisme Analytique) và Lập-thể Tổng-hợp (Cubisme Synthétique). Braque đã vẽ bức danh họa *Nhà ở Estaque* (1908). Duchamp đã vẽ *Người khỏa thân đi xuống cầu thang* (1912). Kandinsky đã vẽ *Ánh sáng số 166* (1913), những bức họa đã làm nên cuộc cách mạng mỹ thuật của đầu thế kỷ XX. Trong một thập niên, từ ngày bước chân lên đất Pháp, lăn lộn nhiều trong giới nghệ sĩ đương thời (Chagall, Léger, Lipchitz, Kisling, Pascin, Utrillo, Soutine, v.v... ) "Mô-đi" vẫn thủ một thế đứng biệt lập. Thiên tài của "Mô-đi" là nhìn thấy và vẽ lên được cái đẹp lớn của những khuôn mặt nhỏ nhoi, của những kiếp sống tầm thường, như thân phận những cô hầu bàn ở các tiệm ăn bình dân, những đứa con gái suốt đời chui rúc trong những xóm nghèo khu Montparnasse.

Nói cho ngay, bắt đầu từ 1916, 1917 trở đi, "Mô-đi" cũng có hoàn thành một số tranh lõa thể và những tranh lõa thể này đã cùng với những chân dung, sau cái chết của "Mô-đi", dựng nên sự nghiệp rực rỡ của chàng. Tuy rằng những tranh lõa thể này, với những đường cong tuyệt mỹ gợi nhớ gốc gác quê hương Florence và các bậc tiền bối lẫy lừng như Boticelli, Pollaiuolo, Simone di Martino, chúng vẫn tiềm tàng một nỗi cô quạnh, lẻ loi khác thường.

Cô đơn, hèn mọn, tái tê, cô quạnh, lẻ loi... Ấy vậy mà những người nữ "Mô-đi" lại đã đi vào lịch sử hội họa Việt-nam hiện đại. Có một tần

số chung nào đó trong sự rung cảm sắc màu, trong âm vang đường nét? Từ thế hệ tiền chiến đến bây giờ, người nữ trong tranh Việt lúng túng quẩn quanh trong vòng vây những vết cọ tài tình của "thằng Mô-đi". Những khuôn mặt thon dài, quá dài, những con mắt không ngươi, những chiếc cổ cao, cao quá cỡ, những đôi vai gầy, xuôi, những tấm thân mảnh dẻ...

Nhưng Paris đầu thế kỷ không phải là Hà-nội tiền chiến và Sài-gòn sau Genève. Người nữ của "Mô-đi" là người nữ của Paris trời xám, của những chung cư tồi tàn, những quán cà-phê nồng nặc mùi rượu vang rẻ tiền và thuốc lá đen. Trong không khí lãng mạn cố hữu Việt-nam và dưới ánh sáng mặt trời nhiệt đới, họ đã đổi thay. Họ rời bỏ nét buồn xóm nghèo Montparnasse. Họ đã *"điểm phấn đeo hương não nùng"* (4). Họ *"thoáng hiện (...) về trong đáy cốc / Nói cười như chuyện một đêm mơ"* (5). Khuôn mặt họ vẫn gầy, vẫn dài nhưng óng ả ra. Thân hình họ vẫn mảnh mai nhưng được khoác lên hoặc chiếc áo cánh nõn nường, hoặc cái áo dài tha thướt, áo lụa, áo nhiễu, áo gấm, áo nhung. Những bàn tay, ngón tay người nữ "Mô-đi" vốn là những nét phác họa sơ sài phóng túng, thuôn dài ra, biến thành những ngón tay tiên, tay tơ, những cánh bướm phảng phất phấn hương. Ở Paris, họ lo buồn vì tiền nhà tiền chợ, vì chồng vì con. Ở Việt-nam, họ *"buồn ơi xa vắng mênh mông là buồn"* (6)...

Người họa sĩ Việt-nam tài tình quá đỗi, khéo léo quá đỗi! Chẳng là người Việt ta xưa nay vốn có khả năng tiếp nhận và dung hợp đó sao? Nếu cổ tích Việt-nam có chuyện Hoàng tử Cóc, thì bây giờ quả là có chuyện Công chúa Ếnh ương. Cũng khuôn mặt dài "Mô-đi" ấy, cũng cặp mắt không ngươi "Mô-đi" ấy, cũng đôi vai xuôi "Mô-đi" ấy, những người đàn bà con gái xóm nghèo khu Montparnasse dưới những vuốt ve tô điểm của một số tay cọ Việt-nam trở thành những nàng Bao Tự của thế kỷ XX, những người *"em sầu mộng của muôn đời"* (2). Người ngoại quốc yêu tranh nhìn nàng, nhất định phải giật mình kinh ngạc, thán phục cái tài "làm đẹp" của một số nghệ sĩ tạo hình Việt-nam trong một nửa thế kỷ tàn khốc vừa qua.

Và thương cho những bà cụ Việt-nam tóc bạc da mồi, ngồi khóc

con khóc cháu sinh Bắc tử Nam, sinh Nam tử... Miên. Thương cho những cô gái bình dân bán quà vặt, gánh nước, mồ hôi đẫm ướt lưng áo sờn vai. Thương cho những thiếu phụ tháng ngày lật đật, dậy sớm thức khuya, chồng con cơm áo. Thương tất cả! Tất cả những người đàn bà con gái Việt-nam, từ bà mệnh phụ cho đến cô gái điếm, từ nàng minh tinh cho đến mụ bán chè, từ cô giáo cho đến chị vú, từ bà già hom hem cho đến em bé gái mắt đen tròn xoe... Thương họ không được hiện diện, thật sự hiện diện trong hội họa Việt-nam, để 50 năm, 100 năm, 500 năm nữa, các thế hệ sau có cơ hội ngắm họ và khóc cười với họ. Như chúng ta ngày nay vẫn cười vẫn khóc với cái cô nàng bạc phận nhưng nhan sắc khuynh thành, cái nàng có *"làn thu thủy, nét xuân sơn / Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"* độ nào...

*

Từ thời thượng cổ, văn minh giống người này ảnh hưởng văn minh giống người kia, phong tục xứ sở này ảnh hưởng phong tục xứ sở nọ là điều tự nhiên và cần thiết. Trong sinh hoạt chung của nhân loại, giao lưu văn hóa, văn học nghệ thuật là một hiện tượng rõ rệt.

Trong cuốn *Gửi Hương Cho Gió*, ấn hành năm 1945, dưới nhan đề một bài thơ của mình Xuân Diệu cho in một câu thơ của Baudelaire. Chắc hẳn nhà thơ lấy làm đắc ý lắm. Xuân Diệu "tiêu hóa" Baudelaire thật ngon lành. Viết về thu, Baudelaire có những câu rùng rợn như:

*Tiếng thảm não vọng về sân bên cạnh,*
*Cành khô gầy đổ xuống một nơi xa. (7)*

Cũng viết về thu, Xuân Diệu lại Việt-nam không chịu được:

*Gió thầm mây lặng dáng thu xa,*
*Mới tạnh mưa trưa chiều đã tà.*

Trước nữa, Yên Đổ Nguyễn Khuyến đậu Tam-nguyên, nếu không phải là người tài hoa thì cũng là kẻ làu làu thiên kinh vạn quyển. Vậy mà rút lui về vườn, một ngày thu nọ cụ mời các Tứ Kiệt, Tứ Hữu, các ông Dào, ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch đi chơi chỗ khác để cụ ung dung một mình:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,*
*Một chiếc thuyền con bé tẻo teo.*

Lại Việt-nam không chịu được. Không phải Việt-nam ở "thầm", ở "lặng", ở "thu xa", "chiều tà", mà là ở "mưa trưa". Không phải Việt-nam ở "ao thu", ở "thuyền con", mà ở mấy chữ "veo", "tẻo teo". Chỉ cần có thế. Trời đất là của chung. Quê hương mới là của riêng. Riêng ở một chút mưa trưa nhiệt đới, ở cái *veo* cái *teo* chẳng ra gì. Trong mỹ thuật cũng vậy. Ta học vẽ sơn thủy (văn-nhân-họa, quay ngược về tận Tô Đông Pha đời Tống), vẽ hoa điểu thảo trùng của Tàu. Rồi ta lại học vẽ sơn dầu, phong cảnh, chân dung, tĩnh vật của Tây. Ấn-tượng, Tượng-trưng, Siêu-thực, Siêu-tả-chân, Trừu-tượng, hầm bà lằng. Tìm đâu ra cái của ta, cái "chẳng ra gì" của riêng ta?

Có lẽ những người đàn bà con gái xóm nghèo khu Montparnasse gợi nhớ "Mô-đi" về những người đàn bà con gái ở quê hương Tuscany của chàng, những người nữ nổi tiếng ở Âu-châu về cái nhan sắc đặc thù Địa-trung-hải của họ: bình dân mà cốt cách, tự nhiên mà mặn mà, quê mùa mà nồng nàn, thô sơ mà quyến rũ. "Mô-đi" đã vẽ cái "chung" mà làm thành cái "riêng". Để bên cạnh *La Primavera* của Boticelli (thế kỷ XVI), những người con gái của "Mô-đi" không đến nỗi phải xấu hổ.

Yên Đổ, Modigliani, Xuân Diệu là những người biết rõ cái riêng của mình mà cũng biết lấy của thiên hạ mà làm thành cái riêng. Họ làm được vì họ biết cả hai cái riêng và chung thật thấu đáo. Họ biết rằng nghệ thuật đến từ nghệ thuật, mà nghệ thuật cũng đến từ cuộc đời, đời ta và đời chung quanh ta.

Bàn về điểm này André Malraux có viết những câu cực kỳ xác đáng và lý thú: "*Thuở niên thiếu, có cơ hội gần gũi nhìn ngắm những tác phẩm nghệ thuật, và cảm thấy xúc động - xúc động sâu xa vì chính những tác phẩm hơn là vì những sự vật hay đề tài được trình bày - đó là cơ duyên tạo nên một nghệ sĩ. Người cầm cọ đâu có tà tà đi từ những bức tranh đã vẽ hồi còn con nít đến tác phẩm của mình về sau. Kẻ nghệ sĩ không lớn lên từ thuở ấu thơ; họ trưởng thành nhờ những va chạm, những xung đột giữa chính họ và những tâm thức chín muồi xa lạ.*" (8)

Những cây cọ Việt-nam vẽ tranh đàn bà con gái với ảnh hưởng không phủ nhận được của Modigliani, đã thừa hưởng thật nhiều những "va chạm", những "xung đột" đó. Nhưng "tâm thức chín muồi" của "Mô-đi" vẫn còn quá xa lạ với tâm thức các họa sĩ chuyên trị "người đẹp" của ta. Với hậu quả là chúng ta có những nàng "*Bao Tự mặt sầu bi*", những người "*em sầu mộng*", những cô "*gái trong song cửa*." Nhưng chúng ta lại không có được những *người nữ Việt-nam*. Những người nữ đài các hay bình dị, mập mạp hay gầy gò, xinh đẹp hay thô thiển, cục mịch hay nõn nường. Họ thế này hay thế kia không quan trọng.

Quan trọng chăng là chúng ta có được những người đàn bà con gái biết khóc biết cười, biết thương biết ghét, những con người lỡ tay thì chảy máu, hờn tủi thì nước mắt lưng tròng, lạnh lẽo thì co ro, nực nồng thì đổ mồ hôi hột. Những hình ảnh như vậy mới xứng đáng với người nữ Việt-nam, những con người thật, những người chúng ta "yêu", như nhà văn nọ đã từng nói hôm ra mắt sách. Xứng đáng với người đi trước mở đường, "thằng Mô-đi", Amedeo Modigliani, vị vương tử của chốn nghệ sĩ giang hồ, tài hoa, đọa đày, ngang tàng, yểu mệnh ■

**Chú thích:**

(1) Đã nhiều năm nay, từ *dân gian* vẫn được thông dụng, trong nghĩa nghệ thuật dân gian (arts populaires, folk arts). Chúng tôi thiển nghĩ từ *bình dân* rõ ý hơn.
(2) Lưu Trọng Lư.
(3) Xuân Diệu.
(4) Chinh Phụ Ngâm.
(5) Quang Dũng.
(6) Thế Lữ.
(7) Charles Baudelaire, *Sonnet d'Automne* (*Les Fleurs du Mal*), V.Đ.M. dịch.
(8) André Malraux, *Les Voix du Silence*, p.279, Paris NRF, 1951, V.Đ.M. dịch.

CAO ĐÔNG KHÁNH

## cánh cửa phù dung

*

*Thế giới. Em ngồi trong chiếc ghế bành đại sự*
*thể chế da trắng, lực lượng da đen, hiểm họa da vàng*
*móng tay đỏ mở ban đêm thành phố*
*đèn miệt mài thám thính đáy không trung*

*Quê hương. Tôi đứng nghiêm trong phòng biệt giam tự trị*
*những mặt trời đen chở đến những không gian*
*những tiểu tiết ngoại lai của Liên hiệp quốc nội chiến*
*tâm lý ái tình gãy cánh chim bay*

*Người chịu trách nhiệm cho thế kỷ hai mươi đã chết*
*em mở giùm tôi cánh cửa về sau*
*ngôi nhà thiểu số, đôi chân hạnh ngộ*
*gót còn son mang guốc trầm hương*

*Môi của nhụy, hoa của da thịt đời sống*
*lá trầm tư che mát triều đình*
*quí vị đến với hoài nghi, giã từ với nghi hoặc*
*dán lá bùa mê tín ngõ văn minh*

*Những quan sát viên tương lai, những bình luận gia tình ái*
*quốc tế ái tình ký hiệp ước liên minh*
*khuya hôm trước ống ánh kim tuyến*
*có khách dạ hành đột nhập phòng không*

*Quỳnh hoa nở như hình rồng nhả ngọc*
*phù dung ngạt ngào nghị lực đời tư*
*em ngủ ngây thơ trong thế cuộc mộng ảo*
*có những đoàn người đốt đuốc nhân danh*

*Nắng phong cảnh trên ngọn cây xuân sắc*
*sáng hôm sau ăn mặc thời trang*
*nàng im lặng bỏ đi theo những mê hoặc đời trước*
*cánh cửa về sau tối đến đó: Một mình.*

KHÁNH TRƯỜNG

# những bàn tay đẹp

Tôi thù những bàn tay đẹp. Suốt đời, tôi thù những bàn tay đẹp. Mẹ tôi cũng có hai bàn tay đẹp, đẹp lắm. Bà biết điều đó và hãnh diện về điều đó. Riêng tôi, mỗi lần nhớ đến hai bàn tay của mẹ, trong lòng lại dâng lên một cảm giác đắng cay, lờm lợm. Cảm giác này không phải chỉ có với bà, mà hầu như cho tất cả mọi người khác, những người có hai bàn tay đẹp.

Năm tôi mười hai tuổi, một hôm ở trường về, vừa bước chân qua ngưỡng cửa tôi nhìn thấy cha đang ôm đầu ngồi lặng trên sa-lông, hai vai nhô cao, chiếc lưng còng xuống, tôi để ý thấy cả người ông đang run bắn. Nghe tiếng chân, cha ngẩng lên, đôi mắt ngầu đỏ, sũng nước. Cha đang khóc. Ông nhìn tôi lạt giọng:

"Con sang chú Tư chơi với Huân. Chiều hãy về."

Tôi dạ nhỏ, xuống nhà sau rửa mặt. Khi trở lên, qua cửa buồng mở hé, tôi thấy chiếc áo ngủ của mẹ vất cẩu thả, nửa trên giường, nửa dưới đất, mền gối chăn mùng dồn thành một đống bừa bộn. Tôi đoán mẹ vừa thức dậy và đã ra đi. Từ bao năm nay tôi đã quá quen với cách sống cũng như giờ giấc của mẹ nên không lấy đó làm ngạc nhiên. Duy có điều, qua hình ảnh cha ngồi ủ rũ ngoài phòng khách, tôi biết, hai người lại vừa "cơm không lành, canh không ngọt".

Nhà chú Tư cách nhà tôi một quãng đường ngắn. Tôi vẫn thích sang chơi bên chú, vì một lẽ giản dị, bữa ăn của gia đình chú bao giờ cũng tươm tất thịnh soạn hơn (chẳng bù với mâm cơm nguội lạnh tẻ

nhạt của hai cha con tôi). Ngoài ra, Huân, con trai thứ ba của chú tuy lớn hơn tôi hai tuổi nhưng vẫn bị tôi coi như... em. Một phần, do liên hệ gia tộc, phần nữa, tuổi và thân xác tuy có lớn thật, hắn vẫn chỉ là một đứa trẻ ngây khờ, nếu không muốn nói đần độn. Trong số tám anh em con chú Tư, Huân bất hạnh hơn cả, hắn bị bệnh chậm phát triển. Mặt bẹt, hai má phục phịch, đôi mắt ti hí, tay chân ngắn cũn cỡn, đi đứng lạch bạch như vịt, Huân có cái nhân dáng của hầu hết mọi đứa trẻ cùng số phận. Huân học hành rất khó khăn, mười bốn tuổi vẫn chưa qua khỏi tiểu học. Chú Tư, trong những lúc rượu ngà ngà, vẫn thường tức giận chửi trời than đất. Tuy vậy, chú lại rất thương Huân, và tôi, cũng thế, dù phải thú thật, thường thường tôi tỏ ra... ăn hiếp quá đáng cậu em bất toàn.

Bố tôi có bốn anh em. Ba tôi thứ nhì. Bác Hai ở Huế. Tôi nghe cha nói bác có chức vị khá cao trong quân đội. Mỗi năm một lần tôi theo cha ra Huế tham dự ngày giỗ chạp của gia tộc, nhân dịp này tôi được gặp bác. Dù chỉ gặp lưng bữa nửa tiếng nhưng ấn tượng bác để lại bao giờ cũng đậm nét. Bác thường vuốt đầu tôi, cười nghiêm nghị, hỏi han chuyện học hành. Nghe giọng nói của bác, vừa to vừa lạnh, tôi đâm sợ, và phục. Suốt một thời tuổi nhỏ, hình ảnh bác trong đầu tôi, vẫn luôn luôn là hình ảnh của một võ tướng oai phong lẫm liệt. Tôi đã đồng hóa ông với những nhân vật đọc thấy trong truyện Tàu, mình mặc giáp sắt, tay cầm trường thương, ngạo nghễ trên mình ngựa, tả xung hữu đột giữa mù mịt máu lửa sa trường. Ấn tượng đó vẫn còn đọng mãi trong tôi cho đến ngày khôn lớn, đúng hơn, cho đến hai năm sau biến cố ba mươi tháng tư. Tôi gặp lại bác, còm cõi ngồi bên vệ đường, sau quầy bán thuốc lá lẻ của bác gái. Mái tóc bác bạc trắng, những nếp nhăn chằng chịt trên trán, cuối đuôi mắt. Bác ngồi, nhìn mà như không thấy gì cảnh phố xá nhộn nhịp kẻ qua người lại; bác ngồi, một chân xỏ trong đôi dép mủ mòn vẹt, chân còn lại, đã cụt, phất phơ ống quần ka-ki mềm nhão. Tôi vẫn phân vân không hiểu có phải cái chân cụt - kết quả công tác gỡ mìn lúc bác còn trong trại cải tạo - là một may mắn hay chăng? Bởi theo lời cha và chú Tư, thì với chức vị của bác trong quân đội cũ, thời gian học tập hai năm là điều khó có

thể xảy ra. Tôi đứng cách bác không xa, cố liên hệ hình ảnh còn rất rõ nét trong đầu về bác với hình ảnh trước mắt nhưng quả tình không thể nào tìm thấy một điểm nhỏ tương đồng. Sự đổi thay quyết liệt quá, tàn nhẫn quá. Sự đổi thay làm cho lòng dạ tôi quặn thắt.

Chú Năm thì tôi vẫn thường nhìn thấy, nhưng chỉ nhìn thấy trên... hình. Niềm hãnh diện tôi dành cho chú Năm có lẽ còn lớn hơn so với bác Hai. Bởi lẽ, chú là một nghệ sĩ. Tên tuổi nhân diện chú hầu như cả nước đều biết. Cầm bất cứ một tạp chí lá cải nào trên tay, cũng dễ dàng tìm ra chú, hoặc ở ngay trang bìa, hoặc đâu đó trang trong. Và qua đài phát thanh, qua truyền hình buổi tối, giọng hát chú đã từng làm rúng động bao nhiêu trái tim thiếu nữ. Chú Năm trẻ, rất trẻ, lại đẹp trai và tài hoa, vì vậy cuộc sống chú có buông tuồng quá đáng. Nghe nói chú thay tình nhân như thay áo, thêm hút sách bài bạc đủ món ăn chơi. Từ lúc sinh ra cho đến bấy giờ, tôi chưa từng thấy chú về thăm nhà. Cha tôi thường than thở với chú Tư, "Cái thằng thiệt đoản hậu, vinh quang làm hắn hư hỏng, giỗ cha giỗ mẹ hắn cũng chỉ qua quít vài lời bằng đường bưu điện, chớ có thấy mặt ngang mũi dọc đâu cả." Riêng tôi, chú "đoản hậu" thế nào không biết, chỉ biết bao giờ chú cũng là niềm kiêu hãnh tôi thường đem ra để "đánh bóng" cho thân thế mình với bè bạn, "Chú tao đấy... Em ruột cha tao đấy... " Khi nói những lời đó, mặt tôi vác lên, ngực ưỡn ra, vẻ nghiêm trang như một người... lớn.

Chỉ có cha tôi và chú Tư, từ thuở nhỏ cho đến khi có vợ có con, luôn ở cạnh nhau như bóng với hình. Cả hai tính tình đều mềm mỏng, thích cuộc sống yên ổn bên vợ bên con. Chỉ buồn một nỗi cha tôi quá nghèo, ngược lại chú Tư thì nhà cao cửa rộng, phú quí mọi bề. Hãng nước đá của chú, từ lúc quân đội Mỹ đổ vào Việt-nam, mỗi ngày mỗi chương nở thêm mãi, tiền của cứ tuôn vào, như suối. Tuy không nói ra, nhưng tôi biết thâm tâm cha tôi rất khổ sở khi phải nhờ vả mãi chú Tư. Anh em ruột thịt không nói làm gì, chú Tư còn vợ, còn con, cha không muốn "thím ấy và các cháu" khinh nhờn. Vả lại, chú là em, chẳng lẽ làm anh lại cứ bắt em gánh vác mãi sự khốn khó của mình?

Cha tôi càng khổ tâm hơn khi tự biết mình chẳng phải là một

người lười nhác, bất tài. Ông có ăn có học, lại cần cù chăm chỉ. Nhưng bao nhiêu năm đầu tắt mặt tối, vẫn không nuôi nổi gia đình.

Nguyên nhân chỉ tại mẹ tôi.

Mẹ tôi, người đàn bà có đôi bàn tay đẹp, rất đẹp. Đôi bàn tay với những ngón thon nhỏ, trắng muốt, đầu ngón vươn dài mười chiếc móng màu hồng nhạt óng ánh kim nhũ. Đôi bàn tay tôi vẫn thường thấy mẹ tỉa gọt mài dũa hàng giờ và ngâm trong chiếc ca nhựa đựng sữa tươi. Dĩ nhiên với đôi bàn tay như thế, thật hết sức bất công nếu bắt mẹ phải chu toàn những công việc chẳng mấy nhẹ nhàng như giặt giũ, nấu nướng, thu vén dọn dẹp nhà cửa... Trước kia, khi vật chất chưa đến nỗi nào, chúng tôi đã có người "chị Hai" lo toan tất cả. Đến lúc gia cảnh suy sụp, cha tôi vui vẻ kiêm nhiệm luôn trách vụ đó, bên cạnh cái trách vụ đương nhiên từ bao nhiêu năm nay, là làm việc quần quật để kiếm tiền.

Một lần tôi nghe bác Hai mắng cha:

"Người ta đồn chú sợ vợ lắm phải không? Tại sao lại như thế? Tôi không khuyên chú nặng tay nặng chân với thím ấy, nhưng mà phải dạy chứ, phải tỏ ra cương cường một chút chứ. Rồi chú xem, sẽ có ngày chú ân hận cho mà coi."

"Anh hơi đâu tin lời thiên hạ. Cái bọn lắm mồm... Vợ chồng em vẫn hạnh phúc... "

"Không có lửa sao có khói? Chú đừng chối. Là anh em, tôi còn lạ gì tính tình chú."

"Sự thật em cũng có chiều cô ấy... Nghĩ cho cùng cô ấy đáng thương hơn đáng trách."

"Nghĩa là thế nào?"

"Thì anh cũng biết, vợ em từ nhỏ đã bọc điều. Anh thay một đôi giày mới đã thấy đau chân, huống hồ buộc người ta thay cả một nếp nghĩ, những thói quen... Chuyện đâu có dễ dàng, tức khắc được... "

Cha dừng lại, cúi xuống một lúc rồi ngẩng lên, vẻ mặt ông tỏ ra quyết liệt:

"Anh Hai, em có đời sống riêng của em. Vấn đề là tự em, cảm thấy

bằng lòng hay không cái đời sống em đang sống đó. Chúng ta ai cũng có một gia đình, và em đã trên nửa đời người... Chưa từng bao giờ nhờ vả anh... Chuyện riêng của vợ chồng em, để em lo... "

"À... À... Nếu chú đã nói thế thì tôi... Không ý kiến nữa. Tùy chú..."

Chỉ vì cái cha tôi gọi là "đời sống riêng" đó mà hai anh em giận nhau đến gần ba năm.

Mẹ tôi, ngoài hai bàn tay đẹp, nhan sắc bà còn thuộc hàng giai nhân. Công bình mà nói, cha lấy được mẹ một phần lớn cũng nhờ vào vị thế của bác Hai, sự giàu có của chú Tư và tiếng tăm của chú Năm. Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, mẹ là con gái duy nhất, vì vậy được cưng nhiều rất mực. Từ nhỏ đến lúc theo chồng, chưa bao giờ mẹ động tay đến bếp núc, giặt giũ, cái ăn, cái mặc... Nhất nhất mọi chuyện đều có người lo. Cha nói đúng, khó mà trách mẹ được. Mẹ sinh ra đã bọc điều, lớn lên trong nhung lụa, cá tính bà được hun đúc uốn nắn để trở thành như thế, và bà như thế. Một con búp bê bày trong tủ kính để xem chơi! Đâu phải lỗi ở bà? Cha đã yêu mẹ, đã nỗ lực tranh đấu để lấy mẹ. Cha chấp nhận cái hình ảnh "để xem chơi" đó một cách hân hoan.

Nhưng nếu mẹ chỉ dừng lại ở vị thế "đồ vật" này thì mọi chuyện chắc không đến nỗi nào. Buồn thay bà đã đi quá cái giới hạn có thể chấp nhận, trở thành một tác hại đến mọi người liên hệ. Thảm kịch từ đó mà ra... Mối bất hòa giữa cha mẹ ban đầu chỉ thỉnh thoảng, nhưng dần dần trở nên thường xuyên, đến một lúc gần như không ngày nào không xảy ra. Nhất là từ khi cha làm ăn yếu đi, không đủ tiền để rót vào cái túi thủng đáy của mẹ. Khổ một nỗi, càng thấy cha nhịn, mẹ càng lộng hành. Được đằng chân lân đằng đầu. Nhiều lúc nhìn cha khổ sở luống cuống trước những lời chì chiết cay đắng, có khi rất hỗn hào, tôi không thể không giận mẹ. Thường, để tránh tình trạng bẽ bàng dở khóc dở cười đó, cha bảo tôi sang chơi nhà chú, hoặc tự tôi tìm sang.

*

Vừa thấy tôi bước lên mấy bậc cấp đầu thềm, chú Tư đã vui vẻ:

"Trưng dấy à? Ăn cơm chưa?"

"Dạ chưa, con mới học về."

"Cha làm gì bển?"

"Dạ... dạ... "

Thấy tôi ngập ngừng, vẻ mặt ỉu xìu, lúng túng, chú Tư thở dài:

"Lại có chuyện rồi phải không?"

Tôi cúi đầu không trả lời. Chú rời chiếc ghế mây bước lại gần tôi, vỗ vỗ bàn tay lên vai tôi, nhỏ nhẹ:

"Vào nhà trong ăn cơm với mấy em. Cứ ở đây chơi, tối hẳng về. Để chú qua bển xem sao."

Chú Tư bước ra cổng. Tôi nhìn theo, bỗng nhiên tôi ứa nước mắt. Tình trạng giữa cha mẹ tôi thật không biết phải giải quyết cách nào. Cha quần quật suốt ngày, mẹ cũng... quần quật suốt ngày, thường khi sáng đêm, nhưng lại quần quật trên chiếu... bạc! Tôi chưa đủ lớn để dám thù ghét mẹ, nhưng thương bà thì chắc không. Chẳng phải vì bà là nguyên nhân làm cho gia cảnh nghèo túng (tôi đâu đã hiểu nổi điều đó!), mà vì bà quá ít gần gũi tôi. Ngay từ lúc còn nằm ngửa, tôi đã được giao cho người làm chăm sóc. Mẹ luôn vắng nhà, thỉnh thoảng ghé về vài tiếng đồng hồ, liếc mắt nhìn sơ đứa con ruột thịt, rồi lại vội vã ra đi sau khi đã moi được ít tiền. Tôi lớn lên trong vòng tay bảo bọc của cha và người "chị Hai", làm sao tôi có được niềm thương yêu với mẹ? Tôi cũng chưa đủ lớn để dám xem thường cha, người đàn ông đã mê vợ đến độ mù quáng, nhu nhược. "Trời ơi, chị đẹp quá, nhất là hai bàn tay, coi kìa, tôi chưa thấy ai có hai bàn tay đẹp như chị." Hoặc, "Nghe nói ở ngoại quốc, mấy cô người mẫu quảng cáo nữ trang bảo hiểm hai bàn tay có khi đến bạc triệu. Với hai bàn tay của chị, nếu được ra nước ngoài thì phải biết, tha hồ lượm tiền!" Mỗi khi có người trầm trồ như thế, mẹ cười khanh khách thích thú đã đành, cha cũng rạng rỡ không kém. Tôi thấy ông nhìn bà với một tia nhìn, tôi nghĩ, chỉ có ở những tín đồ khi ngước mặt chiêm ngưỡng dung nhan Chúa, Phật!

Chú Tư trở về khi chiều đã sâm sẩm. Tôi và Huân đang đánh cờ

ca-rô ngoài phòng khách thì chú Tư lặng lẽ bước vào. Qua nét mặt chú, tôi biết tình trạng giữa cha mẹ lần này rất căng thẳng. Ông ngồi xuống sa-lông, đôi chân mày nhíu lại, chậm chạp ngước mặt nhìn lên bàn thờ, nơi có bài vị chân dung của ông bà nội tôi lồng trong chiếc khung có giá đỡ phủ nhiễu điều. Chú Tư không nói một lời nào, rất lâu. Tôi hồi hộp chờ đợi. Linh tính báo cho tôi biết sắp có điều chẳng lành xảy đến cho cuộc đời tôi. Quả thế. Sau một tiếng thở dài, chú Tư cất tiếng:

"Trung à. Bắt đầu từ ngày mai con qua đây ở với Huân và các em, bằng lòng không?"

Tôi ngạc nhiên:

"Sao vậy chú?"

"Lẽ ra chú không nên nói vội với con chuyện này, nhưng trước sau gì rồi con cũng biết, thôi thì biết sớm vẫn hơn..."

Chú Tư dừng lại một lúc, nhìn tôi ngập ngừng:

"Cha mẹ con không... ở với nhau nữa."

Và như sợ không đủ can đảm nói tiếp, chú vội vàng:

"Mẹ con đã bỏ đi... "

Tôi đứng phắt dậy, cắm đầu chạy ra cửa. Sau lưng tiếng chú Tư gọi theo hốt hoảng: "Trung... Trung... "

Nhưng tôi không dừng lại. Tôi chạy một mạch về đến nhà.

Dưới ánh sáng vàng chạch của ngọn đèn tròn treo lơ lửng trên trần, tôi thấy cha vẫn còn ngồi trên chiếc ghế cũ, bất động như một pho tượng, hai mắt ông mở trừng nhìn trân trối vào bóng đêm bên ngoài. Ông không nghe, không thấy gì hết, kể cả đứa con duy nhất của ông đang đứng trước mặt. Tôi hỏi cha:

"Mẹ đâu... Mẹ đâu cha?"

Cha tôi lặp lại, như trong cơn đồng nhập:

"Mẹ đâu... Mẹ đâu?"

Bỗng ông vùng đứng lên, hai nắm tay nắm chặt, quai hàm bạnh ra. Ông nghiến răng:

"Tao sẽ giết... Giết hết!"

Tôi hoảng sợ lùi lại, bật khóc. Tiếng khóc của tôi giúp cha hồi tỉnh. Nét mặt cha dịu lại, ông từ từ bước đến ôm tôi vào lòng. Và ông cũng khóc. Nước mắt nhỏ xuống tóc tôi, mái tóc còn xanh mướt nhưng đã bắt đầu nhuốm màu bất hạnh...

Cha không giết ai cả!

Dù ông biết mẹ đã bỏ hai cha con tôi đi theo một tên cờ gian bạc lận. Tên này nổi tiếng khắp tỉnh nhờ cái dáng vẻ bề ngoài bảnh bao và hai bàn tay - cũng hai bàn tay - biến ảo khôn lường khi đụng đến những con bài.

Hắn sinh ra ở đây, nhưng "làm ăn" mãi tận trong Nam. Hắn nói, "Đất này nghèo xác xơ, làm gì có tay chơi xứng đáng!"

Rồi nhún vai khinh mạn, tiếp, "Trong Nam đất rộng người đông, tiền rừng bạc biển... Cá lớn phải vẫy vùng ở biển Đông, mới xứng."

Hắn chấm dứt câu nói bằng cách cung hai tay, mở một vòng rộng trước mặt, ý hắn muốn mô tả cái "biển Đông" đang hiển hiện trong đầu, rồi nâng ly bia đầy vun uống một hơi cạn sạch.

Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy hắn, tại quán nhậu Huynh Đệ. Cái quán nằm ngay trên trục lộ giao thông chính của tỉnh, cách trường tôi không đầy năm trăm thước. Hôm ấy tôi gặp cả mẹ. Bà ngồi bên cạnh gã cờ gian bạc lận, đắm đuối nhìn hắn ba hoa, tia nhìn không khác bao nhiêu với đôi mắt cha khi nghe người ta tán tụng hai bàn tay mẹ, tia nhìn chỉ có ở những tín đồ ngước lên chiêm ngưỡng dung nhan Chúa, Phật!

Với trí óc non nớt của một đứa trẻ mười hai tuổi, làm sao tôi có thể hiểu được chỉ vì những tia nhìn như thế, mà bao nhiêu thảm kịch đã xảy ra trên trần gian này. Lớn lên, đọc sách, tôi tìm thấy hàng triệu người bị giết chóc, hàng nghìn thành phố bị san bằng, hàng tỉ kiếp đời bị lầm than, cũng chỉ vì những tia nhìn, hoặc nhân danh tín ngưỡng, hoặc nhân danh tự do, no ấm, công bằng... Những tia nhìn, như cha, cho mẹ. Như mẹ, cho tên cờ gian bạc lận. Những tia nhìn cuồng tín!

Người ta không chết vì điều bình thường, người ta chết vì sự cuồng tín, dù sự cuồng tín khởi nguồn từ yêu thương.

Cha không giết ai cả!

Bản chất ông yếu mềm, làm sao dám giết ai? Tuy nhiên làm sao ông chịu đựng được sự mất mát quá đỗi to lớn kia? Cha giao tôi lại cho chú Tư nhờ nuôi nấng giùm. Ông nói muốn vào Nam làm ăn, bao giờ yên ổn sẽ về đón tôi. Chú Tư đã quyết liệt can ngăn nhưng cha không nghe. Ông phân trần:

"Anh muốn quên, mà ở đây thì có bao nhiêu điều gợi nhớ... Chú phải để anh đi. Chú yên trí, anh đủ nghị lực vượt qua mà."

"Anh không vào Nam tìm chị chứ, anh Ba?"

"Không, anh đi làm ăn."

Chú Tư nhìn thẳng vào mắt cha, lắc đầu:

"Đàn bà, khi đã thay lòng thì không có gì lay chuyển được họ đâu. Anh Ba, nghe em đi. Ở đây anh em có nhau. Anh gắng tịnh dưỡng một thời gian sẽ nguôi ngoai. Đời còn dài, thiếu gì cơ hội để làm lại."

"Anh đi làm ăn, thiệt mà... Anh hiểu chứ, tìm bà ấy làm gì nữa! Ly nước đã đổ, hốt lại được đâu."

Chú Tư biết có nói thêm cũng vô ích, đành để mặc cha tự quyết định.

Ngay khi đặt chân đến miền Nam, cha lập tức truy tầm tung tích mẹ và gã cờ gian bạc lận. Nhờ chú Năm nhẵn mặt những chốn ăn chơi, cha dễ dàng tìm ra chỗ họ cư ngụ. Ông van lạy mẹ trở về, bao nhiêu lỗi lầm của mẹ ông hứa sẽ xóa sạch hết. Nhưng mẹ, như con thiêu thân say đắm ánh đèn, nào sá gì lời kêu gào của người chồng khốn khổ. Bà tàn nhẫn đuổi ông ra khỏi nhà. Cha năm lần mười lượt tới lui, mẹ chẳng mảy may động tâm. Tuyệt vọng, cha điên cuồng tìm đến bọn đâm thuê chém mướn nhờ chúng loại giùm tình địch. Số tiền tương đối khá lớn chú Tư đưa cho cha để làm lộ phí và vốn làm ăn, cha đã vét hết giao cho chúng. Nhưng thay vì tìm giết tên bất lương, chúng quay ra giết cha để diệt khẩu, cướp số tiền oan nghiệt!

Đó là nội dung lá thư chú Năm gởi về gia đình sau một tháng cha bỏ quê vào Nam.

Cha không giết ai cả!

Ngược lại, cha chết vì tia nhìn sùng bái của ông dành cho mẹ.

Cha chết tôi không nhìn thấy mặt.

Tôi theo chú Tư vào Nam để cùng phụ với chú Năm lo việc tang ma. Đường sá xa xôi, chú Tư lại quá bề bộn công việc làm ăn, nên khi hai chú cháu vào đến nơi thì xác cha đã thối rữa, người ta vừa mang chôn trước đó một ngày. Chú Tư an ủi tôi:

"Tạm thời thôi. Vài năm nữa chú sẽ đưa hài cốt cha cháu về quê."

Tôi nhớ đến lời bác Hai, "Rồi sẽ có ngày chú ân hận..." Không, cha tôi chẳng còn có mặt trên cõi đời này để mà ân hận. Đối với mọi người còn sống thì cha đã trả một giá quá đắt cho mối đam mê mù quáng của mình, nhưng với ông, trước khi nhắm mắt vĩnh viễn, biết đâu đã rất vừa lòng? Lưỡi thép bén xuyên ngọt qua trái tim, chấm dứt những nhịp đập quằn quại, sẽ tốt hơn hay kéo dài mãi những nhịp đập đó suốt đời? Chỉ có cha tôi mới trả lời được câu hỏi này. Còn tôi, tôi sẽ thế nào đây sao thảm kịch? Ngồi trên máy bay trong chuyến trở về, nhìn ra lớp lớp mây trắng chập chùng bên ngoài khung kính, lần đầu tiên tôi cảm nhận một cách thật rõ cái lẽ vô thường của số phận con người!

Nỗi đau tuy lớn nhưng rồi cũng nhạt dần. Tôi trưởng thành trong sự dùm bọc của chú Tư. Mẹ, thỉnh thoảng lắm mới gởi cho tôi ít chữ, kèm theo vài nghìn đồng "để con tiêu vặt". Tình nghĩa mẹ con cũng mong manh như những đồng bạc mẹ được trong chiếu bài. Tôi không biết mẹ còn giữ được bao lâu, và bao lâu nó sẽ qua tay người khác!

Biến cố tháng tư bảy lăm trả lời giùm tôi câu hỏi đó. Mẹ, có lẽ đã theo gã bất lương đào thoát ra khỏi nước. Tôi không nhận được chút tin tức nào của bà kể từ ngày ấy. Trong nhiều lá thư chú Năm gởi về cũng nói chẳng còn gặp mẹ tại các nơi ăn chơi quen thuộc. Như vậy, tôi lại thực sự mất thêm một người thân. Thôi thế cũng đành. Tình cảm tôi dành cho mẹ vốn quá nhẹ nên cũng không thấy buồn bã bao nhiêu.

Bốn năm sau tôi theo gia đình chú Tư xuống tàu vượt biên.

Tài sản của chú bị thất tán chẳng còn bao nhiêu nên chẳng thể

bảo bọc cho cả dòng họ, vì vậy trong chuyến đi này chỉ có thêm một mình bác Hai. Khi chia tay bác đã hứa với gia đình - một cách rất lạc quan - rằng bác sẽ trở về trong một tương lai không xa, mọi người hãy cố gắng đùm bọc nâng đỡ nhau vượt qua nghịch cảnh, và chờ đợi.

Thuở đó bác nghe người ta đồn nước Mỹ sẽ dành cho bác, những người như bác, nhiều đặc quyền từ vật chất lẫn tinh thần. Đồng thời những chiến hữu xưa kia của bác, ở hải ngoại, đang hăng say hoạt động để chuẩn bị cho một ngày về... Bác nghe và tin điều đó, bác không muốn mình trở thành một kẻ đứng bên lề, bác mong được tham dự, tiếp tay. Dù tật nguyền, nhưng với kinh nghiệm và khả năng chỉ huy, bác nghĩ mình sẽ giúp ích rất nhiều cho đại cuộc. Niềm tin của bác, về nước Mỹ, về quân đội, về lý tưởng... buồn thay, cũng không khác gì hơn những sợi tóc trên đầu bác, mỗi ngày mỗi bạc trắng để rồi rụng dần, rụng dần. Và chắc hẳn ở quê nhà, vợ con bác chẳng thể nuôi mãi một niềm hy vọng càng lúc càng trở nên mơ hồ, khác chi tấm bạt nhà binh bác gái căng chỗ sàn nước để che mưa che nắng ngày nào, đã theo tháng năm dần dần rệu rã. Bây giờ, mỗi lần nhìn bác ngồi co ro trong góc nhà, chiếc áo lạnh to sụ phủ kín từ cổ đến gót chân, tôi tự hỏi, phía sau vầng trán chằng chịt những nếp nhăn kia, điều gì đang lềnh bềnh trong đó? Tuổi già, bóng xế, vợ con nghìn trùng chia biệt, liệu bác sẽ còn chịu đựng thêm được bao năm nỗi cô đơn mỗi ngày mỗi đùn cao như mối. Tôi lại thấy ruột gan mình quặn thắt. Hình ảnh người đàn ông cụt chân ngồi lặng sau tủ thuốc lá bên vệ đường với hình ảnh ông già co ro giữa căn phòng vắng lạnh, trên một xứ sở xa lạ chẳng phải quê hương. Hình ảnh nào đáng thương hơn? Chỉ trong vòng mười mấy năm, tôi đã chứng kiến bao nhiêu đổi thay. Những người đại biểu cho một thế hệ dần dần tàn lụi, tan rã. Cha chết, bác Hai như một phế tích buồn thảm. Chú Năm sau biến cố tháng tư trở thành kẻ bỏ đi. Chú tưởng với tài năng của mình, chắc chắn chú sẽ được trọng dụng. Chú lầm. Mỗi chế độ, mỗi khuynh hướng chính trị, mỗi thời điểm đã có sẵn cho nó những đường hướng văn nghệ riêng, những nghệ sĩ riêng. Tài năng! Ở đâu, lúc nào mà chả có. Loại nghệ sĩ thường thường như chú thực sự chẳng hữu dụng gì hết, nếu không

muốn nói nó sẽ làm tắc nghẽn dòng chảy của lịch sử. Chú Năm không chịu hiểu điều đó, hay hiểu, nhưng cố bám lấy cái ảo tưởng về tài ba của mình, về một thời vang bóng. Vì vậy chú bị đẩy sang bên lề, trở thành kẻ bất mãn, căm thù. Với tâm trạng đó, chỉ còn hai con đường cho chú chọn: Hoặc phản kháng để bị nghiền nát, hoặc trầm luân trong trụy lạc để trở thành một cọng rác nhỏ nhoi trong đống rác lớn lịch sử. Do bản chất yếu mềm, chú Năm chọn con đường thứ hai. Bây giờ, nghe đâu chú đã trở thành một tay nghiện nặng. Bao nhiêu tiền chú Tư gởi về đều bị cậu em mang đốt sạch vào ngọn lửa phù dung. Chú tìm thấy dư ảnh nào trong lớp khói đục của ma tuý? Chú đang đẩy định mệnh mình đến cõi bờ nào giữa một bối cảnh quá đỗi lầm than? Tôi nghĩ, một cách nào đó, chú Năm đang chết. Buồn thay, cái chết của chú làm ô nhiễm môi trường sống, làm phương hại dài lâu cho nhiều người khác.

Hình như trong bốn anh em của cha, chỉ có chú Tư là người may mắn nhất. Xét cho cùng, chú may mắn cũng không phải điều vô lý. Đời sống chú phẳng lặng, chừng mực, vừa phải. Chú không có cái đam mê lớn của cha. Chú không thích cái buông tuồng phóng đãng của chú Năm, chú cũng không hợp với cái cực đoan quyết liệt của bác Hai. Nói chung, chú Tư là một đại biểu rõ nét nhất cho đám đông được gọi là quần chúng. Cái đám đông làm nên xã hội, cái đám đông thầm lặng nhưng có khả năng chi phối hướng đi của lịch sử. Cái đám đông đó, như lưu đạo của một dòng sông, chảy bình thản ra biển, cuốn phăng theo trên bề mặt những rác rến cặn bã. Có thể nhiều người đang lên án, nguyền rủa thái độ thỏa hiệp của chú Tư đối với đời sống. Nhưng cái đích cuối cùng của chú Tư, cũng như cái đích cuối cùng của một dân tộc, là sự tồn tại, sống còn để vươn tới thì hầu như những người đó đã quên mất. Rốt cuộc họ sẽ thế nào? Như cha? Như chú Năm? Như bác Hai? Hay thảm thương hơn, như mẹ?

Như mẹ?

Tôi sẽ không sòng phẳng với lòng mình nếu chưa đi đến tận cùng tấn thảm kịch của gia đình. Dù tôi biết, như thế, người đàn bà có đôi bàn tay đẹp là mẹ tôi, bây giờ đang ở một nơi nào đó bên ngoài thế

gian này, sẽ rất buồn khi thấy tôi đem thân thế bà rêu rao cho mọi người cùng biết.

Cách đây không lâu, tình cờ tôi đọc thấy mẩu tin ngắn ở trang trong một tờ nhật báo. Bản tin viết:

*Chúng tôi có lần loan tin một người đàn bà Á-châu bị bắt tại tiệm kim hoàn H... vì bà ta đã dùng hột xoàn giả đánh tráo hột xoàn thật. Qua điều tra của cảnh sát, được biết người đàn bà này không phải lần đầu phạm tội. Nhiều tiệm kim hoàn khắp tiểu bang từng "được" bà ta "thăm viếng". Các chủ tiệm họp nhau theo dõi và báo cảnh sát gài bắt quả tang.*

*Tối hôm qua, ngày... tháng... năm... tại khám đường S. người đàn bà đã cắt gân máu tự tử. Khi giám thị phát hiện thì bà ta đã chết.*

*Cảnh sát đã tiết lộ danh tính cùng nhiều chi tiết liên quan đến lý lịch khá mù mờ của người đàn bà. Họ tên: Trần Thị Bạch Vân. Tuổi: 52. Không thân nhân và nghề nghiệp nhất định. Thường xuất hiện trong các sòng bạc ở Las Vegas. Đến Mỹ sau tháng tư năm 1975...*

Trong giấy khai sinh của tôi, chỗ tên mẹ, cũng ghi: Trần Thị Bạch Vân. 52 tuổi.

Tôi nhờ luật sư đến khám đường làm thủ tục nhận xác mẹ về chôn.

Gần hai mươi năm kể từ ngày mẹ bỏ đi, không ngờ tôi lại gặp bà trong hoàn cảnh như thế. Tôi không buồn lắm. Tình cảm tôi dành cho bà, như đã nói, quá dỗi mờ nhạt. Nhưng ấn tượng về hai bàn tay của bà, hai bàn tay cho đến khi chết, dù tuổi tác đã trên năm mươi, còn đẹp một cách nao lòng, vẫn khiến tôi lờm lợm mỗi lần hồi tưởng!

Phần tôi... Chín năm trên đất Mỹ đã biến đứa bé mười hai tuổi ngày nào trở thành một kỹ sư. Trong vị thế của một thanh niên trẻ tuổi, độc thân, có học, có đời sống vật chất tương đối ổn cố, dĩ nhiên không khó khăn lắm nếu tôi muốn tìm cho mình một người vợ. Nhưng thảm kịch gia đình, ấn tượng mẹ gieo trong đầu tôi về lòng dạ của đàn bà, đã khiến tôi trở nên một người khó tính, có khuynh hướng thích cô đơn. Ngoài thời giờ ở sở, thú vui duy nhất của tôi là đọc sách. Rất ít khi tôi bước ra khỏi nhà. Tôi sống xa lạ với mọi người, và ngay cả với chính bản thân.

Nhưng tôi biết, cuối cùng rồi mọi chuyện sẽ dần lắng xuống. Tôi cũng sẽ thích nghi với cuộc đời, sẽ lấy vợ sinh con, sẽ là một người cha người chồng gương mẫu (hay hư hỏng, làm sao biết được). Và vài mươi năm nữa, các con tôi lớn lên, có lẽ chúng sẽ nói với nhau, về tôi, về chúng ta, như tôi đã nói về thế hệ cha chú của mình: Thêm một trang sách cũ đã lật qua. Tôi mong rằng chúng sẽ nói lời ấy với một thái độ thản nhiên, thân ái. Chứ đừng như tôi, cũng vừa nói xong lời ấy, nhưng trong lòng không thể không cảm thấy dâng lên một cảm giác đắng cay, lờm lợm ■

PHÓ NGỌC VĂN

## nhuận

*

*Ta với ngươi uống cháy đêm nay*
*Đường về phương bắc tuyết giăng đầy*
*Hồn ngươi đã ngủ vùi trong tuyết*
*(Ngàn dặm quê nhà mây trắng bay)*
*Cuộc thế mười năm chừ thắng bại*
*Tri kỷ mười phương chưa thấy về*
*Ngươi như Tô Vũ bên trời tuyết*
*Núi đá bọc xương một đàn dê*
*Chiếc áo khinh cừu còn hay bán*
*Uống dăm chén rượu quán bên đường*
*Lòng ngươi có ấm thêm đôi chút*
*Để thấy nhân gian một lũ cuồng*
*Cáo chết ba năm quay về núi*
*Ta với nhà ngươi quay về đâu*
*Thà cứ thả lòng như con suối*
*Chảy về bờ bến cũ nương dâu.*

*LƯU NGUYỄN*

# trăm năm một thoáng là dương bay vèo

*

*xưa em bên cội sứ già*
*vân vê tóc thẹn khép tà áo bay*
*ngập ngừng tay khẽ tìm tay*
*trao nhau một nụ hôn say ngất tình*

*em về tóc đẫm u minh*
*kể từ cô tịch cho hình dáng phai*
*xiêm y liễu rũ Chương Đài*
*hồn pha muối xát, dạ mài máu xương*

*chấp chi cõi tạm vô thường*
*trăm năm một thoáng tà dương bay vèo*
*trầm luân mấy kiếp bọt bèo*
*ba nghìn thế giới về theo chốn nào*

*dẫu cho đời có hư hao*
*cầm bằng rót chén rượu vào hư không*
*hình như chim đã sổ lồng*
*hình như ta đã phiêu bồng ngàn năm.*

TRIỀU HOA ĐẠI

# phố núi

*

*Bước xuống lũng sâu lòng chẳng ngại*
*hoa nở mùa đông xám một màu*
*tóc phơi ướt nhẹp chiều mưa tạt*
*rì rào sương trắng đẫm vai nhau*

*Tôi đã một thời ngang phố núi*
*đêm nhìn trăng nở sáng lưng đồi*
*bụi đỏ, đỏ hoài lên nỗi nhớ*
*lúc về da diết mãi khôn nguôi*

*Và cũng một thời nuôi kỷ niệm*
*theo người qua những phố quanh co*
*nhiều khi mang mộng vào chăn gối*
*bến vắng vì sông thiếu bóng đò*

*Nhớ lắm một thời bên phố núi*
*mưa to, mưa nhỏ, gió trên ngàn*
*lòng rỗng vô cùng, sa mạc vắng*
*hồn chiều chuông đổ, tiếng kinh vang.*

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

# ma đè

Chiếc xe thả họ xuống ở ngã tư.

Mùi da thịt gần gũi, một chút gió mát len lỏi làm cho đê mê đã không còn. Bởi vì người đạp xích lô từ chối, bỏ ý định chở hai người về tận con hẻm quánh đặc bóng tối. Ngọn đèn trên đầu chỗ đứng xô ngã cái bóng yếu ớt của Du nằm ẹp xuống mặt lộ. Nó biến thành một vệt đen dài ngoằng kỳ dị đâm thẳng tới bóng tàn cây trứng cá đứng chết sững không động đậy cành lá. Đêm hầm hập nóng. Mùi nhựa đường ngột ngạt. Cái đầu của Du trông như có đội một cái thúng lớn đựng đầu hắc ở bên trên. Nặng nề và u mê.

- Cô đưa thiếu một tờ mười đồng.

- Phải đó không? Chịu khó đếm lại coi.

- Phải mà.

Những tờ giấy nửa có giá trị, nửa không. Đôi khi chúng làm hoa cả mắt người. Nó tơi tả nhàu nát trên đôi bàn tay ông già đạp xe nên không thể gọi là đếm xoành xoạch được. Ông ấy cẩn trọng nhấc từng tờ.

- Thiếu mười đồng. Thấy chưa. Tui dừng xe ở ngoài này là có lý. Còn có mặt đèn đường soi sáng mà vẫn lộn tới lộn lui huống chi...

Người đàn bà đưa tay moi ở lưng quần ra một cái khăn mùi soa. Quẹt trên trán, chùi ở cổ rồi mới mở rộng nó.

- Thôi đi ông, cứ lộn xộn hoài. Nè, tiền đây.

Du muốn đi tới gốc cây trứng cá để vạch quần mà tiểu tiện nhưng chẳng còn kịp nữa.

- Ê, lộn đường rồi. Phía này nè.

Người đàn bà bước nhanh và đưa tay lôi áo Du lại.

- Tệ quá. Ai mà ngờ Du uống yếu thế.

Đầu óc Du rỗng không. Cái rỗng không mang theo trọng lượng một cách vô lối. Miệng Du đắng khô, làm thinh để người đàn bà kéo

đi. Mình yếu thật. Du nghĩ thầm. Một ông đi cải tạo lâu năm trên rừng về đêm đầu tiên sum họp với vợ hiền, cái giây phút trả thù nỗi nhớ ấy kéo dài được bao lâu? Đã mấy năm rồi mình chưa từng được uống rượu? Cái chất lỏng quỉ quái ấy sớm đánh gục một thằng tối ngày trà đá cà phê. Thời gian. Những con số già cỗi đó mãi chồng lấp lên làm ký ức mù mờ bám bụi. Du bàng hoàng. Thật ra nó trẻ trung lắm, nó mới hằng ngày. Chỉ có con người thì chịu lú lẫn ngờ nghệch thôi. Du thử lục tìm lại nguyên nhân chính đáng nào dẫn hai người đi tới sự quen biết nhưng tất cả đều lợn cợn khó nhớ một lý do, một run rủi, một tình cờ, một cơ duyên... Như thảy những cái một kia đều bỗng chốc rơi rớt hết xuống nước, khuấy động bùn lên và ta chẳng thể gạn lọc kịp cho nước trong lại trong phút giây, để nhìn thấy.

Du ôm eo người đàn bà. Eo nhiều thịt. Cái áo cụt có xẻ một đường bên hông làm bàn tay thích thú khi bất chợt đụng phải phần da thịt mát lạnh. Họ gọi đó là diện truyền của hai cực âm dương? Du thầm thì.

- Tôi yêu em.

Người đàn bà cười rú lên, như thể là thay vì nói thì Du đang đưa tay chọc nhột ở một vuông da nhạy cảm nhất.

- Thôi đừng có sảng cha nội.

Du không sảng. Hoặc có, thì đó là sự sảng khoái. Như một đứa con nhà lành, lần đầu tiên được công khai mạnh miệng chửi thề thô tục, cái mồm nó sướng một cách không ngờ. Nỗi sung sướng ấy có được bởi sự tự do, chẳng còn ai kiềm tỏa.

- Có khi phải sảng, vấn đề nó mới tới được. Người đàn bà bước đi ngập ngừng rồi gỡ tay Du ra, không dìu đỡ nữa. Một là câu nói ấy không do một người say rượu thốt lên. Hai là nó vừa bắn ra, như biết đâm tới vết thương chưa lành trong lòng người đàn bà khiến phải lảo đảo mấy giây.

Họ đi chậm dọc theo một bờ hồ. Trước đây, hương sen dìu dặt trong đêm hè. Giờ thì rau muống chiếm cứ hồ sen, mùi bùn dâng lên nồng nặc. Một mùi thì của quá vãng đã mất biệt hương hoa. Và một

kia là hương vị của hiện tiền mãi xô đẩy tới. Khoảng cách ở giữa hai thứ đó không còn ai nhớ cho vừa đủ những mùi vị đớn đau khác. Chữ dâu bể có khi trở nên nhỏ bé và hạn hẹp quá lắm.

Du với lấy tay người đàn bà, nghe mỏi mệt. Bàn tay đó không phản ứng, chỉ bóp chặt lại khi nghe tiếng chó sủa bất thần sau dãy hàng rào trồng đen một màu huyễn hoặc. Người nào ăn thịt chó đi đâu cũng bị đồng loại chúng nó sủa cho không buông tha. Họ thường bảo như vậy nhưng Du không tin. Có điều bây giờ tự nhiên Du lợm giọng muốn mửa. Anh dựa người vào một bờ tường hôi khai nước tiểu đứng gập mình lại, cố quên những khuôn mặt đỏ chờn vờn quanh bàn nhậu la liệt chén bát đổ lăn lóc. Sáu người nhai mất tiêu một con chó. Ông chủ nhà giọng ồm ồm kể lai lịch về món ăn. Nó không tên gọi, năm 75 tôi chạy đi rồi lại lộn về thì thấy nó đã tị nạn ở trong nhà hồi mô không hay. Cũng tình nghĩa thủy chung lắm, nhưng thà mình giải phóng nó còn hơn để nó vô phúc lọt vào tay kẻ khác. Đúng không? Trước mua vui sau làm nghĩa. Chẳng ai hưởng ứng trả lời. Du nghe thấy có điều gì hơi bất nhân trong câu nói ấy. Một ông ngồi gần bên úp miệng ly rống xuống mặt bàn, phát ra một tiếng khà rồi phát ngôn bằng thứ giọng trịt mũi. Rứa là hắn cũng được bốn tuổi đảng hỉ? Vài ba tiếng cười nổi lên. Thôi, mày sống khôn thác thiêng thì phù hộ cho những kẻ trần tục còn nặng nghiệp chướng này sớm ra đi bình an...

- Bị trúng gió rồi hả?

Du chùi nước dãi vào tay áo. Cái áo cũng hôi chẳng kém miệng mồm anh.

- Chắc tôi phải xin ở trọ lại nhà chị một đêm.

Người đàn bà cười trong bóng tối. Những cái răng bỗng sáng trắng lên.

- Tuôn hết rượu ra mới biết gọi bằng chị... Thôi đi, khuya rồi.

Chẳng biết đó là lời từ khước hay một giục giã lên đường. Du đứng thẳng người lại, nghe bụng dưới vẫn còn căng tức.

- Chị chờ cho tôi đi tiểu một chút có được không?

Người đàn bà quay mặt nhìn hướng khác như một thỏa thuận.

- Nhiều chuyện quá!

Du rùng mình.

- Không ngờ chị uống rượu cũng cừ lắm. Không nhức đầu, không mắc tiểu à?

Trong đêm yên lặng chỉ còn nổi rõ tiếng tuôn đi của một dòng nước xối xả sủi bọt. Du đứng làm một chuyện trong tứ khoái để thoáng chốc nhớ tới truyện kể thằng cha già lẩm cẩm đến dễ thương, nhát tới độ đêm hôm hỏi vợ, "Mình ơi, cưng có đi đái thì nhớ cho anh biết để gửi với..."

- Đàn ông con trai sướng ở cái chỗ không biết mắc cỡ là gì.

- Đàn bà con gái thiệt thòi quá nhỉ?

- Đúng đấy.

- Ngồi xuống thì vẫn kín đáo hơn là đứng như trời trồng.

- Không phải riêng chuyện ấy đâu.

Con chó đứng giấu mặt trong bóng tối sâu thẳm lại sủa lên. Như muốn đuổi hai người sớm đi khỏi mắt để chạy ra bồi dưỡng món ăn hẳn còn đang nóng đọng vũng dưới đất, gọi là cải thiện một đêm buồn đói. Người đàn bà như đồng tình với con vật.

- Đừng nên ở đây gây tiếng động nữa. Đã bớt mệt chưa?

Du bước đi mà không nói. Khó trả lời câu hỏi ấy vì thực bụng, nỗi mệt mỏi thì dường như lúc nào cũng đeo cứng một bên lưng Du. Chẳng cần phải uống rượu cho say, cho đến ói, cho những bước chân nhẹ hẫng như bây giờ Du mới cưu mang lấy nó. Mấy ngàn năm văn hiến, ông bà mình truyền lại cho con cháu chỉ duy một chữ chịu đựng. Ai cũng thế cả, người ta giỏi cắn chặt lấy hai hàm răng, cúi đầu im tiếng mà đi trên một con đường đoạn trường dài lê thê.

- Gần tới nhà rồi phải không? Thèm ngủ một giấc chi lạ.

- Ước muốn giản dị chỉ có thế thôi à?

- Phải. Ngủ một đêm sao cho an toàn rồi khi thức giấc lại tỉnh trí đi ao ước thứ khác. Cà phê thuốc lá chẳng hạn.

- Thấy cái miếu đứng thu lu đằng kia không?

Du gật đầu, dù mắt anh khi ngó tới chỉ nhìn ra một dãy khối đen

chạy nối kết theo bên con đường. Không một đầu hương cháy đỏ lẻ loi ở đâu đó để nhận đoán.

- Giả dụ dưới bệ thờ đằng kia có giấu một tờ ước nhiệm mầu thì Du tính sao?

- Sẽ nhường cho chị.

- Cảm động vậy à?

- Cũng không rõ lắm. Nghe có vẻ lạc hậu mê tín dị đoan.

- Tội nghiệp cho người hỏi và người trả lời quá hỉ? Nhưng mà cứ giả thử.

Du cúi gầm đầu xuống. Trong não bộ chật hẹp vẫn âm ỉ cơn choáng váng.

- Đầu óc sân si nhiều thứ quá. Lại u tối nữa, biết chọn cái gì đây?

- Hình như Du không là người sống với mộng tưởng. Với mọi người, ai cũng luôn nuôi sẵn trong đầu một điều ước cả. Và họ nghĩ người nào thêu dệt ra những chuyện cổ tích là kẻ đó thật phí phạm không tưởng. Chỉ một là đã quá đủ rồi đòi chi tới những ba điều.

- Hồi nãy ông chủ nhà đằng đó nói thầm với chị những ba lần cả thảy. Trông ông ta như là một người rất thực tế, có vẻ duy vật.

- Đổi đề tài giỏi quá vậy. Muốn biết không? Hỏi về Du, rằng có đáng tin cẩn không?

- Chị bảo sao?

- Thì nói thật ra hết những gì mà mình tính với nhau. Dầu gì ông ấy là kẻ đứng ra tổ chức.

- Chị có cần tôi nói thêm những gì thành thật ở trong tôi ra không?

- Tôi không nhìn lầm người. Hy vọng vậy. Và tôi tin là Du sẽ giữ lời, tới nơi rồi Du sẽ nói người nhà hoàn trả lại...

- Chỉ đúng có một nửa. Nửa còn lại là tôi yêu chị lắm.

- Nói tôi thương chị thì nghe lọt lỗ tai hơn. Đời sống tôi ra sao thì Du cũng đã hiểu rồi.

Trước khi vào nhà hai người phải đi qua một con rãnh đào khá sâu dùng để thoát nước dơ chảy xuôi xuống hồ bên dưới. Có tấm ri bắc

ngang và đêm tối làm chùn bước những kẻ xa lạ. Du để cho người đàn bà dắt tay. Đêm nay Du làm con nít những hai ba bận. Du thèm được tắm hai lần trên cùng một dòng sông, anh muốn mình trẻ nhỏ và ngây thơ trở lại. Mà nói vậy thôi, sự hồn nhiên giờ đây cũng khan hiếm lắm. Những đứa bé mới chín mười tuổi có đứa đã biết tự lập rồi. Tranh sống với người lớn và chữ đù mẹ đối với chúng như một bài học vỡ lòng. Chửi không ngượng miệng với dáng vẻ phong trần của một thằng đàn ông từng trải.

Người đàn bà quay đầu, kê sát mặt Du để ra dấu tuyệt đối im lặng. Hơi thở thật gần làm xua đuổi hết dưỡng khí có trước mũi Du. Anh thấy ngộp và tự hỏi những kẻ quyên sinh bằng hơi ngạt có sống được trước đó những giây phút bồi hồi êm ái? Hồi chiều, trước khi chờ đến giờ hẹn buổi nhậu, Du lại lôi cuốn truyện cũ ra giết thì giờ. Du đọc gần như thuộc lòng mà vẫn nhìn thấy sự thú vị trong những trang sách xác xơ. Ban đêm đi hành quân, tướng sĩ nai nịt gọn gàng. Ngựa thì cất lạc, người thì ngậm tăm. Không dưng Du yêu tám chữ ấy quá. Hình ảnh thật ngây ngô khi muốn nói tới cái điều luật cấm gây tiếng động. Du nhìn mặt người đàn bà với mắt long lanh, thèm được hôn biết bao. Không có gì bí mật an toàn cho bằng môi người này áp chặt vào môi kẻ kia để kềm giữ ở đó biết bao nhiêu chuyện. Ngậm tăm thì thật là vô vị...

Người đàn bà đưa tay gõ nhẹ vào cánh cửa gỗ đen mun. Tiếng gõ từ tốn và trông bình thường chứ không có vẻ gì là đang dùng mật hiệu. Thời buổi buồn cười. Ai cũng được cấy vào người chút máu điệp viên. Đa nghi và càng cẩn tắc thì càng mang thêm nhiều ưu tư. Du từng đi ngủ hoang tới nhà bạn cũ, đêm về hai đứa đợi cửa mất hơn tiếng đồng hồ vì người bạn ấy bỗng quên khuấy cách gõ cửa đã giao hẹn trước. Hắn bứt tóc bứt tai. Nhà của mình chứ có phải đi tới hang động của bọn cướp chôn giấu vàng bạc đâu? Du đứng ngủ gục, thấy thương cho những thằng A-li Ba-ba bất hạnh ở thời điểm này.

- Ngủ rồi à?

Người đàn bà hỏi khi cánh cửa chuyển động. Trong nhà chỉ có đốm lửa yếu của một ngọn đèn dầu thắp trên bàn thờ, đặt khuất phía

cuối tường. Đỏ nhấp nháy và sáng câm nín. Nó hắt hiu khi tỏ khi mờ như muốn nói lên một điều gì.

- Chưa. Ngủ chi được. Anh ấy về rồi đó chị.

Du nhìn thấy nửa khuôn mặt tối của đứa con gái tóc dài rối. Và cô ta cũng đứng sững hết nhìn người đàn bà lại trông qua Du. Vụng về một hồi mới khép nhẹ cửa. Có mùi hăng hắc chờn vờn ở đâu đó, tựa khói thuốc nặng ai vừa hút xong và nhốt kín nó lại giữa bốn bức tường hôi mốc để làm chứng.

- Mi nói cái chi?

- Anh Hậu... Anh Hậu mới được thả về hồi chiều.

Đứa con gái ấp úng nói cà lăm. Như cô ấy vừa tỉnh mộng với giấc ngủ bị ma đè. Hãi hùng còn sót lại gần như nguyên vẹn.

- Anh biểu tui chạy đi tìm chị suốt cả ba bốn tiếng. Tùm lum chỗ mà có thấy đâu...

Người đàn bà đứng chôn chân, mắt ngó láo liên. Như hình ảnh Du từng thấy ở những người đứng ngoài bãi bốc, chờ hoài hủy vẫn chưa bắt gặp bóng dáng chiếc ghe đắt tới mấy chục cây vàng.

- Anh Hậu?

- Phải! Ngạc nhiên lắm hả? Nó nói đúng. Nó tìm bà suốt đêm!

Ở nhà sau, có người đàn ông mang tiếng nói đi lên cùng với cây đèn Huê kỳ chao đảo trên tay. Vũng sáng ấy làm chóa mắt, chói đến phũ phàng. Ông ta đi khập khiễng, bộ dạng cứng nhắc như một cái xác ướp tẩm đầy mùi thuốc lào. Ông dí cây đèn lại gần mặt người đàn bà, như người sưu tập được bộ tem quý đang nhìn ngắm nó qua một cái kính lúp để soi xem thử có tì vết gì không. Người đàn bà ngó tới ông ta trân trối, môi run run để rồi một giọt nước mắt ứa ra, sửng sốt rơi xuống.

- Nó nói hầu như đêm nào bà cũng có công việc phải đi. Tôi không tin là những việc bà làm ban ngày không đủ nuôi sống lấy mình bà...

Cây đèn được đặt xuống mặt bàn với bàn tay run rẩy. Người đàn ông thở dài tựa như vừa cất bớt một gánh nặng vậy. Trong khi Du thấy

ngạt thở, diện tích của căn nhà bỗng chốc thu bé lại bằng kích thước một cái áo quan.

- Anh ngủ ở đây một đêm tốn bao nhiêu tiền? Du tránh nhìn hai đốm sáng màu đỏ cam trong đôi mắt người đàn ông. Cơ thể tuôn đổ mồ hôi, nhầy nhụa ứa ra trên da thịt lạnh buốt. Tự nhiên sao trong nhà thắp cháy lên nhiều ngọn lửa quá?

- Anh nghĩ lầm rồi... Tôi hiểu được sự nóng giận của anh... Tôi và chị ấy...

- Sao? Bạn bè hả? Cùng làm con buôn chuyên mánh mung ngoài đường hả?

Đầu Du đau nhức. Anh cảm thấy chân mình cơ hồ không đứng được nữa. Những giọt nước mắt tuôn ra của người đàn bà muốn làm Du chết đuối.

- Nói không được phải không? Địt mẹ mày.

Cái xác rọm rơ chỉ còn da bọc xương sấn tới. Còn biết chửi nữa. Bàn tay đưa ra phía trước, hình như bao nhiêu năm cải tạo đều dồn hết sự năng nổ lao động vào đó để đẩy chúi Du ngã ngồi xuống. Đầu Du đập vào cánh cửa gỗ, nhưng không thấy đau. Du chỉ ngửi được mùi nồng của đất. Miệng anh dính đầy cát. Không rảnh để nhổ nước miếng, Du bị đôi tay gầy guộc kia siết lấy cổ họng. Du giãy đành đạch như một con chó nằm trong bao tải đợi người muốn nhậu lai rai đem đi trấn nước. Trước khi lâm chung, Du gào lên một lần cuối đầy tuyệt vọng. Em ơi, cứu anh với...

*

Người đàn bà mở mắt. Trong bóng tối, những con số màu đỏ của cái đồng hồ báo thức vẫn trân trối nhảy bước chẳng hề biết ngủ là gì. Một giờ ba mươi lăm.

- Lại nằm mơ nữa à?

Người thanh niên thở nặng nhọc.

- Thật quái đản.

Rồi cười.

- Cứ mỗi lần như vậy xong lại mừng.

- Thôi chịu khó ngủ lại đi. Mai dậy đi làm sớm.

- Nó sống động và đầy đủ chi tiết y như đang còn ở bên đó.

Người đàn bà choàng một cánh tay qua ôm gã thanh niên. Như bao che và an ủi.

- Ừ. Có khi nằm thấy công an rượt, vừa chạy vừa khóc. Khi tỉnh ra nghe tiếng xe buýt chạy ở ngoài đường mà hú hồn. Mừng rơn!

- Nè, dạo này nhiều người được sang tới đây theo đường H.O. lắm đó.

- Ăn nhập chi...

Người đàn bà ngáp thành tiếng lớn. Những ngón tay mân mê cái tượng Phật đeo nơi cổ gã thanh niên. Mắt hắn mở trừng lên trần vôi lạnh trắng: - Chẳng biết anh Hậu ra sao rồi?

Bàn tay người đàn bà luồn lách xuống phía dưới, ngắng nghịch sao đó khiến gã thanh niên phải hét lên.

- Nửa đêm nửa hôm lại đi nói chuyện tầm phào.

- Mới nằm thấy. Bị siết cổ gần chết. Sợ té đái.

Người đàn bà hôn miệng, không cho nói thêm. Rời môi ra lại nghe hắn càm ràm.

- Thử tưởng tượng tụi mình đi ăn phở và gặp lại "người ấy".

- Thì bỏ Du luôn là vừa. Thắc mắc hoài. Cứ như một ông già.

- Cứ bị ám ảnh như tụi mình làm một việc gì thật bất chính.

Người đàn bà thở dài.

- Phải nói làm sao cho Du tin là anh ấy đã chết.

- Trại Hàm tân. Đúng không? Bức thư đó chỉ cốt làm tiền thôi, và có thể họ ngụy tạo ra tin ấy cho nắm thêm phần ăn chắc. Một kẻ xa lạ ai lại đi lo chuyện bao đồng, trích một ít tiền để xây ngôi mộ cho tươm tất đặng mai sau còn biết nơi mà thăm viếng nhang đèn vàng bạc...

- Thôi bỏ đi. Không dưng Du tự làm khổ mình mà làm chi.

- Muốn sướng cũng khó.

Gã thanh niên nhớ lại ngày đầu khi ở đảo vừa qua. Gia đình đi đón vui vẻ, chỉ riêng người anh thì cau có làm mất hồ hởi. Mi ở bên đó bên này gửi tiền về tiêu cho sướng chớ tội tình chi mà vác mạng sang đây.

Dã vậy còn đèo bồng thêm con mèo già lớn hơn cả chục tuổi. Rồi mi sẽ biết đời là gì...

- Buồn tiểu quá. Có ưa gửi không?

Người đàn bà nằm trên người gã thanh niên. Cái eo vẫn đầy thịt như ngày nào. Từ khối nặng kia nồng nàn một mùi hương tỏa bay. Nửa xa lạ nửa thân quen. Thơm và hôi trộn lẫn.

- Hừ. Đời là gì? Gã thanh niên nói thầm trong đầu. Hắn mân mê từng khoảng da trần của người đàn bà để cuối cùng thăm dò chỗ sâu kín nhất. Biết đời là gì? Người đàn bà rên nhỏ. Có lẽ đang muốn đi đái tới nơi? Cưng ơi, cho anh gửi với.

Hắn thở hào hển. Có lẽ ta đã là cha già dịch lẩm cẩm đến đáng yêu? ■

*LA TOÀN VINH*

## dấu chân trên tuyết

*Sớm mai thức dậy nhìn mưa tuyết*
*trắng xóa không gian cả nỗi buồn*
*vần vũ cuộc đời chưa thấm tuyệt*
*bão giữa lòng người tuyết rơi tuôn.*

*Sớm mai lẳng lặng nhìn hoa tuyết*
*bóng dáng qua đi giữa mênh mông*
*vầng dương tỏa rộng phai mầu tuyết*
*lấp lánh bên song những nhánh thông.*

*Sớm mai bước thoảng đi trong tuyết*
*độc hành cất gót mộng phiêu linh*
*sớm mai có gã đi trong tuyết*
*lãng tử về đâu kiếp phù sinh?*

VẠN GIẢ

# hệ lụy

*

*Trên đầu con sóng động*
*từng nhánh đời trổ bông*
*đường trần gian lồng lộng*
*đường nào ta phiêu bồng*

*Trầm mình trong nỗi nhớ*
*ký ức bận ăn năn*
*thiên đường xưa bùng vỡ*
*mảnh đất mới khô cằn*

*Bốn ba vùng biển lận*
*tưởng như mình đủ khôn*
*qua vài năm lận đận*
*nay gối mỏi chân chồn*

*Hệ lụy đời đanh thép*
*trói buộc mãi niềm đau*
*đêm về khung cửa khép*
*suy ngẫm đời nông sâu*

*Câu yêu thương trắc ẩn*
*chưa tàn cuộc bể dâu*
*đoạn đường tình mất dấu*
*sóng trăm năm bạc đầu*

**DINO BUZZATI**
**NGUYỄN KHANH dịch**

# bạn vàng

*

**Lời người dịch:** *Dino Buzzati sinh năm 1906 tại Belluno miền Bắc nước Ý nhưng ông sinh sống phần lớn tại Milan cho tới khi từ trần vào năm 1972. Làm phóng viên, sau đó trở thành chủ bút cho tờ* Corriere della Sera, *ông được biết đến qua vai trò của một họa sĩ, một tiểu thuyết gia, một nhà soạn kịch tài ba của Ý sau thế chiến thứ hai.*

*Tác phẩm của ông được độc giả Á và Âu châu mến mộ từ nhiều thập niên trước đây, nhưng ở Hoa kỳ phải đợi tới năm 1983 độc giả mới có dịp làm quen với ông. Truyện ngắn dưới đây được dịch từ bản Anh ngữ nhan đề* The Gnawing Worm *(trong tuyển tập* The Siren *do Lawrence Venuti chọn và tuyển dịch, North Point Press ấn hành năm 1984).*

*

Hôm ấy, lúc đang đứng ngay cửa sổ trên lầu nhìn xuống đường, tôi chợt thấy một người đàn ông đi qua. Trạc tuổi tôi, vóc dáng trung bình, tóc đen, để ria mép, áo quần trông chững chạc lắm. Anh ta bỗng dưng ngước mắt nhìn tôi, giơ tay vẫy chào tươi cười la lớn: "Sao, khỏe không?"

Thằng cha này là ai vậy? Khuôn mặt trông quen lắm nhưng tôi nghĩ mãi vẫn không ra. Không biết mình gặp anh chàng này ở đâu, bạn bè lúc còn đi học hay thời đi lính? Dù vậy, theo phép lịch sự thông thường tôi cũng giơ tay chào. Anh chàng thấy vậy cứ gục gặc đầu rà chiều, "Mẹ, mày cũng nhớ hồi đó tụi mình chơi với nhau nữa à?" Thấy hơi quê quê, tôi rời chỗ đứng bước xuống dưới nhà để gặp anh khách lạ trông quen quen này.

Hai đứa gặp nhau ở dưới đường. Hắn ta ôm chầm lấy tôi bảo: "Hôm nọ gặp cậu tớ nhận ra ngay. Cậu đúng là thằng Andrea Filari chứ còn sai vào đâu được nữa... Bố khỉ, cậu nói thật đi... cậu không nhận ra tớ phải không?"

"Ờ... Xin lỗi anh." Tôi đáp, "Lâu quá rồi... tôi trí nhớ kém lắm... anh bỏ lỗi cho..."

Khuôn mặt tròn nhẵn thín có đôi mắt mầu nâu đậm của hắn nhìn tôi với vẻ rất thân tình. "Tôi là Molla, Egidio Molla đây, cậu nhớ chưa? Tôi với cậu hồi đó học chung với nhau ở trung học, rồi thì gia đình tôi dọn đi Rimini... Hồi đó, cậu viết thư cho tôi thường, viết cả chồng thư cao như vầy nè. Nói cho cậu nghe cho đến giờ tôi vẫn còn giữ từng lá một".

"Xin anh tha lỗi cho". Tôi lập lại, đồng thời cố lục trong trí nhớ mà vẫn không thể nào moi ra được chuyện này. "Lâu quá rồi, anh để yên tôi cố nhớ lại xem sao... Ừ, tôi nhớ ra rồi. Thế bây giờ anh làm gì?"

Hai đứa tôi đứng nói chuyện đời. Tôi làm chủ một tiệm bán đồ cổ - cái nghề cha truyền con nối - đã có vợ nhưng chưa có nhóc tì nào cả. Thằng bạn cũ của tôi vẫn còn độc thân, hành nghề giao tế thương mại cho một công ty hóa học rất lớn, thỉnh thoảng lại còn viết bài đăng báo. Trong lúc hàn huyên, tôi có cảm tưởng chắc chuyện làm ăn, gia đình của hắn có điều gì không ổn cho lắm. Tôi đưa cho hắn số điện thoại ở nhà, anh ta cho tôi số điện thoại nơi đang ở trọ và cả hai đều hẹn sẽ có ngày gặp lại nhau.

"Gặp lại ông, tôi mừng quá". Thằng bạn tôi tiếp tục nói huyên thiên, "Tôi không biết sao nhưng tôi tin chuyện gặp gỡ này thế nào cũng đem lại cho tôi nhiều may mắn đây".

Về phần tôi, tôi muốn chấm dứt câu chuyện này càng nhanh càng tốt vì một lý do dễ hiểu: Tôi thấy có vẻ... kỳ cục. Lúc nãy bảo với anh ta là mình nhớ ra rồi, trong khi sự thật đến tận lúc này tôi vẫn cố lục lọi trong trí nhớ, đi suốt quãng thời gian còn ngồi mài đũng quần ở bậc trung học cũng không nhớ là mình có chơi với thằng cha này.

Chẳng có một kỷ niệm nhỏ nhoi nào giúp tôi nhớ lại Egidio Molla là thằng cha căng chú kiết nào cả!

*

Cho tới một buổi trưa ngay lúc trời đổ mưa thật to, tôi chạy vội lên trên lầu đóng mấy cánh cửa sổ, tôi lại thấy anh ta ở dưới đường, ướt như chuột lột. Cũng là *thằng bạn cũ* của tôi dưới mưa, đang sửa chiếc xe đạp, chẳng rõ là thay bánh xe hay sửa lại sợi dây xích bị tuột gì đó. Con đường nhà tôi toàn là những căn nhà nhỏ không có mái hiên, thành thử thằng này nếu muốn tìm chỗ trú mưa cũng chẳng có. Tôi đứng yên nhìn, không gây một tiếng động nào, nhưng nó vẫn nhìn thấy tôi. Nhe răng cười kèm theo một cử chỉ bầy tỏ sự thất vọng tựa hồ như muốn bảo, "Có cố gắng thì cũng vô ích, chẳng ra tích sự gì cả".

Tôi phải làm gì bây giờ? Để mặc cho nó đứng giữa cơn mưa như vậy hay sao? Thành thử tôi lại phải bước xuống dưới nhà, mở cửa mời hắn vào. Người hắn ướt nhẹp, lạnh chắc thấu tới tận xương. Tôi giới thiệu hắn với vợ tôi. Hắn có vẻ hơi ngượng ngùng, chỉ nhe răng cười làm quà, cử chỉ ngượng ngập quá đỗi, đứng yên nhìn tôi chẳng nói chẳng rằng, mãi sau mới nói được thành lời:

"Tôi sẽ làm cho cậu coi. Tôi nói là tôi làm, tính tôi xưa nay cậu nhớ đã như vậy rồi."

"Anh nói gì vậy?" Tôi hỏi.

"Còn gì nữa, chuyện bè bạn giữa hai đứa mình đó mà. Bộ cậu không thích khơi lại chuyện bè bạn cũ đã lâu bị mất hay sao?"

"Cũng được". Tôi trả lời với giọng lạnh như tiền, chẳng mấy thích thú gì về lời hắn vừa nói cả, "Chuyện đó để hạ hồi tụi mình tính lại, còn bây giờ tôi dẫn anh đi xem nhà cho biết".

Phải thú thật là tôi có tật xấu thích khoe nhà cửa với người lạ, nhất là căn nhà với những nét đặc biệt mà tôi hiện có. Bàn ghế toàn là đồ cổ thứ thiệt, trên tường treo toàn tranh của những họa sĩ thuộc hàng tay tổ. Đặc biệt nhất là căn phòng rộng được tôi để làm thư viện bảo đảm ai thấy cũng phải thèm với hơn 20 nghìn quyển sách, hầu hết đều

là tài liệu về lịch sử, nhất là lịch sử nước Pháp từ thời Cách mạng cho tới thời hiện đại.

Thằng bạn cũ nhìn thấy mắt sáng rực lên:

"Không thể nào tin được là cậu có nhiều đến thế này... Mẹ, với tôi đây đúng là kho vàng, thiên đường hạ giới. Cậu cũng biết là tôi đang nghiên cứu để viết một quyển sách từ hai năm qua về đề tài Nã Phá Luân Đại Đế của nước Pháp, đâu dè mọi thứ tôi cần ở đây cậu có đủ hết... kể cả những quyển lâu nay tôi cất công tìm khắp mọi nơi cũng cóc có. Tôi hỏi thật ông điều này... Thôi, làm như vậy không được".

"Anh muốn hỏi gì vậy?" Tôi lên tiếng hỏi với đầy sự thích thú.

"Cậu bỏ chuyện đó đi. Lậy Chúa tôi, làm sao tôi có thể làm phiền một thằng bạn tốt như cậu được".

"Có gì mà phải ngại, anh cần gì cứ nói".

"Nếu cậu đã bảo vậy thì tôi nói. Tôi muốn nhờ cậu cho tôi được dùng các tài liệu cậu có để tôi hoàn tất quyển sách cho xong đó mà... Tôi hứa không làm phiền cậu... Việc tôi tôi làm, việc cậu cậu làm... Cậu cứ cho tôi một góc phòng ngồi đọc, nghiên cứu sách vở thôi".

Nói là làm, tôi chẳng phải đợi lâu vì ngay ngày hôm sau hắn đã vác xác đến nhà tôi vào khoảng 8 giờ 45 phút sáng. Lúc đó tôi vẫn ở nhà chưa ra tiệm. Hắn đi nhẹ như mèo ra vẻ sợ làm phiền người khác, tay cầm một gói nhỏ.

"Tôi có quà cho cậu đây... Tôi bảo đảm là cậu có cả một rừng sách nhưng chưa có cái này... Mấy quyển sách quý của ông nội tôi để lại đó mà."

Tôi đưa tay nhận, mở ra và... bố khỉ: mấy quyển sách phê bình của sử gia Taine người Pháp, loại ấn bản rẻ tiền mua ở mấy sạp bán sách lề đường chứ có quái gì mà quý.

Nghĩ như thế, nhưng tôi cũng làm điệu bộ ra vẻ vui mừng vì được món quà *quý hóa* này, cám ơn cám iếc đàng hoàng và bảo hắn cứ tự nhiên ngồi ở bàn của tôi mà làm việc. Hắn lắc đầu quầy quậy:

"Vừa thôi chứ cậu. Đây là chỗ của cậu... tôi làm phiền cậu thế này cũng là quá lắm rồi... Cậu cứ để mặc tôi ngồi ở cái bàn nhỏ trong góc

kia là được rồi. Cậu cần làm gì thì cứ làm, mặc xác tôi với chồng giấy và mấy đống sách. Được cậu giúp cho thế này là quý hóa lắm rồi..."

Khoảng một giờ trưa lúc về nhà ăn cơm, tôi hỏi vợ:

"Anh ấy còn ở trong phòng không?"

"Chắc vẫn ở trong ấy đó mình... Tội nghiệp ghê, chẳng động tĩnh gì cả". Nhà tôi trả lời.

Vợ chồng tôi ngồi vào bàn ăn cơm, tiếng bát đĩa chạm nhau nghe rõ mồn một trong nhà, đương nhiên là người ngồi trong phòng đọc sách cũng phải nghe thấy. Tôi hỏi nhà tôi:

"Em thấy anh ấy ăn uống gì chưa?"

"Làm sao mà em biết được, mình".

Trong bữa ăn, cả hai vợ chồng lắng nghe xem có động tĩnh gì ở phòng đọc sách hay không. Phải nói thật là chúng tôi thấy hơi kỳ khi ngồi ăn chung với nhau trong lúc ở bên cạnh lại có người chắc đang đói bụng.

Trong bốn ngày liên tiếp, hắn vẫn cứ câm như hến, âm thầm làm việc trong phòng không đụng chạm gì đến ai cả, mỗi ngày một mạch từ khoảng 9 giờ sáng cho tới lúc xế chiều. Đến ngày thứ năm, vợ tôi - rõ là dại dột - mời hắn ngưng tay để sang ăn trưa với chúng tôi.

"Cám ơn chị nhiều." Hắn trả lời, "Tôi không thấy đói chị ạ... Tôi không ăn trưa... Làm phiền anh chị quá, anh chị cho tôi đến đây ngồi đọc sách thế này là nhất rồi, tôi đâu dám mong gì hơn nữa... Anh ấy đúng là một người bạn tốt... Tôi cứ nghĩ tình bạn là một cái gì đó thiêng liêng lắm, nhưng phải biết cách giữ gìn chị ạ... Bạn bè với nhau là một chuyện, phải biết giới hạn lại là một chuyện khác. Tôi không dám làm phiền anh chị nhiều đến thế đâu..."

Nghe những câu nói động lòng trắc ẩn như vậy, nhà tôi lại càng cố nài nỉ, nhưng hắn nhất mực từ chối. Hắn càng từ chối bao nhiêu thì nhà tôi lại càng cố mời bấy nhiêu, cho tới khi không thể từ chối được nữa, hắn mới nhận lời ra ăn cơm với chúng tôi cho "chị vui lòng chứ thật tình trong thâm tâm không dám làm phiền anh chị quá sức như vậy". Buổi trưa đó, hắn chỉ ăn một vài miếng cầm chừng.

*

Kể từ ngày hắn ở lại đọc sách, làm việc trễ tới tận khuya mới ra về, vợ chồng tôi cuối cùng phải nấu cơm thêm cho một miệng ăn. Hắn ăn như tằm ăn rỗi, có thể nói là tựa hồ như chết đói chết khát đã lâu mới có được miếng bỏ vào mồm. Vừa ăn hắn vừa nói huyên thuyên, đại loại là "Chị hiền quá, nhìn chị giống y như bà thánh vậy", hoặc "Chị đúng là người đáng kính nhất là về mặt tinh thần, chỉ có chị mới biến đổi được sự khổ đau thành hạnh phúc thôi". Cái lối ca tụng bằng loại văn chương nhà quê, rẻ tiền này thì phải nói thật hắn là bậc thày, có một không hai.

Cho tới một buổi tối khoảng 2 giờ khuya, tôi chợt thức giấc vì nghe có tiếng động ở trong phòng sách. Chắc là mấy con chuột, tôi tự nghĩ như vậy trước khi bước ra khỏi giường xuống xem sao. Mẹ kiếp, giữa đống sách ngổn ngang là hắn, chứ chẳng có chuột với chiếc gì.

"Bộ anh không về nhà ngủ à?" Tôi cao giọng hỏi. "Xin lỗi anh tôi còn phải ngủ sáng mai còn ra mở tiệm".

"Lạy Chúa tôi, tôi lục đục làm cậu thức giấc hả?" Hắn trả lời với vẻ mặt đầy ngạc nhiên. "Xin lỗi cậu, tôi đâu có ngờ... tôi định ở lại đây suốt đêm làm việc, tôi quen thức khuya rồi. Thôi, cậu đi ngủ đi. Sáng mai cậu còn dậy sớm đi làm, thức đêm thức hôm thế này chẳng chóng thì chày thế nào cậu cũng ốm cho xem. Đi ngủ đi cậu".

Hắn đưa tôi về phòng ngủ - vợ tôi ngủ ở phòng khác - dáng điệu y như mẹ dỗ con vậy. Đã thế, hắn còn đẩy tôi vào trong phòng và tự nhiên ngồi ở mép giường tiếp tục tán gẫu.

"Nói thật, tôi ghen với cậu về cái tội dễ ngủ... Nhưng mà có cái giường êm như thế này thì làm sao mà không ngủ dễ dàng được... Thế này mới là giường ngủ chứ, cái giường tôi có ở nhà trọ làm quái gì mà so sánh được với cái giường này... Cái giường to thế này nằm hai người cũng còn vừa, vẫn còn chỗ lăn qua lăn lại như vầy mới đã". Vừa nói hắn lại ngả người nằm trên giường tôi, nằm lên cả tấm chăn, "Thế này thì nhất cậu rồi... Đúng là cậu số đẻ bọc điều... Tôi mà được như thế

này thì..." Nói đến đó, hắn ngưng, mắt nhắm lại miệng giả vờ ngày khò khò.

Hắn có ngáy giả vờ không? Tiếng ngáy nghe có vẻ *thật* quá mới chết tôi chứ. Tôi lấy tay lay hắn thật mạnh "Ông dậy trả chỗ cho tôi ngủ đi chứ". Nhưng hắn không trả lời, chỉ nghe thấy tiếng ngáy mỗi lúc một đều hơn trước. Hắn ngủ say như chết.

Tối đó, dĩ nhiên là hắn nằm trên giường của tôi kéo một mạch, trong lúc tôi phải ra ngoài phòng khách nằm ở sa lông. Tôi không thể nào ngủ chung với hắn được, chuyện đó thì quả thật là hơi quá, tôi không thể chịu được. Sáng hôm sau chính hắn đánh thức tôi dậy, quỳ xuống bên cạnh tôi rên rỉ giữa hai hàng nước mắt, "Cậu tha lỗi cho tôi, tôi không thể nào tiếp tục đến đây làm phiền cậu như thế này mãi được... Tôi bậy quá... tối vào giường cậu ngủ để cậu phải ra ngoài này nằm... Tối qua, tôi thấy người có vẻ mệt, chắc bị bịnh nhưng đâu phải vì lý do này mà tôi làm quá đáng vậy... Tôi chỉ sợ bị cậu hiểu lầm là tôi đưa bộ sách quý của gia đình đến tặng cậu với mục đích lợi dụng cậu... Cũng may là tụi mình bạn bè, chứ gặp đứa khác nó đạp tôi ra khỏi cửa lâu rồi... Đã thế... cậu để yên cho tôi nói hết đã... Tôi không thể ở lại căn nhà mà đến con ở nó còn khinh tôi."

"Anh nói sao? Con ở nhà tôi á?"

"Ừ, còn sai vào đâu được nữa... Chính tai tôi nghe nó nói chuyện với con ở nhà hàng xóm là *cái thằng chó đẻ chuyên ăn bám đó sớm muộn gì cũng phải cút ra khỏi nhà*. Tôi nhắc nguyên văn cho cậu nghe... Tôi đâu có ngờ chỉ vì mình nghèo khổ mà rốt cuộc, tình bạn tuyệt vời rồi cũng tan vỡ như thế này".

Vừa nói hắn vừa nức nở khóc ràn rụa như mưa, khóc tưởng chừng như không bao giờ phải khóc vì khổ đau đến mức này.

Hắn ở lại. Tôi van nài hắn ở lại với vợ chồng tôi. Hắn đồng ý với một điều kiện nhỏ thôi: tôi phải cho con ở nghỉ việc (sau mười hai năm trời phụ giúp việc nhà). Bây giờ hắn ăn trưa, ăn tối với vợ chồng tôi, ngủ ở ngay giường của tôi trước đây. Phải nói hắn là ông chủ chứ cóc còn là bạn nữa, cho dù lúc nào hắn cũng làm ra vẻ nhút nhát rụt

rè, cẩn tắc nhưng không kém phần niềm nở. Vợ chồng tôi hầu như cả hai đều cố tránh không nói với nhau về hắn, ngay cả lúc chỉ có hai đứa với nhau. Chúng tôi ngượng?

Cho tới một hôm hắn nói chuyện khá lâu với tôi, giọng điệu nghe cảm động lắm. Theo lời hắn, đã đến lúc hắn phải trả ơn vợ chồng tôi bằng cách xin tôi cho hắn làm việc ở ngoài cửa tiệm. Hắn sẽ giúp tôi việc sổ sách, dọn dẹp, chào khách ghé mua hàng và làm tất cả những gì tôi thấy hắn có thể làm để giúp tôi. Tôi đưa hắn ra tiệm làm việc đã được hai tuần. Hắn bảo tôi để cho hắn kiểm kê hàng hóa cho vì chuyện này quan trọng nhất đối với giới làm thương mại. Làm ra vẻ thật thận trọng, hắn coi chuyện làm việc là điều cần thiết nhất trên đời và mỗi ngày hắn tự đặt cho mình đủ mọi chuyện phải giải quyết cho cửa tiệm. Như vậy là hắn giúp ích cho tôi chứ gì? Lầm to. Đương nhiên, tôi có bổn phận phải đề phòng kẻo có chuyện đáng tiếc xảy ra.

Để tránh việc này - nhất là tránh chuyện kiện cáo lôi thôi trong tương lai - tôi quyết định trả cho hắn một số tiền lương nho nhỏ. Nghe tôi nói tới chuyện tiền nong, hắn giẫy nẩy lên: "Mẹ, cậu có xem tôi là bạn của cậu không thì bảo. Giúp đỡ cho cậu là bổn phận của tôi chứ có quái gì mà cậu phải suy nghĩ". Nói như thế, nhưng chỉ ít lâu sau hắn bày tỏ thái độ cho mọi người thấy là hắn phải hy sinh cả cuộc đời của chính hắn để cho tôi lợi dụng.

Tôi quyết định chỉ còn một cách duy nhất để chấm dứt trò hề này. Phải giết thằng này mới được. Giết ngay tối nay. Tôi sẽ bắn nó rồi dàn cảnh thành một vụ tự tử.

*

Khoảng 3 giờ sáng, với khẩu súng cầm trên tay, tôi bước vào phòng hắn - căn phòng mới cách đây có vài tuần là phòng của tôi. Tấm mành mành che cửa được vén sẵn, thành thử chỉ nhờ ánh đèn điện ngoài đường chiếu vào là tôi có thể quan sát hết mọi chuyện bên trong. Tốn khoảng 15 phút đồng hồ tôi mới đi tới chiếc giường hắn đang nằm ngủ. Chân đất từng bước một thật nhẹ, lòng tôi vui sướng không thể nào diễn tả được khi nghĩ đến kết quả mà mình sắp đạt

được. Như thường lệ, hắn ngáy như bò rống. Tôi tiến sát bên cạnh giường, đưa súng nhắm ngay vào thái dương hắn. Ngay chính giờ phút quan trọng đó - không rõ hắn đã ngủ say, giả vờ ngủ hay đánh hơi thấy sự hiện diện của tôi - nhưng rõ ràng hắn đưa tay ra che nòng súng như muốn chận ngang viên đạn sẵn sàng kết liễu đời mình. Đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu tại sao viên đạn lại ra khỏi nòng.

Tôi đưa tay bật đèn, nhìn chiếc giường đẫm máu. Lòng bàn tay trái của hắn bị viên đạn xoi thành một lỗ. "Trời ơi, tại sao vậy nè trời? Tôi có làm gì đâu... Tôi với cậu như là anh em vậy mà... Anh em... mà sao cậu lại định giết tôi... Tại sao vậy?" Và hắn lại bắt đầu nức nở khóc.

Trong khi đó, nhà tôi bước vào mặt đầy vẻ sợ hãi.

"Không có gì đâu chị". Hắn vừa nói vừa đưa tay với chiếc khăn mùi xoa cột vết thương. "Chị đừng sợ... tai nạn vậy đó thôi mà. Xin chị đừng nhìn tôi như thế... Mình người nhà cả mà... Chẳng có gì chị phải sợ cả... Tôi thề không nói cho ai biết chuyện này hết, sống để bụng chết mang đi... Tôi đâu phải là thằng bạn hèn hạ đến độ tố cáo bạn mình với cảnh sát".

Bây giờ thì tôi trở thành nô lệ của hắn. Nhà của tôi bây giờ là nhà của hắn. Hắn đóng vai chủ nhân ông, muốn ăn gì chỉ việc ra lệnh, kiểm soát mọi tiền bạc trong gia đình. Vợ tôi chỉ biết im lặng, không dám thở than điều gì. Cửa tiệm bán đồ cổ cha tôi để lại bây giờ mang tên mới. Xưa chỉ có tên tôi *Filari*, giờ có tên hắn đi kèm: *Filari và Molla*.

Thôi, cũng đành. Kể từ ngày hôm qua hắn chính thức trở thành người hùn vốn với tôi. Giấy tờ được luật sư lo liệu đàng hoàng, mỗi người bỏ ra một nửa - sự thật, hắn chẳng bỏ ra một xu teng nào cả. Con người hắn không thay đổi, vẫn với vẻ nhút nhát, tử tế, nhã nhặn, hiền từ. Lúc nào chỉ có hai người, hắn mới lộ cái vẻ xảo quyệt ra khi đưa mắt nhìn tôi xong liếc xuống nhìn vết thẹo ở tay rồi lại ngửng lên nhìn tôi. Lúc đó, hắn nở một nụ cười rất hiền hòa, làm ra vẻ ta đây cũng là người biết tha thứ cho bằng hữu ■

TRẦN THỊ DIỆU TÂM

# tìm trong quá khứ

*

Trước khi đến trạm *métro* để về nhà, Anne thường phải đi ngang qua một bệnh viện tâm thần. Nơi đây mỗi chiều có những bệnh nhân nhẹ được phép ra đường phố dạo chơi, rảo qua phố xá để mua tờ báo, gói bánh, gói kẹo hoặc các thứ lặt vặt khác mà người bệnh cảm thấy thích thú.

Thỉnh thoảng Anne gặp một cô gái còn rất trẻ, khuôn mặt bầu bĩnh vừa đi vừa nhìn xuống đất cười một mình. Có lần Anne gặp một người đàn bà độ ba mươi, áo quần tề chỉnh, nhưng mặt lại trát một lớp phấn dày trắng bệch, tô môi son đỏ chót, trên đầu thắt một cái nơ đỏ chói. Cái nơ đỏ và bộ mặt trắng kiểu ấy thì Anne biết bà ta từ bệnh viện đi ra. Người đàn bà trẻ nhìn Anne chào mỉm cười coi như đã là bạn, rồi xin nàng địa chỉ. Anne hỏi để làm gì. Trả lời để tôi gửi thiệp chúc cô được mọi điều hạnh phúc.

"Chúc cô được mọi điều hạnh phúc". Sao dịu dàng êm ái. Anne cảm động, ghi ngay địa chỉ của mình, bởi vì được nghe người khác chúc cho mình mọi điều hạnh phúc, nàng chẳng thể từ chối dù nghĩ rằng không bao giờ người đàn bà thắt nơ đỏ ấy gửi cho mình tấm thiệp hạnh phúc. Anne đưa mảnh giấy nhỏ, tên và địa chỉ thật của mình. Bà ta cám ơn rối rít. Tuần lễ sau, Anne nhận được tấm hình tháp Eiffel, mặt sau ghi: "Tôi đến Paris hơn tuần nay, gửi cô tấm hình kỷ niệm, chúc cô mọi điều hạnh phúc. Hãy nhớ đến tôi nhé". Ký tên không rõ. Sau đấy, Anne gặp người đàn bà. Nàng cám ơn đã nhận được tấm *carte*, thì bà ta nhìn nàng ra vẻ ngạc nhiên, chẳng nói năng gì. Đôi mắt nhìn vào một khoảng vô tận, một khoảng đâu đâu.

Từ đó, Anne không thể nào hiểu được có điều gì bình thường, có

điều gì không bình thường ở những người mắc bệnh tâm thần, những người mang trong hồn một chứng bệnh điên.

Chiều hôm nay cũng như mọi chiều tan sở, Anne rảo bước qua bệnh viện để đến trạm *métro*. Nàng đi chậm hơn mọi ngày. Paris chiều nay trời đẹp quá, Paris đang vào xuân. Cái lạnh khô làm cóng thịt da đã bị lùa vào quên lãng. Buổi sớm mai đi làm có hoa *jonquille* vàng chào đón hớn hở bên vệ đường, và buổi chiều về, Paris biết ủ lại chút hơi ấm cho nỗi mệt nhọc của một ngày làm việc.

Anne chợt dừng lại, một người đàn ông, Á Đông, lại gần Anne hỏi bằng tiếng Pháp:

- Cô có phải người Việt không?

Anne không trả lời, nhưng hỏi lại:

- Ông muốn hỏi việc gì?

Người đàn ông cười, bắt đầu nói tiếng Việt:

- Cô là Như An?

Anne nhíu mày, lạ quá, bỗng dưng có người gọi mình là Như An. Nàng chẳng bao giờ quen ông ta.

- Tôi không phải Như An, tôi là Marie Anne.

Nàng lạnh lùng, bỏ đi. Tiếng người đàn ông thảng thốt níu kéo:

- Em! Như An, em không còn nhận ra anh sao?

Giọng nói khàn đục, chới với. Anne có cảm tưởng như tiếng nấc ực lại trong cổ họng khi mảnh ván cuối cùng bị sóng biển xô ra xa. Nàng quay lại, nhìn có vẻ thương hại.

Ông ta lắp bắp:

- Anh đây. Anh là Tường đây.

Bây giờ Anne nghĩ rằng mình là kẻ mất trí nhớ, người đàn ông trước mặt có tên Tường đang cố gắng thúc bách nàng trở về trạng thái có trí nhớ. Anne càng hoảng hốt, càng nghi ngờ chính mình. Khi nhớ lại rằng cách đây ít hôm, nàng đọc trong tờ báo France Soir viết về một người đàn ông nói tiếng Anh, bị bệnh mất trí nhớ, buổi sáng mới sáu giờ, trời còn bốn độ âm mà ông ta cởi áo quần xuống sông tắm. Được đưa vào bệnh viện, bác sĩ hỏi gì cũng lắc đầu, hỏi lắm thì trả lời

không biết. Không biết mình ở đâu, không biết mình tên gì, mình bao nhiêu tuổi, gốc nước nào. Các cô y tá bèn đặt người đàn ông mất trí nhớ một cái tên để gọi là ông Smith. Ông Smith là một trong những kẻ im lặng bơ vơ của thời đại mất quá khứ.

Ông Tường nhìn Anne không chớp, chờ đợi. Rồi cái nhìn trở nên đắm đuối, pha chút tuyệt vọng tha thiết. Cái nhìn sắp chìm vào một vùng không có ánh sáng. Anne dịu dàng cười.

Ông Tường mời nàng:

- Chúng mình vào ngồi quán cà phê một chút nhé.

Anne như bị thôi miên, gật đầu.

- Em uống gì, nước cam hay cà phê?

Ông Tường coi bộ bình thường quá, hay mình là người bệnh mà mình không biết, Anne lẩn thẩn nghi ngờ.

Khi người bồi mang nước cam ra. Ông Tường đưa tay cầm chiếc muỗng quậy quậy ly nước cam có đá cho Anne. Cử chỉ của người đàn ông chợt làm nàng rùng mình, bởi vì đâu đó trong trí nhớ xa xăm đã thấy vài lần. Đâu nhỉ, nàng lục soát lại quá khứ, thuở ngày xưa còn là học sinh, còn là sinh viên mình có quen người con trai nào tên Tường hoặc tên Tưởng? Đành chịu thua, thời gian đã bào mòn, đục đẽo mọi dĩ vãng để bây giờ nàng trở thành một kẻ trần trụi bơ vơ giữa một hiện tại không có trọng lượng.

Hay là biết đâu, kiếp trước mình là người yêu của ông ta chăng. Ông này lại có tật nhớ dai, nhớ đến cả tiền kiếp mình. Anne thử lại một lần nữa, nói lại một "sự thật" cho cả hai người, xem ai là kẻ nhớ kẻ quên:

- Tôi không phải là Như An, người yêu xưa của ông đâu.

Lần này ông ta có vẻ giận dữ, phẫn nộ:

- Đừng có đùa, em đã từng viết cho anh cả chục lá thư tình lúc ấy ở Sài-gòn. Anh học thuộc lòng, đọc đi đọc lại bao năm nay rồi, em muốn anh đọc cho nghe không. Chúng mình yêu nhau đến thế, mà em quên rồi sao?

Trời ơi, thế này thì chết thật. Anne run rẩy đưa vội ly nước cam lên môi uống một hơi.

- Có thật em quên anh rồi sao?

Ông thở dài:

- Trên đời này anh còn mỗi mình em thôi.

Nước mắt Anne muốn trào ra. Sao lại có một người thủy chung đến vậy.

Ông Tường ơi, tôi muốn tâm sự với ông, tôi muốn kể về tôi cho ông nghe thế này:

"Từ lúc vượt biên qua đây, tôi sống xuôi theo ngày tháng, tôi không biết rồi tôi trôi về đâu. Lưỡi tôi nhạt, lòng tôi tê, tôi không nếm được, tôi không cảm được. Bởi mọi khát khao tôi mơ ước đã chết chìm theo đứa con trai độc nhất. Tôi đem con đi để cầu lấy tương lai cho nó. Con chết, mẹ sống. Con tôi, thằng bé có cặp mắt rực sáng như mặt trời trên biển Đông, thế mà tôi chẳng còn nhìn thấy nó, con tôi không còn nhìn thấy tôi. Mọi người khác cứ cho rằng mặt trời lặn mỗi chiều và mọc lại vào mỗi sáng mai. Nhưng riêng tôi, mặt trời chẳng bao giờ làm thêm một bình minh nữa. Mặt trời đã chết. Còn chồng tôi? Ông ấy đã bị thất lạc, mất tích ngay từ ngày ba mươi tháng tư. Sau đó bạn bè tôi đã thư về cho biết tìm thấy ông sống chung với cô bạn tôi ở phía Nam Cali. Tôi ra đi với con, nhưng tôi lên bờ chỉ một mình. Tôi xin đến Pháp sống đời lặng lẽ. Tôi khai trên giấy tờ rằng tôi độc thân, không chồng không con, không cha mẹ họ hàng anh em. Tôi tránh xa những người đồng hương cùng tiếng nói. Bởi vì khi nhìn thấy họ, quê hương lại trở về, chồng lại hiện ra, con tôi lại nói nói cười cười. Tôi xin làm việc với người Tây, tập nói tiếng Tây, tôi có bạn đầm và sống độc thân đơn lẻ như Tây. Tại sao ư? Tại tôi muốn hóa thân hóa kiếp để đừng nhớ lại mình là người đàn bà Việt-nam thê thảm ấy nữa. Người ta phải chờ tới khi chết mới luân hồi kiếp khác. Tôi chẳng phải đợi chết, tôi luân hồi tôi ngay ở kiếp này. Tôi làm đơn xin vào quốc tịch Pháp với tên Marie Anne, còn họ Nguyễn, tôi muốn đổi cũng không được. Vậy tôi là Marie Anne Nguyen. Ngày sinh tháng đẻ tôi cũng đổi luôn. Cho

nên tôi chẳng khi nào kỷ niệm ngày *anniversaire*. Ông Tường ơi, bởi vì tôi muốn tẩm liệm quá khứ..."

Miên man trong đầu như thế, Anne biết rằng mình còn nhớ được một quãng đời mình rồi. Vậy thì người đàn ông trước mặt chính là một người không bình thường. Nhưng ông ta lại là người biết quý tình yêu, biết trọng tình yêu hơn cả mọi điều trên thế gian này. Nước mắt một lần nữa từ quá khứ chảy xuống. Anne bỗng muốn xác nhận mình là Như An, như một người tình xưa đã xa nhau lâu ngày quá, nay mới gặp lại nhau. Nàng không muốn là Marie Anne nữa, vì trước mặt, có một người đàn ông đáng được kính trọng và yêu thương. Anne muốn cầm lấy bàn tay của ông và nói rằng, "Em là Như An, Như An thật của anh đây."

Nhưng đầu óc nàng choáng váng, sự xúc động làm mạch máu chạy nhanh, khuôn mặt ông Tường trở nên mờ mờ ảo ảo, hình như ông ta mỉm cười. Đôi mắt ông nhìn xa xa, vào một cõi mênh mông diệu vợi nào đó. Cái nhìn như cái nhìn của người đàn bà thất nơ đỏ chói. Nụ cười ông như nụ cười vu vơ của cô gái trẻ.

Anne nhói đau, xót xa cho ông, xót xa cho mình. Tại sao ông muốn tìm về quá khứ, trong khi mình, mình muốn quên hết. Một người đàn ông điên đi tìm trí nhớ. Một người đàn bà không điên muốn đánh mất trí nhớ.

Anne muốn chắp quá khứ của người đàn ông vào quá khứ của mình: Nàng muốn được yêu như ông Tường đã yêu.

Sau lần gặp ấy, bẵng đi mấy hôm, không thấy ông Tường, Anne đâm ra bồn chồn lo lắng, nàng không bình thản dửng dưng như mọi ngày trước. Buổi chiều về, bước chân lóc cóc của nàng trên vỉa hè lát đá hoa cương vang dội một âm thanh sâu thẳm lạnh lẽo trong lòng nàng.

Ước chi gặp ông ấy. Ở góc phố, ông Tường hiện ra trông khỏe mạnh hơn hôm trước, nét mặt rạng rỡ:

- Hôm nay cô đi làm về muộn thế?

Anne cười, vì một ao ước đã có được. Hai người chọn một chiếc

bàn ở phía ngoài trời quán cà phê hôm trước. Paris đang xuân, lề đường nào cũng tràn ngập khách ngồi nhâm nhi.

Ông Tường nói bâng quơ:

- Nhớ cà phê Sài-gòn quá.

Hôm nay ông ăn nói tỉnh táo, chậm rãi, xưng tôi và gọi Anne là cô. Không còn Anh, không còn Như An nữa. một chút nuối tiếc nơi Anne. Ông ta dần dần trở lại bình phục. Thế mà nàng lại muốn ông khác hơn, như hôm trước, như trong cơn mê.

- Tên cô là gì nhỉ?

Anne phật lòng, đã nói một lần mà không nhớ sao.

- À, hình như Marie... Marie gì nhỉ? Anne im lặng, nàng chỉ muốn ông ta gọi tên mình như tên người yêu ngày ấy.

Nhưng ông không nhớ tiếp, hoặc là ông không muốn gọi một cái tên chẳng có gì kỷ niệm với riêng ông. Ông mỉm cười bao dung ngụ ý rằng cái tên nào đi nữa cũng chỉ là một cách gọi. Người đàn bà ngồi trước mặt thể hiện trong ông một khối dĩ vãng toàn vẹn say đắm, một vùng tơ mềm trắng muốt.

- Thế cô qua đây lâu chưa?

Hỏi như mà không chờ đợi câu trả lời, ông chờ đợi một điều gì khác nơi Anne. Anne im lặng nhìn ông chăm chú. Ông tiếp tục nói:

- Tôi ở phòng 208 bệnh viện bên kia đấy. Chắc cô hiểu rồi. Xin cho tôi số điện thoại và địa chỉ, để hôm nào khỏe tôi đến thăm cô.

Anne ngần ngại, trả lời:

- Tôi không nhớ số điện thoại, bởi vì tôi không bao giờ gọi cho tôi cả.

- Phải rồi, cô nói đúng đấy. Vậy thì thôi.

Giọng nói ông đều đều không vướng vất một chút xúc cảm nào cả. Anne bắt tay giã từ. Bàn tay ông dịu dàng trao qua tay Anne một cảm nhận êm đềm. Bàn tay như tìm kiếm một quá khứ ngọc ngà đã mất, chợt biết nó trở về, tìm thấy nguyên vẹn và đang đợi chờ.

Anne lúng túng khi thấy ông Tường giữ tay mình khá lâu trong tay ông. Ngày xưa hiện ra từ từ đâu đó ngày xưa còn con gái. Nàng rút tay

lại, quay lưng hấp tấp đến trạm *métro* về nhà. Mấy hôm sau không thấy ông. Hôm sau nữa cũng không gặp nhau. Anne về đến nhà với trạng thái bứt rứt. Một tuần, rồi hai tuần trôi qua. Căn nhà đã thấy vắng, thấy lặng lẽ hơn mọi ngày. Anne quay quắt với mình. Hai lần gặp gỡ với ông Tường, một lần say như mê man, một lần tỉnh như lạnh lùng, đã để lại hồn Anne một quyến rũ mới thấy lần đầu.

Tại sao mình không đến bệnh viện thăm ông ta nhỉ? Anne suy nghĩ. Phải rồi, đến thăm ngay chiều nay tan sở.

★

Cô y tá dở hồ sơ tìm danh sách bệnh nhân, phòng số 208, bệnh nhân có tên là Tường đã khỏi bệnh và đã xuất viện.

Anne hốt hoảng hỏi ông ấy về nhà đã lâu chưa. Cô y tá trả lời cách đây một tuần.

Tại sao mình không đến sớm hơn một tuần, tại sao mình không đưa ông số điện thoại. Chắc hẳn rằng trước khi rời khỏi đây, ông đã nhớ mình nhưng không biết làm cách nào. Cô y tá chợt nhìn Anne, gọi:

- Thưa bà, ông ấy có để lại một cái thư dặn rằng nếu có người đàn bà nào đến tìm thì xin giao lại. Chắc là thư của bà.

Anne cầm bức thư, hỏi thầm ông Tường rằng chỉ có một mình tôi, độc nhất một mình tôi là đàn bà đến đây thăm ông, phải không? "*Em, anh đã trở về nhà ở địa chỉ... Trạm métro Montparnasse - Bienvenue. Dù em không phải là Như An đi nữa thì chúng ta đã thấy nhau, gặp nhau. Anh và Em đã chờ đợi nhau trong suốt bao năm nay*".

Nàng mỉm cười, nghe mơ hồ có tiếng gọi xa xăm. Nàng vội đi ra cửa, quên cả chào cô y tá. Hấp tấp vội vã trên vỉa hè lát đá hoa cương, những bước chân gót nhọn lóc cóc reo vui tưởng chừng như tiếng gõ gõ vào một cánh cửa. Cánh cửa hạnh phúc rồi sẽ mở ■

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

# em đã yêu bóng tối từ thuở tay anh kề cận

## I.

*Em đã yêu bóng tối từ thuở tay anh kề cận*
*Bóng tối đổ xuống đời em*
*khi tình yêu ló dạng*
*Tình yêu quá gần*
*gần như tế bào trong quả tim em sôi bỏng*
*Em nghe tiếng chân rón rén của định mệnh*
*Và trong tay anh dịu dàng*
*em tìm nơi thoát hiểm.*

*Nhưng phòng anh, như hang tối, nuốt em vào*
*Áo gối đỏ thắm màu cay độc*
*Bóng tối phòng anh che giấu chân dung nỗi buồn*
*Ở đây, em không còn thấy mặt trời óng ả,*
*hay vầng trăng biêng biếc.*
*Và giấc ngủ đến quá vội vàng*
*Trong bóng tối phòng anh*
*em không còn thấy thời gian...*
*ngày...*
*hay đêm...*

## II.

*Trong bóng tối phòng anh*
*em không còn là người thiếu phụ đi tìm vũ trụ*
*đuổi theo mụ phù thủy Mông Cổ xa xưa*
*để làm tan biến lời nguyền nghiệt ngã*
*Em không còn muốn leo núi này hay đo biển nọ*
*hoặc kết tóc nhung đón trái địa đàng*

*Trong bóng tối của phòng anh*
*em chỉ là đứa bé mệt mỏi đòi ăn*
*Đứa bé đau yếu*
*mồ hôi cơn sốt không ai nhìn thấy*
*Đứa bé khóc không thành tiếng*
*vì nước mắt vô tình chảy ngược*
*Nơi đây tối quá*
*đến nỗi khi duỗi tay trên gối*
*Em không mường tượng được*
*những đường gân xanh trên cổ tay*
*(Đường gân xanh như mạch máu*
*chảy về phương đông thăm thẳm)*
*Và trong yên lặng của phòng anh*
*Em không còn đếm được nhịp đập của quả tim*
*trước khi một bóng tối khác phủ xuống đời*
*để chúng ta xa biền biệt muôn trùng xa cách...*

*Dựa bên anh, như đứa bé, em ngủ vùi*
*Trong bóng tối phòng anh là ảo tưởng của bình yên*
*Em trôi trên đôi tay êm ái của anh*
*để đối diện cơn mộng mị*
*Em như con bướm của Trang Tử*
*con bướm hân hoan mặc áo cưới*
*bước đi giữa đám tơ chỉ rối nùi*
*đến bàn thờ làm lễ tơ hồng*
*để biết rằng tân lang đã chết.*

## III.

*Như dòng Trường giang, nơi trinh nữ giặt lụa*
*và tình nhân rơi nước mắt cho nhau*
*Em trôi ngược dòng đời*
*từ giấc ngủ nghìn năm u tịch*
*Em tìm thấy chiếc gối chơ vơ*
*nơi khoảng cách giữa chúng ta*
*Ôi bóng tối là ly biệt*
*từ lúc anh đưa tay chào đón em vào*

*Em thức giấc trong bóng tối phòng anh*
*nghe âm điệu những bài tình ca từ Venice*
*Em khóc cho nụ hôn của người yêu cũ*
*Trong em có tiếng réo gọi đau thương*
*của một đông phương bị ruồng rẫy*
*Em cúi xuống*
*nhận lấy tội lỗi E-và*
*để biết rằng*
*chàng A-đam của lòng em rồi cũng phải chia xa...*

## IV.

*Và vì thế, em sẽ bỏ đi, bỏ vòng tay anh dịu êm*
*Đã biết yêu bóng tối từ lúc mình chạm đời nhau*
*Đâu đây trong bóng tối này*
*em đã yêu hình bóng anh*
*hình bóng cao đẹp nhưng đơn độc*
*như đỉnh Trường sơn những chiều xế bóng*
*Xa lạ và mơ hồ khi anh trải xuống, bất động*
*Riêng rẽ, tách rời khỏi nỗi khát vọng đàn bà*
*Và khi anh nhắm mắt*
*anh đóng luôn cả vòm trời nghĩ suy*
*Để em thẫn thờ*
*trong bóng tối anh cưu mang, đêm đổ xuống đời...*

*Thế nhưng*
*em đã trót gửi anh đứa bé của hồn em*
*Cô dâu hồ điệp mà tân lang đã chết*
*Trong anh là giao điểm của nghèo nàn và xa hoa*
*là nơi dòng Trường giang gặp gỡ con kinh đào Venice*
*để mọi bờ cõi nhập lại trong hơi thở loài người.*

## V.

*Và trong yên lặng em bỏ đi*
*sau khi đã biết rằng*
*Em đã yêu bóng tối từ thuở tay anh kề cận.*

PHẠM THỊ NGỌC

# mảnh vỡ

*

Vượng hoàn tất công việc dọn ra vào sáng sớm chủ nhật, kết thúc tuần lễ thứ sáu mươi ba chung sống với tôi. Dậy sớm vào sáng chủ nhật thường là khó, nhưng suốt đêm nằm bên nhau chúng tôi đã không ngủ, dù chẳng ai bảo ai điều này. Chờn vờn trong cơn nửa tỉnh nửa mê cho đến gần sáng thì Vượng nhấc người, xoa tay trên sống lưng tôi nằm xoay. Tôi thức, nhưng nằm yên, nghe cử chỉ lưu luyến của Vượng lan trên da thịt. Rồi tôi cũng dậy, giúp Vượng thu dọn những gì của anh còn lại để đem đi lúc sau cùng. Tôi đi theo anh vòng quanh nhà thu nhặt những gì thuộc về anh, như trước đây tôi đã theo anh từng bước quanh nhà khi anh đem những thứ đó vào đây. Khi cầm đến quyển *album* mỏng, tôi nói anh hãy đem hết hình ảnh đi đi, em không muốn giữ. Hôm trước, tôi đã nói đùa với Vượng, anh lựa tấm nào thích thì giữ, còn lại em sẽ đốt hết.

Hình như trục trặc là từ khi chúng tôi không còn nhận ra được lúc nào là đùa, lúc nào là thật. Rồi đến lúc cả hai hết chịu nổi những cái đùa cái thật của nhau.

Lúc tôi nói đùa về quyển hình ảnh, Vượng nhìn tôi làm tôi suýt nói thêm rằng anh đừng nhìn em ngạc nhiên như thế. Nhưng sáng chủ nhật thì tôi đã nói thật, nói khẩn khoản - Anh đem hết hình ảnh đi đi, làm gì cũng được, em không muốn giữ.

Tôi tiễn Vượng ra xe, và ở đó đã nhận từ anh nụ hôn chót. Tôi đứng và nhìn theo chỉ vừa đủ đến lúc Vượng quay đầu xe lại được để có thể lái thẳng. Nhưng khi tôi trở về, đứng trước cửa gỗ đóng im, tôi

biết tôi đang đứng trước một thách đố. Vượng không còn ở đây nữa, mà tôi thì lại quá quen với sự sống của anh trong đó. Tại sao tôi không nghĩ trước đến chuyện dọn đi một nơi khác.

Không còn những đôi giầy của Vượng ngổn ngang ở chỗ cửa ra vào. Giầy của anh nhiều và to gấp đôi giầy tôi, đủ loại cũ mới tôi đã đếm và đã quen với vị trí của chúng để những khi đi về mà không có Vượng ở nhà, tìm đôi nào thiếu tôi có thể đoán được Vượng hôm ấy đi đâu, làm gì, với ai. Vượng đi nhiều loại giầy quá, tôi nhận ra được điều này khi anh trở lại với tôi lần thứ hai, chẳng hiểu nó phát sinh từ lúc nào. Tôi vào buồng tắm, mở cửa sổ cho thoáng, cho thoát đi mùi nồng quen thuộc của Vượng. Khi đứng trước gương để lau chùi những vết bọt kem đánh răng, bọt kem cạo râu đã bắn lên đó, tôi không hiểu tại sao tôi đã không nghĩ trước về việc dọn đi một nơi khác.

Thật ra, tôi có nghĩ đến việc dọn đi, nếu có ngày nào chúng tôi ra đám. Nhưng tôi có nói với Vượng, em không muốn chạy vòng quanh nữa. Tôi nói với Vượng điều đó khi gặp lại anh, lần thứ hai. Vượng bảo anh hiểu. Tôi nói với Vượng, trở lại với nhau lần thứ hai rất dễ, và cũng rất dễ mất hết những gì đẹp đẽ ta có trước đó nếu lại đường ai nấy đi sau lần thứ hai. Vượng bảo anh hiểu. Ừ, thì anh hiểu.

Tình cờ gặp lại nhau lần thứ hai, Vượng đã nhìn sững tôi bằng đôi mắt đỏ ngầu men rượu. Vượng nhìn sững tôi như thể nhìn thấy một sự lạ lùng gì đó, và tôi cũng chẳng cần biết anh có thấy sự anh thấy. Tôi buông một câu hỏi thừa thãi - Anh làm gì ở đây? Vượng vẫn nhìn tôi - Cô làm gì ở đây? Tôi hỏi lại một câu khác, không biết là thừa hay gì - Vợ chồng cãi nhau hả? Vượng nhìn ra chỗ khác - Không, chỉ ly dị thôi.

Tôi ngồi tính thấy đã năm năm từ lần cuối gặp Vượng. Sau năm năm, gặp lại, Vượng chẳng né tránh tóm lược gọn ghẽ trong hai chữ về năm năm qua của anh: ly dị. Tính Vượng dễ bộc lộ, không giữ được gì lâu bên trong. Hay có thể anh chỉ dễ bộc lộ với tôi. Ha ha. Tôi cười. Chẳng lẽ lại khóc. Vượng lừ mắt - Cô lại muốn kiếm chuyện gì nữa đây.

Trong năm năm, Vượng lấy vợ, rồi ly dị, nhưng tôi thì vẫn chưa chồng để không hả lòng nhìn anh lỡ dở. (Có thể là tôi có hả lòng chút chút, nhưng không tỏ ra điều đó). Không lâu sau ngày tái ngộ Vượng, tôi tự nguyện từ bỏ chủ nghĩa "*untouchable*" để nhận Vượng trở về, không lễ nghi, không khao rao. Em giới thiệu anh là gì với mọi người đây, tôi nói ngày Vượng dọn vào. Thì cứ bảo anh là anh họ, Vượng nói. Không, ý em muốn nói còn cha mẹ kìa, tôi nói. Thì cứ thưa là anh kết nghĩa, Vượng nói. Tôi không lấy đó để cười.

Đêm kết nghĩa với Vượng, tôi nhiệt tình như tôi đã nhiệt tình với tất cả những chuyện trên đời tôi không chọn mà đã nhận. Nhưng tôi đã chọn Vượng. Đêm tôi kết nghĩa với Vượng, không ai nồng nhiệt bằng tôi.

Vượng ít tiền, không bằng cấp, không trí thức, không biết làm thơ, không đàn hát, không yêu nước, cũng chẳng đẹp trai. Tôi chọn người đến thế là cùng. Tôi ở với một chàng thiếu nho nhã, bất tài vô tướng (của lạ), và cảm thấy tôi đây đủ. Khi đủ can đảm, điều mà tôi thiếu, tôi tuyên bố niềm hạnh phúc quái đản của tôi với những người cần thiết. Nói với mẹ tôi xong, bà im lặng giây lâu rồi trả lời: Con gái lớn rồi lại thừa tiền mà, tôi không lo chị đói, từ giờ trở đi chị không phải về nhà nữa. Nói với con bạn thân nhất xong, nó bảo nó không thích trò khỉ ấy của tôi. Trò khỉ, theo nó dịch từ chữ *monkey business* mà ra.

Cũng được, tôi không đòi hỏi gì ở ai. Tôi không cảm thấy bị xúc phạm, có lẽ sẽ quên chuyện *monkey business* trong một thời gian ngắn. Tôi cũng đã quen với những im lặng, ngập ngừng trên điện thoại của người khác, đi trước sự từ chối, chối bỏ ở người khác, dù là người thân. Nhưng tôi vẫn chờ đợi ngày nào được người hiểu mình. Sự chờ đợi, tùy vào vấn đề, có nhiều mức độ. Tôi chờ ngày được người hiểu mình với mức độ vừa phải. Điều tôi hiểu được là sống với Vượng tôi không có ngay cả tham vọng tạo dựng hạnh phúc, hai chữ đó làm tôi cười ha ha, hay lắc đầu quay đi. Tôi cũng không chắc là mối liên hệ của chúng tôi đặt trên tình yêu. Tình yêu thường khi rất ích kỉ, thường khi chỉ là sự nhận và trả những nhát chém vào lòng nhau. (Lý thú nhất là khi trẻ). Tôi cố tự giải thích, cho tôi, tại sao tôi chọn ở với Vượng,

và tôi chỉ có một giải thích xác thực và hợp lý nhất - có thể là chúng tôi thuộc về nhau, trong giai đoạn này?

Tôi nghĩ, sống chung với Vượng để tôi không phải khoe, và để tôi chẳng có gì để khoe. Ở đây, tôi phải giải thích với Vượng, là về Vượng, tôi không muốn khoe những gì người ta không hiểu. Tôi không nghĩ là Vượng hiểu tôi muốn nói gì.

Vượng bảo - Anh thấy em còn bệnh hơn xưa. Tôi bật cười, cái gì đã khiến anh nói những câu như vậy. Nằm trên giường, hút thuốc, Vượng chỉ có bấy nhiêu so sánh về tôi bây giờ và tôi năm năm về trước. Rồi anh sẽ quấn lấy tôi bằng vòng tay (trời ơi sao tôi nhớ), Vượng bảo kể anh nghe đi tuổi thơ của em. Tuổi thơ của em? Trước giải phóng hay sau giải phóng? Vượng cười bảo kể từ thời điểm nào đó đã khiến em trở nên bệnh như vầy, em đã mất mát gì. Tôi nghĩ, rồi trả lời tôi không mất mát gì hết, không gặp khủng hoảng gì hết. Nhưng như vậy không đủ để giải thích, để chứng minh cho cái bệnh của tôi sao. Tôi nói với Vượng - Em không bệnh, anh mới là bệnh.

Tôi nói với Vượng hãy kể cho tôi nghe chuyện anh trong năm năm qua, chỉ trong năm năm qua thôi, kể những gì anh muốn kể. Để làm gì? Để biết đâu từ năm năm trước đó, tôi sẽ phác họa ra Vượng năm năm tới đây. Vượng cúi hôn tôi. Cách anh hôn hình như phản ánh cuộc đời. Nụ hôn anh không giống nụ hôn năm năm trước. Nhưng tôi không còn thuộc về năm năm trước nữa.

Trong vòng tay Vượng tôi ngủ, và trong vòng tay Vượng tôi tỉnh giấc nửa đêm giữa cơn mơ. Trong cơn mơ, tôi thấy tôi trẻ thơ rong chơi để rồi chạy mãi không dám về nhà với đôi giầy trắng vấy bùn sợ mẹ tôi buồn. Nỗi buồn lay tôi tỉnh giấc, có hơi thở Vượng đều đặn, hơi ấm của anh bao bọc lấy tôi. Tôi muốn lay Vượng dậy, và nói với anh điều duy nhất - Đừng bỏ em. Nhưng tôi chỉ thấy tôi ngắm mặt Vượng, thánh thiện hiền từ khi ngủ. Đừng bỏ em. Không biết anh có nghe tôi chăng trong giấc ngủ.

Đến ngày Vượng bảo tôi rằng anh không muốn làm khổ em nữa, tôi ngồi lặng. Anh không muốn làm khổ em nữa, Vượng nói nhưng

không hề nhìn vào mắt tôi lúc đó nên chẳng thể hiểu được rằng tôi không cần một câu nói thừa như thế, để không thấy tôi chờ Vượng nói đúng câu thần chú là tôi sẽ đổ người xuống trước anh mà nói đừng bỏ em. Nhưng dù gì đi nữa, chính tôi đã tự nguyện đợi chờ, dù tôi đã không biết rõ điều tôi chờ, chính tôi đã chọn để ngã chới với trong bể ngọt đắng nơi Vượng.

"Anh có lý do của anh. Em sẽ không sao đâu". Tôi chỉ có thể nói bấy nhiêu đó khi Vượng lập lại lần thứ ba câu nói thừa kia. Anh không muốn làm khổ em nữa.

Chiều chủ nhật hôm Vượng đi, tôi hoàn tất công việc thu dọn những vết tích của anh khi đem chăn gối đi giặt. Sau đó, tôi gọi về nhà.

"Thưa mẹ, con muốn nói chuyện với em gái con".

"*Hey, little sis.* Hãy kể cho chị nghe chuyện tình yêu của em. Chị thèm được nói chuyện với em".

"Vượng đi rồi, em ạ".

"Chị có dư vài đôi bông tai. Em thích thì chị cho".

"Vượng đi sáng nay, em ạ".

"Chị cũng không biết nói gì với em bây giờ".

"Rồi chị làm sao, hở? Chị cũng chưa biết làm sao nữa".

"Chị có định về nhà không, hở? Không, chắc không".

"Em cứ thưa lại với mẹ, nhưng nói là chị chưa về đâu. Chị chưa đói khát gì hết".

Chiều chủ nhật ngày Vượng đi, tôi ngã quỵ, nhìn nhận cơn đói khát tình yêu, tình thương, với chính mình. Nhưng tôi nhất định không chạy đi đâu nữa.

Tối trước khi đi ngủ, tôi khẩn khoản khấn xin chỉ một điều - Cho tôi ngủ qua giấc đêm, chỉ ngủ yên qua đêm thôi. Bất cứ hậu quả gì của những việc tôi làm, tôi xin chịu hết dày vò vào ban ngày. Tôi chỉ xin một điều là được ngủ yên ■

NGUYỄN MẠNH TRINH

# đọc ánh sáng và bóng tối, hồi ký hoàng liên

*

Hồi ký có lẽ là một thể loại văn chương thích hợp để ghi chép lại những cảnh đời khác thường, nhất là kể lại những năm tháng đọa đày tù ngục. Trong văn học Việt nam hải ngoại, đã có nhiều tác giả hoàn tất được những cuốn hồi ký lao tù có giá trị như *Cùm Đỏ* của Phạm Quốc Bảo, *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh, *Đáy Địa Ngục* của Tạ Tỵ... Tác giả Hoàng Liên cũng là một người bị tới hơn 12 năm rưỡi trong tù ngục Cộng sản. Ông bị giam giữ nhiều nơi, nhiều chỗ, từ mật khu ở vùng rừng núi Thừa thiên, đến Bắc Việt như Thanh liệt, Hà đông, Thái nguyên, Hoàng liên sơn, Hà tây, Nam hà, Vĩnh phú, Thanh hóa... Phần đông thời gian đằng đẵng kể trên là nằm trong chỗ biệt giam, vây kín chung quanh bởi những bức tường thẳm đen ghê rợn. Như ông đã diễn tả: "*Nghĩ đến màu sắc, hương vị và âm thanh của cuộc sống ngoài xã hội, tôi chợt nhớ đến một người bạn mù và cảm thông sâu sắc với anh. Trong đêm dài dằng dặc của cuộc đời, anh đã nhiều lần tỏ ý khao khát những màu sắc, hình dáng mà anh đã nhìn thấy trước khi đôi mắt bị một tai nạn làm cho hoàn toàn hư hỏng. Nhưng có lẽ tôi còn chịu nhiều thiệt thòi hơn anh. Từ mấy năm nay, sống cô đơn trong ngục thất âm u, tôi như bị mù và câm. Mù vì không mục kích cuộc sống bên ngoài, câm vì không nói với ai. Có những đêm khuya thao thức, tôi tự nói thầm với chính mình: tôi lo sợ rằng, vì từ lâu không được sử dụng, khả năng ngôn ngữ của tôi có thể bị thui chột đi. Chỉ từ khi bắt đầu làm thơ và ngâm nga những bài thơ cũ, tôi mới yên tâm về mặt này...*"

Và như thế, chúng ta hiểu được rằng chính văn chương đã tạo thành một cứu cánh cho đời sống của tác giả Hoàng Liên. Những nhận xét, những suy tư, cấu thành trong *Ánh Sáng và Bóng Tối* chính

là những điều kiện để sống còn, để con người vượt qua được cái thinh lặng ghê khiếp và cô đơn đến tuyệt vọng. Trong những điều diễn tả, dữ kiện đời sống từ con người, sự vật, từ cỏ cây, hoa lá, không phải chỉ đơn thuần là những dữ kiện, mà hình như, mỗi mỗi đều có chứa chất linh hồn riêng. Và tất cả cùng đồng vọng với tâm hồn tác giả. Trong ba trang sách, tác giả mô tả tỉ mỉ đời sống của một đàn kiến (trang 276 - 279). Đối với người bình thường ở ngoài đời, thì công việc quan sát nhìn ngắm như thế quả là trẻ con vụn vặt. Nhưng, ở vị trí một người suốt ngày chỉ nhìn thấy bốn mặt tường và đời sống phẳng lì đen thẳm kéo dài suốt năm này qua tháng nọ, chúng ta mới thấy được tấm lòng yêu đời sống của tác giả Hoàng Liên như thế nào.

Rồi đoạn văn ở trang 264 - 265, thuật lại những giây phút say mê theo tiếng nhạc vĩ cầm từ trại tù bên cạnh của tác giả. Ở đó, chúng ta thấy được tấm lòng với nghệ thuật, với âm nhạc của một người tù cấm cố, nằm trong góc tối mà mơ tới chân trời nào tươi thắm êm đềm. Có lẽ, với những lãng mạn ấy, người tù mới còn có thể sống còn trước đời sống nghiệt ngã cô đơn của người bị nằm trong xà lim, xa cách đời sống và níu lấy đời sống qua những liên hệ thật mờ ảo mong manh.

Đoạn văn tả người tù trong phòng tối ngắm nhìn tàu lá đu đủ, như một cách để liên lạc với đời sống bên ngoài, và bước khỏi cái không gian chật hẹp bực bội của phòng giam. Chiếc lá như một biểu hiệu của đời sống và được nâng niu bởi tấm lòng rất người. Những người đã từng bị biệt giam chắc hẳn thông cảm với tình trạng người tù Hoàng Liên lúc ấy. Đời sống bên ngoài quý báu biết bao, từ tiếng nói tiếng cười vọng lại, từ hoa lá, từ giọt nắng vàng rưng rưng bên ngoài, từ tiếng chim sẻ ríu rít. Chiếc lá đu đủ, ở trường hợp khác chỉ là chiếc lá vô nghĩa nhưng ở đây, với người biệt giam, nó lại chứa đựng những đời sống nào ẩn khuất ở đó, tuy gần cận mà xa xôi.

Cuốn hồi ký *Ánh Sáng và Bóng Tối* khá dầy, chừng 565 trang dàn trải trong tám chương vẽ lại thời gian 12 năm rưỡi tù ngục của tác giả Hoàng Liên. Khởi đầu từ lúc bị bắt ở tòa Đại biểu Chính phủ ở Huế rồi bị mang vào giam ở trong rừng của mật khu Thừa thiên. Sau đó bị áp giải về Bắc qua đường mòn Hồ Chí Minh với những cuộc tập kích

không quân của Hoa kỳ đổ xuống tàn bạo. Ra Bắc, từ ngày đầu tiên trong trại giam Thanh liệt, Hà đông đến những xà lim biệt giam của trại Phú sơn, Thái nguyên, Phú thủy, Hoàng liên sơn, Hà tây, Nam hà, Vĩnh phú, Thanh hóa. Ở đâu thì cũng đời sống bệnh hoạn, đói khát và tâm trí lúc nào cũng luôn luôn bị đe dọa bởi bóng dáng của những người cai ngục. Sống ở trong xà lim một mình, bị khổ sở vì cô đơn nhưng lúc được giam chung thì lại có những nỗi khổ khác như bị ăng ten báo cáo, hay bị nói nặng nhẹ dằn vặt.

Từ đời sống tù đầy của ông, chúng ta có thể bắt gặp nhiều chuyện ly kỳ khó lòng xảy ra ở ngoài đời. Như chuyện tình giữa một người tù hủi với một nữ tù nhân xinh đẹp (Sinh hủi và Tuyết); như trại giam mà có cả tiếng con nít, bởi người mẹ bị tù phải mang con theo vì ở ngoài không ai trông nom trẻ con. Hay chuyện được tha mà không được thả, hoặc được thả mà bị giữ lại không lý do. Những sự kiện ấy, lẫn trong dòng diễn tả của tác giả và không cố tâm để làm nổi bật lên. Với giọng kể ôn tồn, nhiều khi cực kỳ khách quan, chúng ta đã thấy được sự thành thực của tác giả không thêm bớt, không phẩm bình, nhưng chính những yếu tố ấy lại có tính cách thuyết phục và lôi cuốn nhiều hơn. Sự thực, tự nó đã có giá trị.

Trong hồi ký *Ánh Sáng và Bóng Tối*, chúng ta nhìn thấy sự phê phán gián tiếp qua sự mô tả thực trạng xã hội miền Bắc. Từ phác họa con người qua ngôn ngữ, cử chỉ, thói quen, đến phác họa bộ mặt thực của xã hội qua cung cách con người đối phó với nhau, để mường tượng đến đời sống nghèo nàn tăm tối và bị cùm kẹp nặng nề. Sinh hoạt con người trở thành sinh hoạt của những bộ máy, lạnh lùng, và mọi cảm tình đều bị giấu kín và triệt tiêu. Tiếp xúc với người chung quanh hay nhìn ngắm cảnh vật, tác giả Hoàng Liên đã lồng tâm tư của mình vào trong cách mô tả nên có cá tính riêng và linh hồn riêng. Cái lá, đàn kiến, cảnh dọc đường Trường sơn, cảnh nhìn từ cửa sổ xà lim, mỗi mỗi dữ kiện đều được quan sát nhìn ngắm kỹ lưỡng và lôi kéo đến những suy nghĩ sâu xa hơn, sinh động hơn. Mượn cảnh để nói về người, với một tâm hồn, làm sinh động những vật vô tri vô giác để thành biểu hiện tâm tư nồng nàn cảm giác.

Trong hơn năm trăm trang sách, chúng ta đã được đọc những đoạn tả cảnh đẹp và lồng tình cảm mình ở trong. Như cảnh rừng núi lạnh lùng cô tịch: "*Rừng âm u, cành lá để lọt những mảng nắng vàng tươi chập chờn theo nhịp chân đi. Những ngọn núi, với những nét cong dập dìu nối tiếp nhau trong hoang vắng. Không một bóng người, không một dấu vết canh tác, không một ngôi nhà, không một trạm giao liên... Bóng chiều đổ xuống rất nhanh. Người mệt nhoài, chúng tôi lê chân trên mặt đất gồ ghề. Con đường chỉ còn là một vệt màu hồng mờ nhạt. Phía dưới một con dốc dài, một ngôi nhà thấp nhỏ, đứng lạc lõng bên đường, nấp sau mấy cành cây lớn, lá sum suê che nửa mái tranh cũ kỹ màu nâu sẫm...*" Hay cảnh một giáo đường hoang phế của một xã hội Cộng sản vô thần: "*Đằng trước mặt, vượt lên hẳn trên mấy nếp tranh thấp lè tè, một tháp chuông cao in những góc cạnh sắc nét lên nền trời chiều. Sau một mảnh sân rộng cỏ mọc um tùm tọa lạc một ngôi nhà thờ Công giáo cũ kỹ, thời gian và mưa gió đã làm hoen ố và lở lói từng mảng lớp vôi quét bên ngoài. Ở chính giữa sân, một pho tượng đã ngả màu tro đậm đứng lẻ loi giữa khung cảnh đìu hiu hoang phế. Vừa rảo bước đi, tôi vừa nhìn ngoái lại và ngậm ngùi hồi tưởng ngôi giáo đường ở Kỳ anh năm xưa, được bảo tồn kỹ lưỡng với mảnh sân lát sỏi trắng và hai hàng rào cắt xén ngay ngắn để lộ những đóa tử vi màu hồng nhạt. Bỗng một hồi chuông ngân lên, áo não. Rồi từ trong nhà thờ, tiếng cầu kinh trầm trầm dâng lên, lan rộng, não nùng trong bóng chiều đã ngả...*" Hay là một cảnh ngắm trăng của người tù trong xà lim: "*Tôi nhìn qua khung cửa sổ, ánh trăng trong suốt bàng bạc tỏa xuống mặt sân, tràn cả vào đến thềm xi măng dưới mái hiên. Ra khỏi giường, tôi đứng tựa vào khung cửa, ngắm ánh trăng tinh khiết, và lòng tôi bỗng dịu hẳn lại...*"

Trong hơn năm trăm trang sách, có nhiều đoạn tả cảnh rất đẹp bằng lời văn trong sáng và ngôn ngữ gợi hình như thế. Thí dụ như đoạn tả cảnh buổi trưa trong tù nhìn ra sân (trang 203), cảnh ở trên đường di chuyển từ trại tù này sang trại giam khác (trang 343 - 345), như cảnh đường phố Hànội (trang 373), cảnh tượng trại tù Ba Sao (trang 391)... Đặc biệt, khi tả cảnh, tác giả thường hay đối chiếu giữa cùng một cảnh nhưng một của quá khứ một của hiện tại. Như so sánh giữa

ánh sáng và bóng tối, để làm nổi bật cái tâm cảm buồn rầu nhưng vẫn phải cố gắng phấn đấu để còn có thể sống còn. Cảnh vật, trong một thoáng chạnh lòng, chỉ là một cái cớ để nhớ lại và hồi tưởng. Sự đối chiếu như thế làm tăng thêm nỗi bùi ngùi và thành một lớp màu đen bằng bạc bao phủ tất cả cuộc sống. Người tả cảnh để làm nổi bật hơn nỗi buồn của chính mình.

Trong thời gian ở xà lim, tác giả thường mô tả một phần nào tâm trạng chính mình lúc ấy. Nằm một mình cô đơn nhìn bốn bức tường, như nằm trong tịch cốc để tham thiền, con người dễ dàng trở thành triết gia với những chuỗi luận thuyết và suy tư. Do đó, ở trong một khía cạnh phân tích nào đó, chúng ta bắt gặp được những nét triết lý tiềm ẩn trong cách diễn tả.

Nhưng, triết lý ở đây chẳng phải là những vấn đề xa vời. Nó không đóng khung trong sách vở mà mở rộng ra từ đời sống và có nét sinh động riêng. Triết lý bắt nguồn từ đời sống gần cận, từ vấn đề bây giờ, của con người da thịt máu xương hiện hữu. Triết lý, nghĩ cho cùng, ở trong ngày tháng lao tù của tác giả *Ánh Sáng và Bóng Tối* cũng chỉ là một phương cách sống.

Thêm một bước nữa, triết lý thăng hoa thành những câu thơ lẩm nhẩm trong óc hay những truyện ngắn, truyện dài được manh nha thành hình. Có phải đó là một phản ứng tự nhiên của con người, để làm đầy thời gian vô vị, và tìm kiếm một vài tia nắng ấm áp hiếm hoi trong đời sống lạnh lẽo đen thẳm. Do đó, chúng ta hiểu được tại sao những ý tình nồng đượm gói ghém trong tác phẩm này. Suy tư thực, đời sống thực, đã có giá trị của nó để tạo thành một loại kỹ thuật được mài dũa tận cùng.

Trong suốt cuốn sách, dù trong hoàn cảnh nào, chúng ta vẫn thấy được phảng phất chân dung của tác giả. Ôn tồn, thiết tha, yêu đời sống nhưng vẫn son sắt với những chính kiến của mình, không thay đổi dù trong bất cứ áp lực đe dọa nào. Đối với những người cai ngục, đáng lẽ ông phải tỏ vẻ hận thù, phải mô tả cường điệu thành những quỷ sứ ghê gớm thì ông vẫn phác họa bằng những nét trung thực, không phê phán và nhiều chất khách quan. Còn với sự đói khát khổ sở, ông

không chủ tâm đào sâu vào phương diện ấy, ông muốn nhắm đến những khía cạnh khác hơn. Nếu trong *Đáy Địa Ngục* của nhà văn Tạ Tỵ, miếng ăn là ám ảnh lớn lao của người tù hay với *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh trò tra tấn hành hạ là hoạt cảnh chính yếu, thì trong *Ánh Sáng và Bóng Tối*, người ta đã có nhiều suy tư hơn và phần nào quên đi đời sống địa ngục mà ông phải chịu đựng. Mỗi người mỗi vẻ, hoàn cảnh lao tù mỗi nơi một khác và tâm trạng cũng không phải tương đồng, cho nên, chúng ta mới có được những tài liệu sống của những nhà tù khắc nghiệt nhất trên thế giới.

Đọc xong cuốn sách, tôi tự nhiên thấy điều mình hằng suy tư là viết cái gì và viết ra sao được giải đáp. Tôi sẽ viết nếu tôi có cái thúc đẩy như của tác giả Hoàng Liên, phải viết nếu không thì không thể sống còn được. Cái nung nấu, cái thúc đẩy sẽ tạo thành văn chương thứ thật. Căn bản, phải có lòng với văn chương thì tự nhiên chẳng phải cần thắc mắc thơ phải làm thế này, truyện phải viết thế kia cũng sẽ được những tác phẩm vừa ý. Và như thế, chúng ta cũng sẽ như nhà văn Võ Phiến "tiếc ngẩn ngơ" vì thời thế đã làm mất mát đi những bài thơ, những câu văn của tác giả Hoàng Liên viết ở trong tù. Chắc nỗi buồn "đánh mất vàng" cũng chỉ đến như thế mà thôi! ■

**Tìm đọc:**

**SÔNG CÔN MÙA LŨ**
**Tập I, II, III, IV**

**Trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác**

An Tiêm xuất bản

QUỲNH GIAO

# đọc thi phẩm "tĩnh tọa" của hoàng liên

*

Giới thiệu thi phẩm *Tĩnh Tọa* của tác giả Hoàng Liên, tôi thấy có vài ba nghịch lý nho nhỏ:

Y như tác giả, tôi sinh trưởng tại miền Trung, nhưng không sinh sống ở miền Trung. Khi biến cố Tết Mậu Thân xảy ra năm 1968, tôi không có mặt tại đất Thần Kinh, như tác giả. Khi biến cố 1975 xảy ra, tôi cũng đã di tản, không chứng kiến những cảnh ngộ lầm than đen tối của quê hương, như tác giả. Dĩ nhiên, tôi càng không có kinh nghiệm gì về ngục tù Cộng sản, như tác giả. Tôi yêu thơ, nhưng sự hiểu biết của mình về thơ cũng chỉ là sự hiểu biết bình thường của người yêu thơ.

Được hân hạnh giới thiệu thi phẩm *Tĩnh Tọa* của tác giả tập hồi ký *Ánh Sáng và Bóng Tối*, tôi xin viện dẫn những nghịch lý trên để mong có được sự cảm thông của quý vị, và nhất là sự độ lượng của tác giả - vốn là người có mối thâm tình lâu đời với hai bậc sinh thành của tôi - nếu như có sự khiếm khuyết nông cạn trong những cảm nghĩ được ghi nhận sau đây.

*

Nếu tôi không lầm, Hoàng Liên đã quyến luyến nàng Thơ ngay từ trẻ. Bài *Chiều Hoàng Cung* được tuyển chọn trong tập thơ, ông đã viết từ năm 1946, từ khi còn là một thanh niên. Cảm nghĩ đầu tiên của tôi về sáng tác có thể nói là đầu tay này, là khí thơ "hoài cổ". Chẳng vì bài thơ viết về Hoàng cung, thời đó đã trở thành Cố đô, mà vì hình ảnh cánh chim chiều bay về lãnh cung và lá ngô đồng buồn rũ như người xuân nữ cúi đầu giấu lệ... Tại sao một thanh niên ở lứa tuổi đôi mươi mà đã viết về lãnh cung, nhìn cánh chim mà nghĩ tới hồn ai mòn mỏi chết bên song?

Hoàng Liên đã yêu thơ từ trẻ, và có tâm hồn đa cảm dị thường.

*

Tâm hồn đó dường như không hợp với công việc ông đảm nhiệm trong những năm sau này: Tôi xin lần theo những bước đầu tiên của tác giả để dẫn ông vào cõi *Tĩnh Tọa*. Ông là một công chức cao cấp của chính phủ và khi biến cố Mậu Thân xảy ra, ông là người cao cấp nhất sa vào tay giặc, bị cầm tù trong hơn mười hai năm trời. Thành thử, mình phải kết luận rằng nghề nghiệp là một chuyện, tâm tư sâu kín của từng người lại là một chuyện khác. Trong không khí nhiễu nhương của một nước có loạn, không thiếu gì người, có thể khô khan và nghiêm nghị nơi chốn công đường, nhưng bên trong vẫn dạt dào hồn lãng mạn và mẫn cảm. Đó là trường hợp của tác giả.

Ở Hoàng Liên, chính tâm hồn đó đã giúp tác giả trải qua mười hai năm ngục tù, vượt ngược Trường sơn ra miền Bắc, lên tới tận Lào cai, xuống Vĩnh phú, rồi Hà tây, rồi Thanh hóa, và trở lại với chính mình, trở lại với chúng ta. Tôi đã đọc thơ *Tĩnh Tọa* cùng với hồi ký *Ánh Sáng và Bóng Tối* của ông, nên càng cảm nhận ra điều đó.

*

Từ khi bị giải ra Bắc, như cậu bé tí hon trải sỏi để nhớ đường về trong truyện cổ tích thần tiên, nay đã biến thành người tù nhỏ bé trước định mệnh tàn khốc, ông trải thơ trên bước đường tù, bắt đầu từ khi *trườn lên hoài trên đỉnh Trường sơn*, như ông viết. Mỗi cảnh lưu đày ngay trên quê hương lại được ghi dấu bằng những cảm xúc viết thành thơ. Vì vậy, trong tập thơ *Tĩnh Tọa*, chúng ta được thấy lại cảnh trí Quảng trị, Nghệ an, Hànội, Thái nguyên hay Nam hà. Nhưng là những cảnh trí ghi nhận trong tâm tư một tù nhân.

Tôi xin được dừng đôi chút để đối chiếu về cách ghi nhận của ông, trong tập hồi ký và trong tập thơ.

Trong tập hồi ký *Ánh Sáng và Bóng Tối*, ông là nhân chứng kể lại những điều mắt thấy tai nghe, với sự từ tốn và khoan dung. Ông không hằn học với kẻ thù, mặc dù luôn luôn đứng trên lập trường quốc gia thật kín đáo và giữ tư thế của một công bộc quốc gia thật bền bỉ. Ông

kể lại bằng trí nhớ phi thường và làm chúng ta bồi hồi với những nhận xét sâu sắc về sự hủy hoại của xã hội ta, ngay trên vùng đất xuất phát ra cái giấc mơ cách mạng khủng khiếp của người Cộng sản, tức là miền Bắc. Ông thuật lại một cách bình thản những thủ đoạn của đối phương, xen lẫn nỗi bùi ngùi trước cái đẹp của núi rừng, cây lá. Trong hồi ký, nhân vật chính là tác giả giữ vai trò của người kể truyện.

Khác với tập hồi ký trên, thơ Hoàng Liên gần như là một loại tự truyện, viết về chính ông. Những bài thơ trong tù của Hoàng Liên không là những ghi nhận bằng tai mắt của chứng nhân viết về ngoại cảnh. Nó là tác phẩm của cảm quan, chín muồi trong hồn thơ và trải qua sự dãi lọc của ý thức. Đó là những mẩu tâm sự của người tù, rất riêng tư thầm kín, nói về mình với chính mình.

Vì vậy, trong thơ *Tĩnh Tọa*, chúng ta thấy thời gian không còn ý nghĩa, tháng ngày được xô đẩy thành một khối lóng lánh trong tâm tư người tù. Trong nhiều bài thơ của ông, quá khứ đã hòa tan trong hiện tại, như được thấy ở bài *Chua Xót Ngày Vui*, có lẽ ông ngẫm trong đầu khi leo núi Trường sơn. Hoặc thực tế tù ngục bị giạt qua một bên, nhường chỗ cho ý thơ, sóng nhạc, cho những cảm xúc ngất ngây dưới ánh trăng, như được thấy ở bài *Sáng Tạo*, ghi trong khi bị giải qua Hànội.

Theo thiển ý, người tù có thể nói với mình ở khắp nơi, và làm thơ vào mọi lúc. Khi đeo cùm leo núi, hoặc mang gông ngắm trăng qua khe cửa. Nhưng, đặc điểm của thơ trong tù, như được thấy qua thi phẩm *Tĩnh Tọa*, là sự khai mở của trí tuệ trong bóng tối của cùm gông. Trong nhà tù Cộng sản, cách ly, biệt giam, sự im lặng và nỗi cô đơn là những vũ khí tâm lý của bạo lực. Trong nhà tù đó, người ta không chỉ ăn ít, và không được tự do cử động, người ta còn nghe ít, thấy ít, nói ít... Kết quả mà bạo lực trông đợi có thể là sự tê liệt của ngũ quan, đưa đến sự hôn mê của trí tuệ. Nhưng, ở những tâm hồn mẫn cảm, chính sự tê liệt của ngũ quan càng phát huy sức mạnh của tâm trí.

Vì vậy, trong bóng tối ngục tù, nhà thơ của chúng ta viết nhiều về màu sắc, âm thanh và nhất là ánh sáng.

Tôi yêu câu kết của bài *Cùng Chung Chiến Tuyến*, giữa đêm khuya, ánh nguyệt soi vào tâm hồn tác giả nét rạng ngời của vầng thái dương, nên ông viết: ***Trăng đêm tù chói nắng bình minh***. Tôi cũng nhớ mãi màu ***mây xám nặng trùm sân quạnh quẽ***, tỏa trong tâm tư nhà thơ thành muôn màu xuân quê rực rỡ, trong bài ***Đợi Mùa Xuân Khác***.

*Non thắm đào tươi*
*Sông xanh mai nở*
*Vàng rơi, nắng ấm tình người.*

Cũng vậy, giữa sự tĩnh lặng của xà lim, một mảy chuyển động của vũ trụ cũng thành một âm vang của ký ức, một mời gọi của tự do. Nhà thơ trong tù ghi nhận rất nhiều về âm thanh. Ở trong nhà giam, nghe một tiếng động đưa sang, người tù cũng thấy vang niềm giao cảm, giao cảm với một bạn tù không thấy mặt. Bài *Giao Hưởng* là một điển hình khác: Trong cảnh ngục tù, được nghe vài khúc vĩ cầm thô sơ - thô sơ vì là nhạc cụ làm trong tù - nhà thơ được nhạc Schumann dẫn từ trại Phú sơn ở Thái nguyên sang tới những thành phố cổ kính và hoa lệ ở Âu châu. Ông đã được tự do trong khoảnh khắc quý báu ấy.

*

Như tác giả có nhắc tới trong tập hồi ký, sự liên tưởng dẫn ta ra khỏi thời gian hiện tại: tôi nhớ đến cái bánh *madeleine* của Proust. Sự liên tưởng còn đưa ta ra khỏi không gian cùm hãm. Là người tinh tế và mẫn cảm, Hoàng Liên kết hợp được rất nhiều điều liên tưởng, dẫn tâm trí ông vượt khỏi cảnh tù. Chúng ta được ông chia sẻ những liên tưởng ý vị này mới càng thấy tự do là quý, khi mình đã mất.

Và đến đây, chúng ta hiểu vì sao tác giả chọn *Tĩnh Tọa* làm tựa đề cho cả tập thơ. Tư thế bó gối trong tù hai năm liền không phải là tư thế thiền định theo kiểu kiết già của các bậc tu hành. Nhưng tiến trình giải thoát tư duy bằng trí tuệ khi thân xác bị bất động cũng là một cuộc truy tìm tự do mà không cùm gông nào ngăn chặn được. Đây là một điểm tương đồng giữa cái tĩnh của nhà tu và cái tĩnh của người tù.

Một điểm tương đồng khác, chính là lòng từ mẫn của người tù với tha nhân và ngoại cảnh, không khác gì lòng nhân ái của một bậc tu

hành. Trong thơ *Tình Tọa*, ngay cả trong những bài ngợi ca chính nghĩa, ước hẹn khải hoàn, chúng ta tuyệt nhiên không thấy một chút hận thù ném về bạo lực. Tâm ông bình thản và dường như ông còn có cả sự xót xa dành cho những người giam hãm ông: họ không được tự do. Họ cũng cần được giải phóng.

Tôi cảm nhận được nỗi khát khao tự do của nhà thơ ngay trong thể điệu ông chọn để chuyển ý thơ. Tập thơ có nhiều bài theo cổ thể, trong đó chúng ta bắt gặp cả hào khí bát ngát của thơ Vũ Hoàng Chương. Nhưng, chính là trong những bài viết theo thể tự do, người đọc mới thấy nhà thơ dàn trải hết tâm tư phơi phới của mình, hay những tắc nghẽn phẫn hận của cái chí muốn vùng lên tới trời xanh. Những bài thơ này gây nhiều xúc động nhất cho người đọc, vì chất bi hùng và vì cái tâm rất người của ông.

Vì vậy, người ta không ngạc nhiên khi thấy ông tồn tại và vẫn yêu đời yêu người sau bao gian khổ nơi rừng sâu núi thẳm. Tâm hồn nghệ sĩ khoáng đạt nơi ông đã cứu ông. Cũng vì vậy, người ta phải tin tưởng là sau *Ánh Sáng và Bóng Tối*, sau *Tình Tọa*, chúng ta sẽ được trân quý những tác phẩm khác của Hoàng Liên.

Kết quả ngày hôm nay, sau khi con người bị con người đày đọa, nhà thơ của chúng ta ước mơ gì? Tôi nhớ lại lời nguyện của Hoàng Liên, cảm được từ thơ Nguyễn Công Trứ:

Kiếp sau xin *cứ* làm người,

*Cùng* cây thông đứng giữa trời mà reo.

Sau bao tai họa, ông vẫn muốn được làm người, sừng sững giữa đất trời reo vui cùng thông cả. Cũng vì vậy mà lời kết của tôi là một nhắn gửi cho những người đã gieo khổ đau cho ông, và cho biết bao đồng bào khác: *"Bạo lực không nên giam giữ những tâm hồn lớn ở trong tù. Họ không cải tạo thay đổi được gì mà chỉ tạo điều kiện cho sự xuất hiện của những nghệ sĩ, những nhà thơ"*.

Một trong những nhà thơ đó là Hoàng Liên ■

NGUYỄN ĐỨC LẬP

# phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động

*Chương 15*

Bà Chủ Thạnh te tái, đi như chạy, qua khỏi cổng, ào vô nhà như một cơn lốc. Mặt mũi bà đỏ gay, mồ hôi mồ kê đọng thành giọt, chảy thành dòng, tóc tai dính bệt vô hai gò má. Coi điệu bộ của bà vừa bôn chôn hấp tấp, vừa sớn sác lo âu. Đi kế bên bà, vợ Hai Quờn cũng đổ mồ hôi không kém. Thị còn muốn lăng xăng lít xít hơn cả chủ.

Hồi nãy, trên đường từ nhà ông Cả Bường trở về, bà Chủ Thạnh, tuy cũng bước rất dài, rất mau, nhưng bà vẫn cố giữ vẻ mặt cho được điềm tĩnh. Giờ đây, làm như cái nỗi sắp gặp mặt chồng, sắp kể cho chồng tường tận những điều đã nghe thấy, khiến cho bà không thể bình tĩnh được.

Không kịp chào ông Hương giáo Kiểm, đang ngồi đối ẩm cùng ông Chủ Thạnh, bà Chủ Thạnh hổn hển nói mau:

- Trời ơi, thấy muốn đứt ruột... "Nó" nằm bẹp trong buồng gói của bà Cả Bường, khóc lóc thảm thiết, đòi tự vận. Ai hỏi cái gì "nó" cũng không trả lời. Ai khuyên cái gì cũng không được.

Lần đầu tiên trong đời, vợ Hai Quờn mới nghe giọng nói của bà chủ lớn và chát chúa như vậy.

Ông Chủ Thạnh nghiến răng. Hai bên hàm của ông căng cứng ra. Ông rít lên:

- Quân này thiệt là khốn nạn.

Ông hỏi chăm bẳm:

- Còn thằng chồng của nó đã về chưa? Có ai thấy thằng Hương kiểm Vẹn ở đâu không?

Bà Chủ Thạnh đưa hai tay lên trời, thở hổn hển:

- Không ai biết nó đi đâu. Lúc con vợ nó bị bắt đi, nó xách mác vót rượt theo. Con vợ nó về rồi, vẫn không thấy tăm dạng của nó. Trời ơi,

con của nó nằm khóc oe oe, ruồi bu kiến đậu, không ai ngó ngàng tới. Chị Hương sư phải ẵm về, cho uống đỡ nước cháo cầm hơi...

Ông Chủ Thạnh lắc đầu nhè nhẹ. Ông Hương giáo Kiểm thở dài héo hắt. Lúc đó, làm như mới nhận ra sự có mặt của ông Hương giáo, bà Chủ Thạnh lúng túng:

- Trời đất, anh Giáo, anh ngồi đó mà tui không ngó thấy.

Thấy chồng và bạn chồng cùng im lặng, bà Chủ Thạnh buột miệng than:

- Bọn cướp đã lộng hành vô tới trong này. Hết vợ Hương kiểm Vẹn rồi, biết tới ai nữa đây?

Bà không dám nói thẳng ra ý nghĩ cùng nỗi lo sợ của bà là nạn nhơn kế tiếp không khéo là con dâu bà, cô Hai Lựu và con gái ông Hương giáo Kiểm, cô Kim Huê.

Làm như ông Chủ Thạnh đoán biết được ý của vợ, ông chận ngang:

- Bà đừng có nghĩ bậy, sanh rối trí.

- Nếu phải như những lần khác, khi nghe chồng nói như vậy, bà Chủ Thạnh đã ngậm miệng làm thinh. Lần này, chẳng những không im, bà còn hậm hực:

- Thì rối quá mạng rồi chớ còn rối sao nữa?

Ông Hương giáo Kiểm gật đầu, làm như biểu đồng tình với bà Chủ Thạnh. Được thể, bà Chủ Thạnh nói thêm:

- Giặc cướp lộng hành như vậy là hết cỡ. Quan quyền lính tráng, tụi nó coi như không có. Trống mõ nổi lên ầm ầm, thiên hạ đối đuốc chạy tới rần rần, mà tụi nó vẫn ngang nhiên chĩa súng lôi con người ta đi... Tới chừng tụi nó thả ra... Trời ơi là trời...

Ông Chủ Thạnh nghiêm mặt:

- Bà mệt lắm rồi, vô rửa mày rửa mặt, nghỉ ngơi cho khỏe. Coi biểu vợ thằng Hai đem mấy hộp sữa lại đằng chị Hương sư, đặng cho thằng nhỏ uống...

Vợ Hai Quờn đứng sát đó, chớ có phải xa lắc xa lơ gì đâu, nhưng ông Chủ Thạnh không sai thẳng. Sai bảo gia nhơn, đầy tớ những việc

lặt vặt, bấy lâu nay, ông vẫn giao cho vợ. Ông giữ cái thói quen, hay cái nguyên tắc đó, rất kỹ.

Bà Chủ Thạnh cúi mặt đi vô trong. Bước chưn của bà không được nhẹ nhàng. In tuồng như bà bất mãn vì chồng không cho bà đứng lại để bàn chuyện cho ra đầu ra đuôi. Bà nghĩ giận thân vô cùng. Từ lúc còn ở nhà ông Cả Bường, cho đến trên suốt con đường trở về, bà đã sắp đặt sẵn trong đầu những điều phải nói với chồng, có lớp có lang, có thứ có tự. Chuyện bằng trời mà, đâu có thể một hai câu tắt ngang mà hết được. Vậy mà, vừa thấy mặt chồng, bà lụp chụp, quýnh quíu, nói ấm ớ không có xuôi có ngược gì hết. Đây chắc là tại cái thói quen mấy chục năm, bà không hề được phép bàn chuyện trọng đại với chồng...

Vợ Hai Quờn xăm xúi đi theo sát bên bà Chủ Thạnh. Nét mặt của thị vẫn chưa hết vẻ dáo dác.

Trong phòng khách, chỉ còn lại ông Chủ Thạnh và ông Hương giáo Kiểm. Ông Chủ Thạnh nâng chén trà, đưa lên môi. Nước đã nguội ngắt. Bàn tay ông gồng cứng như muốn bóp bể cái chén.

Ông Hương giáo Kiểm không giấu được sự lo âu:

- Nó đã hoành hành tới làng mình rồi, như vậy là nó đâu có biết kiêng nể cái gì nữa... Khổ một cái, bao nhiêu làng đã là nạn nhơn của nó mà mình vẫn không truy được tông tích của nó là ai. Nó không từ cả hương chức hội tề. Con gái của Hương thân Chiểu bên Dục tượng cũng bị, con dâu út của Bang biện Thoàn ở Cù là, nó cũng không từ...

Ông Chủ Thạnh có vẻ như không hề để ý tới những điều ông Hương giáo Kiểm nói. Chén trà vẫn bóp chặt trong tay, ông trầm ngâm nghĩ ngợi.

Làm như sực nhớ ra, ông Hương giáo Kiểm vội vàng:

- Lạ một điều, suốt tối hôm qua, không ai thấy mặt của Hương quản Thành ở đâu hết. Trách nhiệm của va là bảo vệ trị an làng này mà. Khi hữu sự, tại sao lại kiếm va không ra?

Ông phân vân:

- Hay là...?

Chưa nói hết câu, hết ý, ông Hương giáo Kiểm đã bị ông Chủ Thạnh chận ngang:

- Không phải đâu.

Ông Hương giáo Kiểm nói như than:

- Làng mình, kể từ ngày anh ra tay dẹp sòng bạc của Mười Điều, yên ổn suốt mấy chục năm. Giặc cướp cỡ nào cũng không dám léo hánh tới, ngay tới thằng Mười Hổ, ngang dọc suốt từ Cần thơ, xuống tới Hà tiên, Châu đốc mà còn phải dặn dò đàn em "làm ăn ở đâu thì làm, đừng có bao giờ lảng vảng vô Thạnh hòa chọc tới tay Chủ Thạnh"...

Hai mắt của ông Chủ Thạnh lóe sáng rực. Giọng ông hực lên như muốn tuôn ra những uẩn ức chất chứa trong lòng:

- Thời thế mỗi ngày một khác. Tôi già quá mạng rồi... không còn sống được bao lâu...

Ông Hương giáo Kiểm rùng mình. Giọng ông Chủ Thạnh dịu lại:

- Tôi đã phải đi mời những tay giang hồ về để hộ viện. Như vậy là mình yếu rồi. Chuyện này, tụi cướp, qua lại trong giang hồ, làm sao không biết được. Mình mạnh thì nó nhường, mình yếu thì lấn, mình lui thì nó sấn tới... Thế thường là như vậy, không phải sự lạ...

Ông thở dài:

- Lẽ ra, tôi không nên làm như vậy. Tôi làm như vậy, không phải vì tụi cướp. Tôi dở một điều là lo chu toàn ở mặt này thì lại để hở chỗ nhược ở mặt kia...

Lần đầu tiên, kể từ khi chơi với nhau, ông Hương giáo Kiểm mới nghe ông Chủ Thạnh thú nhận sự sơ hở của mình. Nhưng ông mờ ớ không biết cái mặt mà ông Chủ Thạnh lo chu toàn đó là mặt nào. Đã có lần, ông nghe bạn đề cập đến những ân oán giang hồ. Hay là chính vì những ân oán này đây mà bạn ông phải lo chống đỡ đến nỗi quên mất đề phòng mặt khác.

Hai Quờn ở ngoài hấp tấp đi vô. Y gật đầu chào ông Hương giáo Kiểm thiệt lẹ, rồi khoanh tay thưa với ông Chủ Thạnh:

- Bẩm chủ, người ta đã tìm thấy xác của Hương kiểm Vẹn. Hương

quản Thành đang cho khiêng về nhà việc. Hương kiểm Vẹn bị bắn nát bấy hết cái ngực, chết rồi mà hai mắt vẫn mở trừng trừng...

Ông Hương giáo Kiểm kêu lên:

- Trời ơi!

Ông Chủ Thạnh lẩm bẩm:

- Hương kiểm Vẹn, nghề riêng cũng đáng bực cao cường, cớ sao lại chết thảm như vậy?

Vừa lúc ấy, tiếng trống từ đình làng nổi lên, dồn dập hấp tấp. Ông Hương giáo Kiểm sớn sác:

- Ông Cả Bường cho nổi trống mời hương chức ra họp rồi đây.

Nói chưa dứt câu, ông đã đứng dậy. Nhưng ông ngồi xuống liền, hay nói đúng ra, ông tự rơi phạch xuống ghế, khi nghe ông Chủ Thạnh phát biểu:

- Cái vụ vợ chồng Hương kiểm Vẹn này, tụi nó mới ra tay để thử thôi, để coi làng mình đối phó ra sao thôi. Cũng có thể đây là cái đòn dằn mặt của tụi nó. Vợ Kiểm Vẹn, trẻ thì có trẻ, nhưng đâu phải là tay sắc nước hương trời, để tới nỗi tụi nó phải giết chồng đoạt vợ...

Cái mặt của ông Hương giáo Kiểm xanh còn hơn là đờn bà bị xảo thai xuất huyết. Ông nhìn vô khuôn mặt đanh lại, cứng đơ như một mặt tượng tạc bằng đất sét của ông Chủ Thạnh, mà rùng mình liên tiếp mấy cái. Lần đầu tiên trong đời, ông mới thấy nét mặt này của bạn, nét mặt vướng vất những đường nét của những tay lục lâm thảo khấu, đã từng xuất sinh nhập tử, khi bị lâm vô bước đường cùng.

Ông Chủ Thạnh dịu lại, ôn tồn:

- Anh đi ra ngoài đình đi. Coi các hương chức bàn bạc ra làm sao.

Ông Hương giáo Kiểm có hơi ngạc nhiên:

- Anh không đi sao? Từ trước tới giờ, anh rất sốt sắng đối với những việc như vầy mà...

Ông Chủ Thạnh lắc nhẹ đầu:

- Tôi còn vài việc phải sắp đặt. Tôi sẽ ra sau.

Ông Hương giáo Kiểm đứng dậy:

- Anh phải rán ra cho mau. Tôi sợ không có anh, mấy ổng bàn không ra cái gì đâu.

Ông Hương giáo Kiểm đi rồi, ông Chủ Thạnh ra lịnh cho Hai Quờn:

- Bay mời hết anh em về đây chờ tao...

Ông Chủ Thạnh đứng lên, hít vô một hơi thiệt dài. Ông sửa lại vạt áo. Rất khoan thai, ông quay lưng đi vô buồng. Hai Quờn ngó theo chủ, lòng nể phục chủ tăng thêm. Vận sự như lửa cháy tới mày, nước ngập tới trôn, mà chủ vẫn giữ được vẻ bình tĩnh thung dung.

Vừa bước vô buồng riêng, ông Chủ Thạnh lẹ tay khép cửa. Ông đứng tần ngần một lúc lâu trước cái tủ cẩm lai kê dựa vách. Ông thở dài nhẹ nhẹ, bâng khuâng, xuất thần. Ông lòn tay ra sau lưng cái tủ, lấy ra một cây côn. Ông đứng thẳng người, nắm chặt cây côn trong tay, kéo cây côn ép sát vào mình. Hai chưn ông đang chụm vào nhau, bỗng dang ra, rùn xuống, thành trung bình tấn, xoay qua đinh tấn, rồi chuyển thành chảo mã tấn thiệt lanh. Trong khi đó, một tay ông đảo cây côn cũng thiệt lẹ, đưa cây côn ra sau lưng. Người ông hơi chồm ra phía trước, một đầu côn gác lên vai, chĩa ra trước mặt. Bàn tay kia, ông mở thẳng ra, ngón tay cái ép sát vào lòng bàn tay, các ngón tay còn lại khép vào nhau khít rịt. Ông kéo bàn tay, dựng đứng trước ngực.

Cái dáng già yếu, hom hem của ông Chủ Thạnh đã biến mất tiêu. Ông "bái tổ" nhanh và gọn. Ông lại lui về trung bình tấn, kéo cây côn cho một đầu chống xuống đất. Cây côn màu nâu đỏ, lên nước sáng ngời, cao vừa sát mí với lông mày của ông Chủ Thạnh...

*

Vừa đặt lưng xuống tấm ván gõ, ông Chủ Thạnh bỗng nghe tiếng thùng thiếc chát chúa và tiếng la làng chói lói vang lên từ nhà ông Hương giáo Kiểm. Tiếng thùng thiếc chỉ vang lên được một hồi. Tiếng la làng như bị tắc nghẹn.

Ông Chủ Thạnh bật dậy như một cái lò xo. Ông gọn gàng tung mùng phóng xuống đất. Ông chụp cây "tề mi côn" dựng sát vách, kế

bộ ván ngựa. Thoắt một cái, ông đã ra khỏi cửa buồng. Ông lớn tiếng kêu Hai Quờn.

Từ buồng riêng, bà Chủ Thạnh xồng xộc chạy ra. Tóc bà xổ tung, chưa kịp bới. Mặt bà lo lắng tới thất sắc. Thấy chồng đã ra tới phòng khách, bà hớt hải chạy theo. Một tay đè lên ngực, một tay bà níu lấy vạt áo của ông. Bà hổn hển:

- Nhà mình cũng có đờn bà, con gái đẹp mà. Nhà không lo giữ, cớ gì mà đi cứu người khác?

Ông Chủ Thạnh nghiến răng, hất tay vợ. Ông phóng nhanh ra sân, mặc vợ kêu trời liền miệng.

Hai Quờn, Sáu Hó và Ba Nhung, nai nịt gọn gàng, khí giới lăm lăm trên tay, đứng sẵn giữa sân. Sau lưng ba người, đám gia nhơn, tá điền hơn chục người đứng dàn hàng ngang, người nào cũng cầm trên tay một ngọn đuốc lá dừa, cháy sáng rực. Và, mỗi người, tùy theo "nghề" riêng, kẻ thì cầm mác vót, kẻ thì cầm phảng phát cỏ, có kẻ lại cầm cây song hồng cài cửa, coi như là cây thước bảng.

Ông Chủ Thạnh gật đầu có vẻ hài lòng. Ông liếc mắt về bến sông, thấy ánh đuốc sáng giới, chứng tỏ Sáu Hộ cũng đã chuẩn bị kỹ càng. Ông Chủ Thạnh ra lịnh tắt hết đuốc. Ông nói thiệt mau:

- Chú Sáu theo tôi. Thằng Hai và chú Ba lo thủ ở nhà. Cứ theo kế hoạch đã bàn mà thi hành.

Ông chỉ tay vô ba người tá điền, ra dấu cho họ đi theo ông. Hai Quờn chưa kịp vẫy tay cho đám gia nhơn và tá điền tản ra, ông Chủ Thạnh đã phóng chạy. Ông chạy quá nhanh, làm như hai chưn ông như lướt trên mặt đất, ngọn cỏ. Hai Quờn trợn mắt, há miệng nhìn theo, làm như y không tin ở chính mắt mình...

Ông Chủ Thạnh nhắm hướng nhà ông Hương giáo Kiểm mà lướt tới. Ông không chạy vòng theo con đường chính, mà chạy tắt xuyên vườn. Khi tới con mương nằm giữa khu vườn của ông và vườn của ông Hương giáo Kiểm, mặc dầu có một cái cầu nhỏ bắc ngang qua, ông không chạy qua cầu. Ông chống côn, nhảy vèo chớp nhoáng, đáp qua bờ mương bên kia một cách gọn bâng.

Sáu Hó và đám gia nhơn đang chạy theo hụt hơi ở phía sau, đều xanh mặt. Tới giờ này họ mới biết ông Chủ Thạnh là tay võ nghệ cao cường. Vậy mà bấy lâu nay, nghề riêng ông giấu kỹ, chỉ đóng vai một ông nhà giàu yếu đuối, lụ khụ. Càng nể sợ ông Chủ Thạnh, họ càng ra sức chạy mau qua cầu.

Ông Chủ Thạnh đứng lại bên hông nhà ông Hương giáo Kiểm. Ông chỉ tay ra dấu cho ba người tá điền chia ra núp ba chỗ. Ông và Sáu Hó nhẹ nhàng tiến sát lại cửa sổ. Cả hai đều thở nhè nhẹ, nép mình sát vách lá, theo khe hở của liếp cửa mà ngó vô. Ông Chủ Thạnh cau mày khi thấy Sáu Hoài nằm xấp trên mặt đất, huyết lưu mãn địa, chưa biết chết sống ra sao. Bên cạnh đó, ông Hương giáo Kiểm nằm ngửa, hai tay ôm ngực, thở khò khè. Còn bà Hương giáo thì ngồi dựa cột nhà, hai chưn dang dài, đầu ngả qua một bên, tóc tai xụ xộp, hai mắt nhắm nghiền, cũng không biết chết sống ra sao. Ở giữa nhà, hai tên cướp, mặt mũi trét lọ nghẹ đen thui, ở trần trùng trục đang níu kéo cô Kim Huê. Ở một góc nhà, hai tên cướp khác, cũng ở trần, cũng trét lọ nghẹ, đang chĩa súng vô Tư Cui và Tám Tích. Hai người này xuôi tay, nhìn trừng trừng vô hai tên cướp.

Ông Chủ Thạnh khều Sáu Hó. Ông chỉ cho Sáu Hó hai tên cướp ở góc nhà. Sáu Hó hội ý gật đầu. Cả hai nhích lần về phía cửa lớn.

Bất đồ, ông Chủ Thạnh hét lên một tiếng như sấm nổ, ông phóng vô nhà như một tia chớp. Hai bàn chưn ông chưa chấm đất, ngọn côn đã loang loáng, phát ra tiếng gió vun vút. Hai tiếng kêu thất thanh phát ra và hai cây thịt đổ nhào xuống.

Ông Chủ Thạnh chống côn đứng giữa nhà như một thiên thần. Đường côn "Phong Vũ Tiêu Tiêu", mấy chục năm không hề sử dụng, vẫn còn hiệu lực như thần. Chỉ một thế, nhanh như tia chớp, ông Chủ Thạnh đã hạ gục hai tên cướp đang níu kéo cô Kim Huê.

Trong khi đó, nương theo tiếng hét của ông Chủ Thạnh, Sáu Hó nhảy vô. Một tên cướp, giựt mình vì tiếng hét, vừa quay lại, bị Sáu Hó quạt song tô vô cổ họng, máu phun có vòi, ngã giãy đành đạch. Trước khi ngã, y còn kịp bóp cò súng, nhưng đạn chỉ xuyên nóc nhà. Tên

cướp còn lại, đang bất ngờ chới với, đã lãnh nguyên hai cái đá, một của Tư Cui vô ngay chớn thủy, một của Tám Tích vô hạ bộ, ngã ngửa, trào máu họng.

Ông Hương giáo Kiểm lồm cồm bò dậy. Cô Kim Huê nhào tới ôm bà Hương giáo, khóc ré lên. Tư Cui và Tám Tích xúm lại, lật ngửa Tư Hoài. Tư Hoài còn thoi thóp. Y bị thương ở ngực, phía bên mặt, chếch lên phía vai.

Ông Hương giáo Kiểm ôm lấy ông Chủ Thạnh, khóc tấm tức:

- Vợ chồng tôi như được sanh lại lần thứ hai...

Ông Chủ Thạnh vừa ôm lấy vai bạn, chưa kịp nói gì, bỗng nghe có tiếng súng nổ và có tiếng la hét bên phía nhà ông. Đẩy mạnh ông Hương giáo Kiểm ra, ông Chủ Thạnh nghiến răng ken két:

- Tụi này ghê thiệt, dương đông kích tây...

Ông lớn tiếng:

- Chú Tám ở lại, chăm sóc cho Tư Hoài...

Vừa dứt tiếng, ông đã ra tới ngoài sân, chạy vội về nhà. Tư Cui và Sáu Hó tất tả chạy theo. Ông Hương giáo Kiểm bỏ mặc vợ con, cũng lập cập chạy, vừa chạy vừa la làng.

Ông Chủ Thạnh về tới nhà thì mọi việc đã yên xong. Ba Nhung nằm sóng sượt giữa sân. Hai Quờn nằm bất động giữa phòng khách. Bàn ghế ngã lỏng chỏng. Bà Chủ Thạnh, máu me đầy mặt, đang kêu khóc giữa phòng. Vợ Hai Quờn gục trên lưng chồng kể lể, tức tưởi, tiếng mất tiếng còn... Còn đám gia nhơn, đứa bị thương, đứa thất kinh hồn vía, mặt mày xanh chành, tưởng cắt không còn một hột máu.

Vừa thấy mặt chồng, bà Chủ Thạnh khóc rống lên:

- Nó bắt mất con Hai rồi còn đâu.

Đám gia nhơn bu quanh lại chung quanh chủ, mỗi đứa một câu, lập cập kể lại sự việc đã xảy ra. Ông Chủ Thạnh chỉ nghe lơ mơ. Ông biết đại khái đám cướp bị Sáu Hộ chận đánh ở trại mộc trước và cũng chính Sáu Hộ bị tụi cướp bắn gục trước tiên...

Ông Chủ Thạnh đứng chết sững giữa nhà. Râu tóc ông dựng ngược. Một chặp sau, ông mới lớn tiếng hỏi bọn gia nhơn là bọn cướp

đã rút lui đường nào. bà Chủ Thạnh chợt chồm dậy, níu lấy tay ông, mếu máo:

- Ông mựa đừng khinh địch. Hương kiểm Vẹn đã chết tức chết tối...

Vừa lúc đó, ông Hương giáo Kiểm chạy ào vô, hơi thở đứt khúc, hồn bất phụ thể.

Giọng ông Chủ Thạnh lạnh như tiền:

- Anh qua tới thiệt là vừa may. Nhờ anh coi anh em sống chết, bị thương ra sao, điều động đám người nhà của tôi, đưa lên nhà thương giùm gấp gấp...

Một gia nhơn, chỉ tay xuống mé sông, cho biết bọn cướp đã rút lui theo hướng đó. Ông Chủ Thạnh không nói không rằng, chỉ nhìn Tư Cui và Sáu Hó một cái, rồi bương bả đi ra. Hai người này hội ý, lật đật đi theo. Vừa ra tới sân, ông Chủ Thạnh thấy ba người thợ mộc đang khiêng Sáu Hộ vô tới. Một người mau miệng:

- Chú Sáu chưa chết, nhưng bị thương nặng lắm. Đạn bắn nát bụng, lòi ruột rồi...

Ông Chủ Thạnh nghiến răng ken két. Sáu Hộ đang thiêm thiếp trên tay ba người thợ, bỗng vùng mạnh, nói lớn:

- Tui bất tài, chỉ có một việc bảo vệ nhà ông, mà cũng làm không xong rồi, ông chủ...

Vừa dứt câu, đầu y đã ngoẹo qua một bên. Ông Chủ Thạnh nhảy tới, chụp lấy hai vai của Sáu Hộ. Y đã hết thở.

Tiếng Tư Cui hét lên chát chúa:

- Trời ơi, Ba Nhung đã chết rồi...

Ông Chủ Thạnh ngước mắt lên nhìn trời. Mặt ông đau đớn, thê lương, dưới ánh đuốc lá dừa bập bùng. Ông muốn ngửa cổ hét lớn một tiếng cho ba đào sóng dậy, cho nỗi phẫn hận trong lòng phát tiết hết ra. Nhưng, ông nuốt nước miếng một cái.

Biết nhà ông Chủ Thạnh có biến, đám tá điền trong làng hò nhau, xách khí giới chạy tới nhà ông để tiếp ứng. Ánh đuốc lập lòe, vàng khè,

đỏ chạch trong đêm tối, chạy dài trên các bờ đê, ruộng lúa như sao băng.

Cầm chắc cây côn, ông Chủ Thạnh lớn bước đi xuống mé sông. Tư Cui và Sáu Hó đi theo bén gót. Một đám tá điền cũng chạy theo rần rần. Đám khác, theo sự điều động của vài ông già, chia ra từng nhóm nhỏ, đi lùng bọn cướp.

Ông Chủ Thạnh đi suốt đêm, sục sạo khắp nơi, không chừa bất cứ một chỗ khuất lấp khả nghi nào, nhưng vẫn không tìm ra được tông tích của bọn cướp. Càng tìm, ông càng tỏ ra nóng nảy.

Tới gần sáng, ông Chủ Thạnh đành thúc thủ. Ông thất thểu dắt đám gia nhơn về nhà. Mặt ông bơ phờ như một lão tướng vừa thua một trận lớn, kéo tàn quân trở về.

Ông ngạc nhiên biết mấy khi bước chưn vô phòng khách. Bàn ghế ở trong phòng đã được kê lại hẳn hoi. Mấy ông hương chức tề tựu, ngồi la liệt, dường như không thiếu một mặt nào, từ ông Cả Bường, ông Chủ Sảnh, tới ông Hương sư Tòng, thầy Chánh lục bộ Lạc. Quét mắt một vòng, ông Chủ Thạnh phát giác ra sự vắng mặt của Hương quản Thành. Ông Hương giáo Kiểm cũng không có. Ông này đã ngồi theo ghe đưa những người bị thương, Hai Quờn, Sáu Hoài và hai gia nhơn, đi ra nhà thương tỉnh.

Ông Chủ Thạnh sửng sốt khi thấy vợ ông và con dâu của ông đang ngồi chuyện trò trên tấm ván ngựa. Bên cạnh đó, còn có bà Hương giáo Kiểm và cô Kim Huê. Người nào người nấy mặt mày tươi rói. Chắc là vừa qua một cơn hú hồn, ai nấy mừng như vừa chết đi sống lại...

Ông Chủ Thạnh chưa kịp lên tiếng hỏi, cô Hai Lựu đã lẹ làng nhảy xuống khỏi bộ ván. Cô chạy lại bên cha chồng, kề miệng vô tai ông to nhỏ một hồi.

Ông Chủ Thạnh sửng sốt, la lớn:

- Thiệt vậy sao?

Đôi mắt long lanh, cô Hai Lựu gật đầu quả quyết...

Ông Chủ Thạnh cung tay trước ngực, đảo mắt khắp một vòng. Ông nói to:

- Xin lỗi chư huynh đệ. Tôi có chuyện phải giải quyết cấp kỳ. Xin cáo từ...

Mấy ông hương chức ngó nhau, ngạc nhiên. Họ thấy điệu bộ của ông Chủ Thạnh vô cùng khác lạ. Nét mặt của ông thay đổi liên tục, có lúc như sợ sệt hãi hùng, có lúc như ngang tàng khí khái.

Ông Chủ Thạnh bước tới trước mặt ông Hương sư Tòng. Ông nói từng tiếng, làm như muốn cho mọi người cùng nghe:

- Chuyện gì tới thì cũng phải tới thôi. Nếu tôi không còn mạng trở về, xin anh và anh Giáo để tâm chăm sóc giùm gia đình tôi, đợi hai thằng con tôi về nước thì giao lại cho tụi nó.

Khi không mà nghe ông Chủ Thạnh trối trăng, ký thác việc gia đình, nhiều người bật lên kêu trời. Lớn tiếng nhứt là bà Chủ Thạnh.

Ai nấy chưa hết bàng hoàng, chưa kịp hỏi nguyên do. Ông Chủ Thạnh đã nắm chặt cây côn, bước ra khỏi nhà. Ba tay thầy võ, Tư Cui, Sáu Hó, Tám Tích dợm bước theo. Ông Chủ Thạnh khoát tay ngăn lại. Ông nói lớn:

- Đây là chuyện riêng...

Ánh mắt của ông Chủ Thạnh khiến cho ba tay thầy võ khựng lại. Họ biết rằng không thể cãi lời ông được.

Ông Chủ Thạnh, cây côn nâu đỏ lăm lăm trong tay, đi thẳng một mạch ra chòi sư Tâm Đức.

Cách chòi chừng mười thước, ông Chủ Thạnh ứng tiếng:

- Hồng Côn Đường Chủ, Bạch Phiến Đường Chủ, kẻ tội đồ này xin ứng hầu...

Ông lên tiếng tới lần thứ hai, cánh cửa chòi vẫn đóng im ỉm, không một tiếng trả lời. Thủ kỹ cây côn che trước ngực, ông Chủ Thạnh co chưn đạp mạnh vô tấm cửa. Cửa vừa bung, ông cũng vừa đứng giữa chòi.

Sư Tâm Đức không có ở trong chòi, những vật dụng, tuế nhuyễn của nhà sư cũng không còn. Bàn thờ Phật đã trống trơn. Trống ngực

ông Chủ Thạnh đánh thình thịch như trống làng, khi thấy một tờ giấy đỏ gấp tư, để trên mặt bàn thờ. Ở một góc của mảnh giấy, có bốn chấm đen, nằm vuông vức như mặt tứ của con xí ngầu.

Ông Chủ Thạnh lẩm bẩm, giọng của ông đứt đoạn:

- Tứ... hải... giai... huynh... đệ.

Dù cố trấn tĩnh hết sức, tay ông Chủ Thạnh run lên khi chạm vào mảnh giấy hồng điều.

Ngồi xuống cái ghế, hít thở, cố lấy bình tĩnh trở lại, một hồi lâu, ông Chủ Thạnh mới từ từ mở mảnh giấy ra. Đôi tay ông cũng chưa hết run...

## CHƯƠNG KẾT

*Kính thưa Sư thúc,*

*Đường côn "Phong vũ tiêu tiêu" của sư thúc quả nhiên danh bất hư truyền.*

*Thiệt không ngoa, khi các bậc trưởng thượng, ngồi nhắc lại cố sự, kể rằng, với đường "Phong vũ tiêu tiêu", sư thúc đã ngang trời dọc đất, ra tay chưa hề có đối thủ. Ngay như đến đại sư bá, với đường "Lôi vũ động" tung hoành suốt một đời, cũng phải nể phục sư thúc mười phần.*

*Tiểu điệt sanh sau đẻ muộn, tóc còn để ba vá Na Tra, mới vừa tập tễnh theo hầu thầy, học được vài ba bài quyền để cùng thầy lưu lạc "Sơn Đông mãi võ", thì hoạn nạn đã đổ xuống. Thầy của tiểu điệt vì nóng lòng báo mối hận ngàn đời của Hội, bất chấp sự can ngăn của đại sư bá, xông xáo vào tận dinh đường của kẻ thù, để rồi phải bị bắn chết. May mắn là tiểu điệt được đại sư bá đem về nuôi dạy. Trước đây, tiểu điệt chưa từng hân hạnh được diện kiến cùng sư thúc, chỉ được nghe nhắc nhở nhiều lần về sư thúc mà thôi. Sư thúc được mô tả như một kỳ lân phượng hoàng trên đời, như là một nhân tài tót chúng, trăm năm mới xuất hiện một người, của Hội.*

*Với bầu máu nóng của tuổi trẻ trước đây, tiểu điệt bán tín bán nghi. Ngày nay, thấy đường côn của sư thúc, tiểu điệt không còn nghi nan gì nữa hết.*

*Để đối phó với đường côn này của sư thúc, đại sư bá đã mất gần hai chục năm khổ sở nghiên cứu, bớt ngắn thêm dài, gia hư giảm thực, dĩ động chế tĩnh để hoàn hảo lại đường "Lôi vũ động". Đại sư bá cố công làm sao để cho "Lôi vũ động" trở thành khắc chế của "Phong vũ tiêu tiêu". Và, tiểu điệt đã mất hơn năm năm, dưới sự tận tình chỉ dạy của đại sư bá, mới nhuần nhuyễn được, mới phát huy được tất cả tinh hoa của "Lôi vũ động" theo ý mình. Mục đích sự khổ công của đại sư bá và sự miệt mài của tiểu điệt, để làm gì? Chắc sư thúc đã biết.*

*Ngày trước, khi Hội lâm vào cơn đại nạn trước họng súng của bọn thực dân, các vị sư bá, sư thúc và biết bao nhiêu sư huynh, sư tỉ đã hy sinh. Sư thúc, vừa là đường chủ, vừa là thủ bổn của Hội, đã ôm hết tài sản, một số tài sản khổng lồ, chạy thoát thân lấy một mình. Khi mọi việc lắng dịu, người chết đã được chôn, kẻ bị bắt kéo dài ngày tháng nơi đảo hoang, đại sư bá gắng gượng thu thập những hội viên tản lạc, xây dựng lại Hội, sư thúc đã không thấy xuất hiện.*

*Những kẻ còn sống sót, còn nặng lòng với Hội, dù muốn lùng kiếm sư thúc hết sức, cũng không dám. Ai cũng tự biết rằng không phải là đối thủ của sư thúc. Cho tới khi đại sư bá hoàn hảo được và tiểu điệt nhuần nhuyễn được đường côn "Lôi vũ động"...*

*Trước khi nhắm mắt lìa trần, đại sư bá đã trao cái trọng trách Hồng Côn Đường Chủ, trọng trách mà sư thúc gánh vác trước đây, cho tiểu điệt. Và ủy thác cho tiểu điệt nhiệm vụ phải tìm cho ra tông tích của sư thúc.*

*Tiểu điệt vì tầm thù mà tới đây, không có chủ ý đối phó với sư thúc, nhưng tình cờ, khám phá ra tông tích của sư thúc, chỉ tình cờ thôi, khi sư thúc dùng "quy tức công" nén hơi thở, nép bên bờ tre để theo dõi tiểu điệt. Sư thúc khéo dấu hành tung đến nỗi một người như Hương quản Thành, bộ hạ của Bạch Phiến Đường Chủ, tinh tế là vậy, cận kề với sư thúc bao nhiêu năm, vẫn không hề phát giác ra được.*

*Kể từ khi khám phá ra được hành tung của sư thúc, tiểu điệt bâng khuâng bối rối, như đang đứng trước một ngã ba đường. Một nẻo là lời*

*trối trăn, kỳ vọng của đại sư bá. Một nẻo là những việc làm của sư thúc mà tiểu điệt đã biết được.*

*Nỗi khổ tâm của sư thúc, có hay không, tiểu điệt không biết. Điều tiểu điệt thấy là sư thúc đã sử dụng tài sản của Hội một cách xứng đáng, cho dân cho nước, gần xa đều được nhờ, hiện tại hay tương lai cũng đều được nhờ.*

*Phải chăng sư thúc đã ý thức rằng gươm, đao, côn, kiếm, phù, phép không thể nào đương cự được với súng đạn của Tây dương Bạch quỉ, nên sư thúc âm thầm tìm phương kế khác.*

*Hay, phải chăng sư thúc có ý riêng, thấy rằng lực lượng của Hội đã tan nát, có cố gắng khôi phục lại, cũng khiến rồi ra người chết thêm, tổ chức tan hoang thêm, nên sư thúc muốn vạch một lối khác mà đi?*

*Những toan tính ấy, nếu có, sư thúc không nói ra, làm sao có người hiểu. Tiểu điệt chỉ biết rằng, những điều sư thúc làm, tiểu điệt đã nhìn thấy.*

*Thiệt sự ra, trong thời gian này, việc đối phó với sư thúc, hay bắt buộc sư thúc phải trả lời với Hội, với vong linh của những người đã chết, về những sai trái sư thúc đã gây ra trước đây, tiểu điệt có đủ tự tin và bản lãnh để thực hiện. Nhưng, in tuồng như, tiểu điệt thấy rằng sư thúc đã âm thầm thay mặt Hội, làm những điều Hội muốn làm, mà chưa làm được. Nỗi phân vân của tiểu điệt là liệu một khi đã ra tay đối phó với sư thúc rồi, tiểu điệt và các vị đầu lãnh của Hội có làm bằng được hay hơn được sư thúc hay không.*

*Tiểu điệt có đủ lý lẽ để trình bày với vong linh của đại sư bá về một lời ủy thác không được làm tròn.*

*Thưa sư thúc,*

*Ở trên, tiểu điệt có nói rằng tiểu điệt về đây để tầm thù. Kẻ thù ở đây là Quận Nhiều. Tên tay sai chó săn của bọn thực dân này thiệt đáng chết. Đi tới đâu, nó cũng ra tay giết hại người yêu nước. Nó tụ tập dưới trướng những quân đầu trâu mặt ngựa, khát máu dân lành. Tệ hại hơn hết, nó còn cho thuộc hạ, giả làm ăn cướp, bắt cóc đàn bà con gái đem về hãm hiếp, làm nhục làm nhã đủ trăm đường.*

*làm cho Quận Nhiều phải thân bại danh liệt mà sư thúc đã mất bao nhiêu tiền bạc và công lao giăng ra. Tiểu điệt còn trẻ, không có đủ kiên nhẫn quăng câu, ngồi chờ cá cắn mồi. Vả chăng, nó chết sớm ngày nào, dân lành thoát hại ngày đó. Tiểu điệt không dám nói rằng các biện pháp mà sư thúc đã sắp đặt, quá nhân nhượng và dễ dãi cho nó. Nhưng, nó đáng chết.*

*Có lẽ, cái chết của Quận Nhiều và toàn thể thuộc hạ ác ôn, sẽ làm làng này bị xáo trộn, không thể yên được với bọn thực dân. Tiểu điệt xin sư thúc ra tay đối phó vụ này. Tiểu điệt tin rằng với thế lực và tài năng của sư thúc, sư thúc dư sức để làm việc đó.*

*Thưa sư thúc,*

*Cái câu thơ truyền đời "Phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động" của Hội không nên để cho bị tách ra thành hai vế riêng biệt với nhau, hay tệ hại hơn nữa, đối nghịch nhau.*

*Cái ách của thực dân còn đè nặng, bọn tay sai chó săn còn nhiều, câu thơ này còn phải gắn bó với nhau nhiều hơn nữa. Phải vậy không, sư thúc?*

*Đường "Phong vũ tiêu tiêu" đã cứu được cô Kim Huê.*

*Đường "Lôi vũ động" đã cứu được cô Hai Lựu.*

*Phong - Lôi - Vũ cùng "động" để cứu khổn phò nguy, dẹp tan chòm ong lũ kiến, cứu kiếp nạn cho dân lành.*

*Cuộc cờ thế sự đã có nhiều biến chuyển. Ngọn lửa cứu nước đã được khơi lên ở khắp bưng biền. Hào kiệt đã rục rịch nương cơ hội này mà dành lại độc lập. Dân chúng khắp nơi đang mong trả cái nghĩa lớn đối với nước non. Tiểu điệt nghĩ rằng, trong dịp này, không có một người nào, đã từng dính dự ít nhiều tới Hội, có thể khoanh tay.*

*Tiểu điệt đã bị lộ mặt ở đây. Vả không còn lý do gì để lưu lại. Vài dòng giã biệt. Hẹn sẽ tương phùng...*

*Tâm Đức*

**Trọng xuân Tân Mùi, 1991**

Đón đọc Văn Học số tới:

**CHỦ ĐỀ THI CA**

# GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

● **Sông Côn Mùa Lũ tập IV:**

Trường thiên tiểu thuyết của Nguyễn Mộng Giác. An Tiêm xuất bản. Giá 20 Mỹ kim.

● **Cám Ơn Đất Đá Trổ Thơ**

**Lòng Ta Hạt Bụi Vu Vơ Bám Hoài:**

Thơ Luân Hoán. Kinh Đô xuất bản. Sách dày 124 trang. Bìa & Phụ bản ViVi. Giá 10 Mỹ kim.

● **Tình Tọa:**

Thi tuyển của Hoàng Liên (Nguyễn Mai Thạch). Giá 10 Mỹ kim.

● **Dặm Khuya:**

Truyện dài của Hoàng thị Đáo Tiệp. Ngày Nay xuất bản 1991. Sách dày 300 trang. Giá 12 Mỹ kim.

Liên lạc: Mrs Hoàng thị Đáo Tiệp

P.O. Box 1371 Rancho Cordova, CA 95741 - USA.

# THƯ TÍN

● **Ngô Nguyên Dũng (Đức):**

Đã gửi bìa "Tiếng Núi". Tân Thư & Thời Văn đang hoạt động mạnh. Có tác phẩm mới hãy gửi gấp. Thân.

● **Hồ Đình Nghiêm (Canada):**

"Tờ Mộng Rách Rồi" đang lên khuôn. Sẽ phát hành đầu tháng sáu. Thân.

● **Nhắn tin các Họa sĩ đã hoặc chưa cộng tác với Văn Học:**

Xin quý anh đóng góp tranh để Văn Học mỗi ngày thêm khởi sắc. Thân.

# THÔNG BÁO

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 5-1991, hai nhà xuất bản Tân Thư - Thời Văn nhập chung thành:

## TỔ HỢP XUẤT BẢN TÂN THƯ - THỜI VĂN

P.O. Box 2054 F65
Westminster, CA 92684
Điện thoại: (714) 898-9074 • (714) 839-7109
Fax: (714) 839-6972

•

## TÂN THƯ đã xuất bản:

- Cây Gậy Làm Mưa: tập truyện Dỗ Kh.
- Mười Truyện Tân Liêu Trai: Thăng Long Văn Sĩ
- Thơ Đỗ Kh..
- Có Yêu Em Không: Tập truyện Khánh Trường (đã hết)
- Điểm Tâm Cho Người Yêu: thơ Trần Sa
- Có Những Bực Mình Tức Không Thể Nói: thơ Đỗ Kh.
- Sàigòn Ở Phố Lưu Vong: thơ Lê Giang Trần
- Không Có Mây Trên Thành Phố Los Angeles: tập truyện Lê Uyên Phương

•

## THỜI VĂN đã xuất bản:

- Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu: tập truyện Trần Vũ (đã hết)
- Nhứt Biết Nhì Quen: chuyện dài Nguyễn Đức Lập
- Ly Thân: truyện dài Trần Mạnh Hảo (đã hết)
- Sợi Chỉ Trong Hồn: truyện dài Nguyễn Ý Thuần
- Cánh Cửa: tập truyện Nhật Tiến

•

Tổ Hợp Xuất Bản TÂN THƯ - THỜI VĂN đang in:

- Tờ Mộng Rách Rồi: tập truyện Hồ Đình Nghiêm
- Phong Vũ Tiêu Tiêu, Lôi Vũ Động: chuyện dài Nguyễn Đức Lập

**TÁI BẢN:**

- Có Yêu Em Không?: tập truyện Khánh Trường
- Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu: tập truyện Trần Vũ
- Cuộc Chiến Tàn Chưa: chuyện ngắn Nguyễn Đức Lập
- Ngấn Cổ Khó Kêu: chuyện dài Nguyễn Đức Lập

**SẼ IN:**

- Sân Trường: tập truyện Lê Đại Lãng
- Người Sau Cùng: chuyện dài Nguyễn Đức Lập
- Khung Rào Hẹp: chuyện ngắn Nguyễn Đức Lập
- Trên Ghế Ngồi Ngoài Đường: tập truyện Đỗ Kh.
- Chỗ Tiếp Giáp Với Cánh Đồng: tập truyện Khánh Trường
- Con Nước Vô Danh: thơ Trịnh Y Thư
- Ở Cõi Đời Câm Nín Đó: thơ Phạm Việt Cường
- Thơ Cao Đồng Khánh
- Truyện ngắn Trần Sa
- Tường Trình Từ Thiên Đường: tuyển truyện văn học Đông Âu, Phạm Việt Cường chuyển ngữ
- Năm Thi Hào Nga Hiện Đại: Trịnh Y Thư giới thiệu
- Nhẹ Kiếp Nhân Sinh: truyện dài Milan Kundera, Trịnh Y Thư chuyển ngữ
- Vẫn Chưa Hết Buổi Chiều: truyện dài Khánh Trường
- Cửa Việt: hồi ký Cao Xuân Huy
- Đôi Mắt Quay Lại: chuyện ngắn Nguyễn Đức Lập
- Dàn Đậu Mưa Rung: chuyện dài Nguyễn Đức Lập
- Trần Ai Khoai Củ: chuyện dài Nguyễn Đức Lập

•

Thư từ, bưu phiếu, bản thảo xin đề:

Tổ Hợp Xuất Bản TÂN THƯ - THỜI VĂN

# Bộ Chữ Việt

# VNI VENTURA -EZ

Bộ Chữ Việt Ấn Bản 2.0
Mới — Hoàn Hảo — Dễ Hiểu — Dễ Dùng
Nhiều loại, nhiều cỡ, nhiều kiểu chữ đẹp
Dùng với Ventura Version 2 & Gold Series 3

"Đặc Biệt Chữ Việt Sử Dụng Với
Hầu Hết Những Máy LapTop"

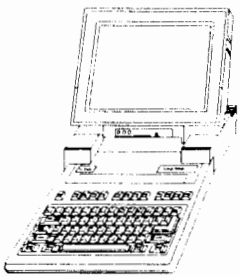

## VNI

**Computer Hardware & Software**
**15103 Moran St.**
**Westminster, CA 92683 U.S.A.**
*(Ngay tại trung tâm Little Saigon)*

## (714) 891-7656

Tìm đọc:

# THUYỀN NHÂN

Truyện dài MAI KIM NGỌC
Văn Nghệ xuất bản

Liên lạc Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến

**ACS** ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

*(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)*

**Đặc Biệt**

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235
  4 Mb $375

Bác sĩ

**NGUYỄN VĂN THẾ M.D**

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

**ĐIỀU TRỊ**

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

**NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH**
**NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM**

**GIỜ LÀM VIỆC**

- Ngày Thường: 9:30 Am - 6:30 Pm
- Thú Bảy: 9:30 Am - 3:00 Pm
- Thứ Tư - Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

**(714) 898.5951 / 898.2967**

# Hoa Sen Trên Tuyết

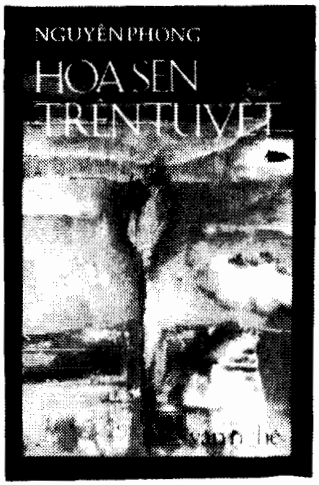


do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
*Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim*

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

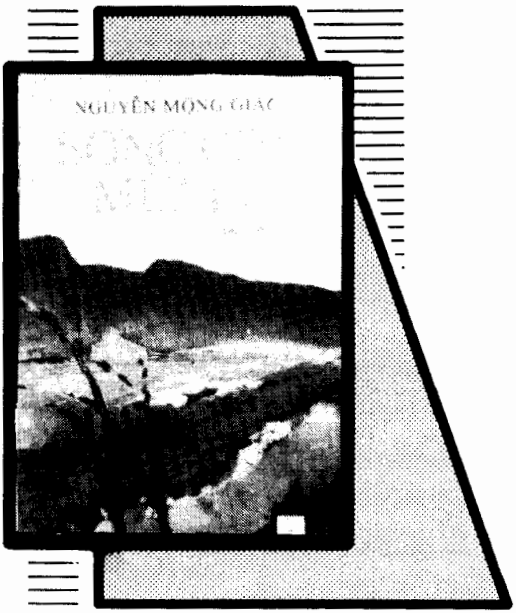


*NHÀ XUẤT BẢN* ***AN TIÊM*** *VỪA PHÁT HÀNH KHẮP NƠI*

BỘ TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT THỨ NHÌ CỦA NHÀ VĂN

**NGUYỄN MỘNG GIÁC**

# SÔNG CÔN MÙA LŨ

BỘ TIỂU THUYẾT ĐỒ SỘ DÀY GẦN 2000 TRANG VIẾT VỀ THỜI KỲ
LỊCH SỬ HÀO HÙNG VÀ BI ĐÁT NHẤT CỦA DÂN TỘC: THỜI TÂY SƠN
★ MỘT THIÊN ANH HÙNG CA VÀ MỘT THIÊN TÌNH SỬ ★

**PHÁT HÀNH ĐỢT ĐẦU:**

TẬP I : DÀY 414 TRANG, GIÁ 18 MK
TẬP 2: DÀY 500 TRANG, GIÁ 20 MK

SÁCH HIỆN CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH. BẠN ĐỌC Ở XA LIÊN LẠC :

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ:**
P.O. BOX 2301 WESTMINSTER CA 92683
PHONE: **(714) 527-5761**

nhà xuất bản
**TÂN THƯ**
13081 Hope St. Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 537-2468

Trân trọng giới thiệu những sách đã in trong năm 1990:

- CÓ YÊU EM KHÔNG? Tập truyện Khánh Trường. Bìa tác giả, phụ bản Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp, Võ Đình, Nguyễn Trọng Khôi, Thái Tuấn - 352 trang - Giá 14 Mỹ kim.
- KHÔNG CÓ MÂY TRÊN THÀNH PHỐ LOS ANGELES. Tập truyện và tùy bút Lê Uyên Phương. Bìa Khánh Trường. Dày 250 trang. Giá 12 Mỹ kim
- ĐIỂM TÂM CHO NGƯỜI TÌNH. Thơ Trần Sa. Bìa Phạm. Dày 100 trang. Giá 5 Mỹ kim.
- CÓ NHỮNG BỰC MÌNH TỨC KHÔNG THỂ NÓI. Thơ Đỗ Khiêm. Bìa Khánh Trường. Giá 5 Mỹ kim.

# ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI

## sự tích đức Phật

*Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh*

---

30 CHƯƠNG TRUYỆN về

- Thái tử Tất-đạt-đa
- Sa môn Gô-ta-ma
- Đức Phật Thích Ca

3 THỨ TIẾNG: Việt, Anh, Pháp
30 BỨC MINH HỌA cho 30 chương – Bìa màu rực rỡ

## ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI là

- một tác phẩm văn/họa cực kỳ công phu
- một sự cúng dường lên đấng Đại giác. Tạ ơn quê hương và gia đình
- một món quà thanh nhã, hữu ích
- một lời giới thiệu đẹp đẽ về văn hóa và văn nghệ đất nước

---

Sách lớn 8"x10$^{3/4}$" – 100 trang giấy dầy đặc biệt – Xin hãy tìm ở các tiệm sách hay gởi mua tại: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Điện thoại: (714) 527-5761

Bác Sĩ

**VŨ ĐÌNH MINH**

**DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE**
**AND PULMONARY DISEASES**

**CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI**

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

**NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM**

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

*Mua để tặng nhau*

tặng phẩm trang nhã nhất:

**TẶNG PHẨM TÌNH YÊU**

**Tập thơ thứ ba của**

**Vi Khuê**

*Rạng rỡ thiên nhiên*
*thấm thiết tình cảm*
*nồng nàn tình yêu*
*tràn ngập hình ảnh quê hương*

TẶNG PHẨM TÌNH YÊU, tập thơ thứ ba của *Vi Khuê* do nhà xuất bản THẾ GIỚI phát hành khắp hải ngoại. Có bán tại các hiệu sách lớn.

Giá 10 mk + cước phí xa, gần. Sách có lời đề tặng của tác giả, xin hỏi mua tại:

**Vi Khuê**

**5649 Mt Burnside Way - Burke, Virginia 22015**

## PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

*Mua một năm báo tại Hoa kỳ*

Gửi hạng tư . . . . . $36.00

Gửi hạng nhất . . . . . $42.00

*Mua một năm báo tại Canada*

Gửi hạng tư . . . . . $40.00

Gửi hạng nhất . . . . . $46.00

*Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu*

Gửi hạng tư . . . . . $48.00

Gửi hạng nhất . . . . . $84.00

*Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học*

## PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

**Nhà xuất bản VĂN NGHỆ**
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
*Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ*

## SÁCH SẼ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — **8.00MK**
  *Nguyên Giác Phan Tấn Hải*
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** — **12.00MK**
  *Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương*
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — **16.00MK**
  *Nguyễn Hưng Quốc*
- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC** — **13.00MK**
  *Will Durant – Nguyễn Hiến Lê dịch*
- **HỒI KÍ TẬP II** — **14.00MK**
  *Nguyễn Hiến Lê*

## *TỔNG PHÁT HÀNH*

*Nhà xuất bản AN TIÊM:*

- **ĐỌC KINH** — **6.00MK**
  *Vũ Khắc Khoan*
- **HOÀNG TỬ BÉ** — **6.00MK**
  *Le Petit Prince của Saint Exupéry*
  *Bùi Giáng dịch*
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — **6.00MK**
  *Bùi Giáng dịch*
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — **13.00MK**
  *của Hoàng Nguyên Nhuận*
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — **15.00MK**
  *Hermann Hesse – Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch*
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — **6.00MK**
  *Rainer Maria Rilke – Phạm Công Thiện dịch*
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I, II, III, IV** **(18, 20, 20, 20MK mỗi tập)**
  *Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác*
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM** — **15.00MK**
  *Tạ Chí Đại Trường*
- **THƠ TAGORE (Lời dâng, Tâm Tình Hiến Dâng)** — **8.00MK**
  *Đỗ Khánh Hoan dịch*

*Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK*

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
*Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ*

*Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK*

Giá: 3$50